**Sở Giáo dục và Đào tạo Tp Hồ Chí Minh**

# KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 12 THPT
# KHÓA NGÀY 14. 3. 2013

| Stt | Môn | SBD | Họ | Tên | Ngày sinh | | | Nơi sinh | Trường | Giải |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ĐỊA LÝ | 4341 | Nguyễn Danh | Khang | 18 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 2 | ĐỊA LÝ | 4497 | Nguyễn Hồng | Thanh | 16 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 3 | ĐỊA LÝ | 4338 | Văn Thị Thanh | Huyền | 10 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 4 | ĐỊA LÝ | 4489 | Trần Thị Thanh | Tâm | 26 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bà Điểm | Nhất |
| 5 | ĐỊA LÝ | 4354 | Võ Trọng | Lễ | 10 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bà Điểm | Nhất |
| 6 | ĐỊA LÝ | 4411 | Trần Mai Hồng | Ngọc | 09 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 7 | ĐỊA LÝ | 4473 | Nguyễn Ngọc Như | Quỳnh | 22 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 8 | ĐỊA LÝ | 4358 | Đỗ Cao | Linh | 08 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhất |
| 9 | ĐỊA LÝ | 4479 | Lê Hải | Sơn | 09 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Nhất |
| 10 | ĐỊA LÝ | 4505 | Nguyễn Văn | Thiên | 28 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Bình | Nhất |
| 11 | ĐỊA LÝ | 4509 | Đào Xuân | Thịnh | 20 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 12 | ĐỊA LÝ | 4552 | Trần Thị Minh | Trang | 23 | 12 | 1995 | Đà Nẵng | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 13 | ĐỊA LÝ | 4271 | Tạ Thùy | Dung | 7 | 7 | 1995 | Cần Thơ | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 14 | ĐỊA LÝ | 4393 | Phạm Tuyết | Ngân | 29 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 15 | ĐỊA LÝ | 4461 | Lý Bội | Quân | 17 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Nhất |
| 16 | ĐỊA LÝ | 4467 | Trần Thanh | Quang | 23 | 10 | 1995 | Nam Định | Bà Điểm | Nhất |
| 17 | ĐỊA LÝ | 4276 | Đào Thị Hồng | Duyên | 09 | 08 | 1995 | Thái Bình | Hùng Vương | Nhất |
| 18 | ĐỊA LÝ | 4455 | Nguyễn Ngọc Yến | Phương | 20 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Nhất |
| 19 | ĐỊA LÝ | 4339 | Ngô Trần Duy | Kha | 20 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Nhất |
| 20 | ĐỊA LÝ | 4356 | Nguyễn Thị Mỹ | Liên | 7 | 2 | 1995 | Hà Tĩnh | Củ Chi | Nhất |
| 21 | ĐỊA LÝ | 4462 | Nguyễn Hữu Hoàng | Quân | 24 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 22 | ĐỊA LÝ | 4490 | Trần Văn | Tây | 21 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Nhất |
| 23 | ĐỊA LÝ | 4495 | Huỳnh Tuấn | Thanh | 14 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Thánh Tôn | Nhất |
| 24 | ĐỊA LÝ | 4563 | Huỳnh Thành | Trung | 07 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhất |
| 25 | ĐỊA LÝ | 4286 | Ea Ngọc | Điệp | 26 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhất |
| 26 | ĐỊA LÝ | 4349 | Lê Kim | Khuyên | 6 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 27 | ĐỊA LÝ | 4353 | Trần Văn | Lâm | 6 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | An NhơnTây | Nhất |
| 28 | ĐỊA LÝ | 4460 | Hồ Thị | Phượng | 3 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Nhất |
| 29 | ĐỊA LÝ | 4469 | Phạm Cao Thanh | Quyên | 17 | 06 | 1995 | Quảng Nam | Nguyễn Chí Thanh | Nhất |
| 30 | ĐỊA LÝ | 4248 | Trần Thị Trâm | Anh | 23 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Nhì |
| 31 | ĐỊA LÝ | 4267 | Nguyễn Thị Thu | Diễm | 16 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Vĩnh Lộc | Nhì |
| 32 | ĐỊA LÝ | 4332 | Phạm Liên | Hương | 25 | 8 | 1995 | Tiền Giang | Bình Phú | Nhì |
| 33 | ĐỊA LÝ | 4340 | Phạm Đức | Khải | 28 | 11 | 1995 | Kiên Giang | Nguyễn Du | Nhì |
| 34 | ĐỊA LÝ | 4350 | Bùi Thị | Kiều | 04 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | An Nghĩa | Nhì |
| 35 | ĐỊA LÝ | 4396 | Huỳnh Trần Bình | Nghi | 20 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Lập | Nhì |
| 36 | ĐỊA LÝ | 4547 | Nguyễn Ngọc Thanh | Trang | 11 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Nhì |
| 37 | ĐỊA LÝ | 4577 | Nguyễn Thị Bạch | Vân | 23 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 38 | ĐỊA LÝ | 4579 | Nguyễn Ngọc Tường | Vi | 22 | 01 | 1995 | Long An | Thủ Đức | Nhì |
| 39 | ĐỊA LÝ | 4590 | Nguyễn Thành | Đức | 18 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nam Sài Gòn | Nhì |
| 40 | ĐỊA LÝ | 4242 | Đặng Thanh | Anh | 1 | 6 | 1995 | Quảng Ngãi | Phan Châu Trinh | Nhì |
| 41 | ĐỊA LÝ | 4269 | Trần Thị Thanh | Diệu | 29 | 10 | 1995 | Bạc Liêu | Thủ Đức | Nhì |
| 42 | ĐỊA LÝ | 4292 | Lê Minh | Đức | 16 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 43 | ĐỊA LÝ | 4295 | Lê Hoàng | Giang | 6 | 7 | 1995 | Thanh Hóa | Nguyễn Huệ | Nhì |
| 44 | ĐỊA LÝ | 4504 | Trần Châu | Thi | 30 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phước Long | Nhì |
| 45 | ĐỊA LÝ | 4274 | Lưu Thiết | Duy | 16 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 46 | ĐỊA LÝ | 4275 | Nguyễn Đắc Phương | Duy | 4 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thanh Đa | Nhì |
| 47 | ĐỊA LÝ | 4277 | Trần Thúy | Duyên | 12 | 11 | 1995 | Tây Ninh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 48 | ĐỊA LÝ | 4334 | Nguyễn Đức | Huy | 5 | 9 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 49 | ĐỊA LÝ | 4355 | Ngô Thị Bích | Liên | 31 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | An Nghĩa | Nhì |
| 50 | ĐỊA LÝ | 4357 | Đặng Thị Ngọc | Linh | 12 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhì |
| 51 | ĐỊA LÝ | 4438 | Lâm Thuận | Phát | 11 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 52 | ĐỊA LÝ | 4446 | Ngô Giang | Phúc | 26 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Nhì |
| 53 | ĐỊA LÝ | 4565 | Hoàng Việt | Tú | 08 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Hoà | Nhì |
| 54 | ĐỊA LÝ | 4583 | Trần Hoàng | Vũ | 28 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đinh Thiện Lý | Nhì |
| 55 | ĐỊA LÝ | 4244 | Ngô Thị Hoàng | Anh | 26 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Nhì |
| 56 | ĐỊA LÝ | 4328 | Nguyễn Thị Kim | Hồng | 11 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trãi | Nhì |
| 57 | ĐỊA LÝ | 4348 | Trương Đăng | Khoa | 15 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Phong | Nhì |
| 58 | ĐỊA LÝ | 4471 | Đỗ Lê Hương | Quỳnh | 26 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | TH Thực hành Sài Gòn | Nhì |
| 59 | ĐỊA LÝ | 4476 | Hồ Trí | Sang | 05 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |
| 60 | ĐỊA LÝ | 4494 | Huỳnh Thị Kim | Thanh | 3 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Diệu | Nhì |
| 61 | ĐỊA LÝ | 4530 | Trần Thái Thị Thu | Tiền | 27 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Hoà | Nhì |
| 62 | ĐỊA LÝ | 4546 | Nguyễn Đỗ Thùy | Trang | 05 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tây Thạnh | Nhì |
| 63 | ĐỊA LÝ | 4278 | Võ Ngọc Đào | Duyên | 10 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Nhì |
| 64 | ĐỊA LÝ | 4294 | Tô Thế | Gia | 25 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 65 | ĐỊA LÝ | 4351 | Nguyễn Thị Nguyên | Lam | 30 | 5 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Diệu | Nhì |
| 66 | ĐỊA LÝ | 4352 | Phan Khánh | Lâm | 30 | 10 | 1995 | Đồng Nai | Bình Khánh | Nhì |
| 67 | ĐỊA LÝ | 4428 | Tùng Uyển | Nhi | 16 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 68 | ĐỊA LÝ | 4466 | Huỳnh Duy | Quang | 15 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Diệu | Nhì |
| 69 | ĐỊA LÝ | 4511 | Lê Phú | Thịnh | 26 | 3 | 1995 | Kiên Giang | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 70 | ĐỊA LÝ | 4255 | Nhan Lệ | Bích | 17 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Khuyến | Nhì |
| 71 | ĐỊA LÝ | 4259 | Nguyễn Thị Kim | Chi | 28 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 72 | ĐỊA LÝ | 4313 | Nguyễn Thanh | Hiếu | 25 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Nhì |
| 73 | ĐỊA LÝ | 4425 | Trần Quế | Nhi | 13 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 74 | ĐỊA LÝ | 4435 | Vũ Thị Hồng | Nhung | 16 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |
| 75 | ĐỊA LÝ | 4475 | Hồ Ngọc | Sâm | 21 | 07 | 1995 | Đồng Tháp | Tây Thạnh | Nhì |
| 76 | ĐỊA LÝ | 4506 | Quách Thanh | Thiên | 24 | 4 | 1995 | Sóc Trăng | Võ Trường Toản | Nhì |
| 77 | ĐỊA LÝ | 4540 | Nguyễn Thị Hoài | Trân | 21 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 78 | ĐỊA LÝ | 4545 | Lê Thị Cẩm | Trang | 15 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Nhì |
| 79 | ĐỊA LÝ | 4549 | Nguyễn Tôn Hương | Trang | 13 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhì |
| 80 | ĐỊA LÝ | 4283 | Nguyễn Thị Trúc | Đào | 11 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 81 | ĐỊA LÝ | 4285 | Dương Thị | Đẹp | 23 | 01 | 1995 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Trí Đức | Ba |
| 82 | ĐỊA LÝ | 4319 | Nguyễn Đức Khánh | Hoàng | 09 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 83 | ĐỊA LÝ | 4416 | Nguyễn Huỳnh Thanh | Nhã | 14 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 84 | ĐỊA LÝ | 4421 | Nguyễn Dư Bảo | Nhi | 24 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 85 | ĐỊA LÝ | 4472 | Đoàn Trần Như | Quỳnh | 19 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 86 | ĐỊA LÝ | 4510 | Hoàng Quốc | Thịnh | 04 | 07 | 1996 | Cần Thơ | Hồng Hà | Ba |
| 87 | ĐỊA LÝ | 4515 | Nguyễn Nguyên Anh | Thư | 16 | 4 | 1995 | Ninh Thuận | Marie Curie | Ba |
| 88 | ĐỊA LÝ | 4520 | Nguyễn Thị Bích | Thủy | 21 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | An Nghĩa | Ba |
| 89 | ĐỊA LÝ | 4557 | Huỳnh Thảo | Trúc | 26 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 90 | ĐỊA LÝ | 4306 | Nguyễn Huỳnh Thanh | Hải | 17 | 6 | 1995 | Đồng Tháp | Thanh Đa | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 91 | ĐỊA LÝ | 4343 | Phạm Gia | Khang | 25 | 02 | 1995 | Hải Dương | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 92 | ĐỊA LÝ | 4345 | Vũ Hồng | Khanh | 17 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trường Chinh | Ba |
| 93 | ĐỊA LÝ | 4365 | Nguyễn Thị Thanh | Loan | 4 | 7 | 1995 | Sông Bé | An NhơnTây | Ba |
| 94 | ĐỊA LÝ | 4389 | Đặng Thị Kim | Ngân | 31 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Ba |
| 95 | ĐỊA LÝ | 4418 | Lê Mỹ | Nhàn | 20 | 11 | 1995 | Sông Bé | Trung Phú | Ba |
| 96 | ĐỊA LÝ | 4424 | Ôn Ân | Nhi | 09 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 97 | ĐỊA LÝ | 4431 | Nguyễn Lê Vân | Như | 29 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thái Bình | Ba |
| 98 | ĐỊA LÝ | 4439 | Ngô Chiêu | Phát | 15 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 99 | ĐỊA LÝ | 4464 | Đinh Tấn | Quang | 09 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |
| 100 | ĐỊA LÝ | 4468 | Lê Thị Kim | Quyên | 23 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 101 | ĐỊA LÝ | 4516 | Trần Hoài Anh | Thư | 20 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Ba |
| 102 | ĐỊA LÝ | 4538 | Nguyễn Hồ Bảo | Trâm | 31 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |
| 103 | ĐỊA LÝ | 4607 | Lương Thúy Lê Hoàng | Định | 18 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Minh Xuân | Ba |
| 104 | ĐỊA LÝ | 4608 | Hoàng Thị | Phượng | 22 | 7 | 1995 | Vĩnh Phúc | Lê Minh Xuân | Ba |
| 105 | ĐỊA LÝ | 4257 | Lê Võ Y | Bình | 20 | 5 | 1996 | Tiền Giang | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 106 | ĐỊA LÝ | 4265 | Nguyễn Cao | Danh | 18 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 107 | ĐỊA LÝ | 4287 | Triệu Thanh | Điệp | 6 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 108 | ĐỊA LÝ | 4304 | Nguyễn Thu | Hà | 13 | 01 | 1995 | Kiên Giang | Phú Nhuận | Ba |
| 109 | ĐỊA LÝ | 4315 | Dương Mỹ | Hoa | 03 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đinh Thiện Lý | Ba |
| 110 | ĐỊA LÝ | 4320 | Nguyễn Minh | Hoàng | 05 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thủ Thiêm | Ba |
| 111 | ĐỊA LÝ | 4331 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Hương | 15 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trãi | Ba |
| 112 | ĐỊA LÝ | 4363 | Lâm Hồng | Loan | 03 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Ba |
| 113 | ĐỊA LÝ | 4394 | Trần Ngọc Thu | Ngân | 17 | 10 | 1995 | Đồng Tháp | Bùi Thị Xuân | Ba |
| 114 | ĐỊA LÝ | 4404 | Lương Thị Tuyết | Ngọc | 07 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tây Thạnh | Ba |
| 115 | ĐỊA LÝ | 4408 | Tiết Phối | Ngọc | 14 | 4 | 1995 | Vũng Tàu | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 116 | ĐỊA LÝ | 4414 | Kha Nguyễn Thảo | Nguyên | 18 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 117 | ĐỊA LÝ | 4422 | Nguyễn Thị Phương | Nhi | 9 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 118 | ĐỊA LÝ | 4436 | Huỳnh Phạm Ái | Ni | 09 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Chí Thanh | Ba |
| 119 | ĐỊA LÝ | 4454 | Nguyễn Minh | Phương | 18 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Ba |
| 120 | ĐỊA LÝ | 4485 | Âu Thị Thanh | Tâm | 13 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 121 | ĐỊA LÝ | 4500 | Phạm Long | Thành | 31 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trường Chinh | Ba |
| 122 | ĐỊA LÝ | 4503 | Nguyễn Thị Ngọc | Thi | 28 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 123 | ĐỊA LÝ | 4517 | Nguyễn Võ Năng | Thức | 06 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Văn Cừ | Ba |
| 124 | ĐỊA LÝ | 4521 | Trần Ngọc Bích | Thủy | 06 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Thị Sáu | Ba |
| 125 | ĐỊA LÝ | 4522 | Bùi Thị Thủy | Tiên | 29 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Chí Thanh | Ba |
| 126 | ĐỊA LÝ | 4523 | Dịp Mỹ | Tiên | 1 | 3 | 1995 | Hồng Kông | Nguyễn Hiền | Ba |
| 127 | ĐỊA LÝ | 4534 | Nguyễn Đặng | Toàn | 22 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lý Thường Kiệt | Ba |
| 128 | ĐỊA LÝ | 4553 | Trần Thị Thùy | Trang | 10 | 11 | 1995 | Quảng Bình | Phước Long | Ba |
| 129 | ĐỊA LÝ | 4561 | Vũ Phạm Hồng | Trúc | 9 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thái Bình | Ba |
| 130 | ĐỊA LÝ | 4564 | Huỳnh Trần Quốc | Trung | 27 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 131 | ĐỊA LÝ | 4568 | Thiều Anh | Tuấn | 16 | 02 | 1995 | Bình Dương | Nhân Văn | Ba |
| 132 | ĐỊA LÝ | 4576 | Tạ Nguyễn Thảo | Uyên | 11 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 133 | ĐỊA LÝ | 4605 | Nguyễn Bá | Bình | 5 | 1 | 1995 | Quãng Ngãi | Lê Minh Xuân | Ba |
| 134 | ĐỊA LÝ | 4246 | Nguyễn Lê Phương | Anh | 27 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 135 | ĐỊA LÝ | 4305 | Lê Ngọc Thy | Hải | 06 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 136 | ĐỊA LÝ | 4347 | Thân Đặng Đăng | Khoa | 13 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 137 | ĐỊA LÝ | 4407 | Nguyễn Thị Hồng | Ngọc | 2 | 3 | 1995 | Sông Bé | Trường Chinh | Ba |
| 138 | ĐỊA LÝ | 4457 | Nguyễn Trần Thanh | Phương | 06 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 139 | ĐỊA LÝ | 4492 | Trần Quốc | Thái | 20 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 140 | ĐỊA LÝ | 4508 | Khuất Hoàng | Thiện | 08 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thạnh Lộc | Ba |
| 141 | ĐỊA LÝ | 4526 | Nguyễn Ngọc Thuỷ | Tiên | 2 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Ba |
| 142 | ĐỊA LÝ | 4539 | Hồ Nhật Bảo | Trân | 20 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 143 | ĐỊA LÝ | 4249 | Trương Thị Kim | Anh | 03 | 04 | 1995 | Quảng Trị | Nguyễn Chí Thanh | Ba |
| 144 | ĐỊA LÝ | 4254 | Mai Gia | Bảo | 11 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 145 | ĐỊA LÝ | 4281 | Trần Linh | Đan | 6 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 146 | ĐỊA LÝ | 4297 | Phạm Ngọc | Giang | 8 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 147 | ĐỊA LÝ | 4310 | Mai Gia | Hân | 4 | 12 | 1995 | Bến tre | Bình Phú | Ba |
| 148 | ĐỊA LÝ | 4323 | Phan Lê Thanh | Hoàng | 19 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 149 | ĐỊA LÝ | 4336 | Huỳnh Thị Ngọc | Huyền | 16 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 150 | ĐỊA LÝ | 4337 | Trần Thị Thanh | Huyền | 13 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Bình | Ba |
| 151 | ĐỊA LÝ | 4386 | Nguyễn Thị Mỹ | Nga | 07 | 02 | 1995 | Đồng Nai | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 152 | ĐỊA LÝ | 4402 | Lê Thị Kim | Ngọc | 8 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trung Trực | Ba |
| 153 | ĐỊA LÝ | 4412 | Trần Thị Mỹ | Ngọc | 31 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Ba |
| 154 | ĐỊA LÝ | 4458 | Phan Vĩnh Đông | Phương | 27 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 155 | ĐỊA LÝ | 4480 | Nguyễn Duy | Sơn | 7 | 7 | 1995 | Gia Lai | Phan Châu Trinh | Ba |
| 156 | ĐỊA LÝ | 4481 | Nguyễn Trần Thanh | Sơn | 21 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | An Nghĩa | Ba |
| 157 | ĐỊA LÝ | 4486 | Huỳnh Thiện | Tâm | 31 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Lập | Ba |
| 158 | ĐỊA LÝ | 4493 | Bùi Ngọc | Thanh | 25 | 7 | 1993 | Quảng Ngãi | Nhân Văn | Ba |
| 159 | ĐỊA LÝ | 4513 | Vũ Huy | Thịnh | 23 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thủ Đức | Ba |
| 160 | ĐỊA LÝ | 4519 | Lê Thu | Thủy | 09 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Văn Cừ | Ba |
| 161 | ĐỊA LÝ | 4525 | Nguyễn Hoàng Thủy | Tiên | 28 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |
| 162 | ĐỊA LÝ | 4559 | Nguyễn Thanh | Trúc | 18 | 04 | 1995 | Cần Thơ | Nam Kỳ Khởi Nghĩa | Ba |
| 163 | ĐỊA LÝ | 4592 | Võ Ngọc | Nhi | 20 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nam Sài Gòn | Ba |
| 164 | ĐỊA LÝ | 4604 | Nguyễn Hà | Bảo | 10 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Minh Xuân | Ba |
| 165 | HÓA HỌC | 850 | Hoàng Mạnh | Linh | 27 | 1 | 1995 | Sơn Tây | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 166 | HÓA HỌC | 1129 | Nguyễn Thanh | Thảo | 30 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 167 | HÓA HỌC | 722 | Nguyễn Phương | Hoàng | 02 | 08 | 1995 | Ninh Thuận | Phú Nhuận | Nhất |
| 168 | HÓA HỌC | 815 | Nguyễn Dương Duy | Khoa | 30 | 11 | 1995 | Bình Dương | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 169 | HÓA HỌC | 947 | Nguyễn Trung | Nghĩa | 27 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhất |
| 170 | HÓA HỌC | 1146 | Phan Thanh | Thiện | 31 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 171 | HÓA HỌC | 680 | Võ Hồ Lê | Hân | 08 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 172 | HÓA HỌC | 694 | Phan Thị Minh | Hảo | 14 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhất |
| 173 | HÓA HỌC | 1304 | Nguyễn Thị Thanh | Xuân | 02 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 174 | HÓA HỌC | 704 | Cam Trung | Hiếu | 19 | 7 | 1995 | Khánh Hòa | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 175 | HÓA HỌC | 584 | Trần Quốc | Cường | 11 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 176 | HÓA HỌC | 1229 | Trần Thanh Thiên | Trúc | 6 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 177 | HÓA HỌC | 922 | Trần Quang Phương | Nam | 27 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 178 | HÓA HỌC | 1075 | Nguyễn Hoàng | Sơn | 20 | 03 | 1995 | Sông Bé | Trung Phú | Nhất |
| 179 | HÓA HỌC | 919 | Lê Hoàng | Nam | 25 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 180 | HÓA HỌC | 1023 | Bùi Nguyễn Vĩnh | Phúc | 13 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 181 | HÓA HỌC | 840 | Tống Hoàng | Lâm | 21 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Nhất |
| 182 | HÓA HỌC | 1227 | Nguyễn Trần Thanh | Trúc | 17 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 183 | HÓA HỌC | 577 | Lê Minh Thành | Chung | 29 | 11 | 1995 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Quốc Văn Sài Gòn | Nhất |
| 184 | HÓA HỌC | 588 | Nguyễn Võ Tấn | Danh | 31 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 185 | HÓA HỌC | 1190 | Trương Trọng | Tín | 21 | 06 | 1995 | Tiền Giang | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 186 | HÓA HỌC | 599 | Nguyễn Thanh | Dũng | 10 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 187 | HÓA HỌC | 882 | Phan Tiểu | Long | 08 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 188 | HÓA HỌC | 958 | Trần Hoàng Duy | Ngọc | 10 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 189 | HÓA HỌC | 818 | Trần Thanh | Khoa | 5 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 190 | HÓA HỌC | 949 | Võ Trọng | Nghĩa | 17 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 191 | HÓA HỌC | 982 | Nguyễn Trọng | Nhân | 1 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 192 | HÓA HỌC | 1002 | Phạm Thị Tuyết | Như | 17 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 193 | HÓA HỌC | 1022 | Trương Quốc | Phú | 6 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 194 | HÓA HỌC | 787 | Đào Quang | Khải | 09 | 03 | 1996 | Lâm Đồng | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 195 | HÓA HỌC | 1025 | Lê Ngọc Kỳ | Phúc | 30 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 196 | HÓA HỌC | 1172 | Nguyễn Thị Thanh | Thủy | 16 | 06 | 1995 | Bình Phước | Quốc Văn Sài Gòn | Nhất |
| 197 | HÓA HỌC | 1112 | Võ Văn | Thắng | 18 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 198 | HÓA HỌC | 1211 | Trương Minh | Trí | 21 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 199 | HÓA HỌC | 1223 | Hoàng Ngọc Thanh | Trúc | 24 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 200 | HÓA HỌC | 1234 | Nguyễn Chí | Trung | 19 | 6 | 1996 | Gia Lai | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 201 | HÓA HỌC | 618 | Vũ Đức | Duy | 02 | 09 | 1995 | Lâm Đồng | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 202 | HÓA HỌC | 762 | Đỗ | Huy | 20 | 4 | 1995 | Kiên Giang | Nguyễn Công Trứ | Nhất |
| 203 | HÓA HỌC | 953 | Nguyễn Bảo | Ngọc | 08 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhất |
| 204 | HÓA HỌC | 1184 | Đào Minh | Tiến | 6 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tam Phú | Nhất |
| 205 | HÓA HỌC | 1191 | Lê Hoàng Mai | Trâm | 11 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 206 | HÓA HỌC | 860 | Nguyễn Trần Bảo | Linh | 6 | 9 | 1996 | Đồng Nai | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 207 | HÓA HỌC | 885 | Nguyễn Tấn | Luật | 29 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 208 | HÓA HỌC | 1119 | Nguyễn Lê | Thành | 19 | 08 | 1995 | Bình Thuận | Hùng Vương | Nhất |
| 209 | HÓA HỌC | 1140 | Nguyễn Đăng | Thi | 07 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 210 | HÓA HỌC | 1153 | Phương Triệu | Thọ | 02 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 211 | HÓA HỌC | 867 | Phạm Hồng | Loan | 28 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 212 | HÓA HỌC | 883 | Trần Thành | Long | 7 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 213 | HÓA HỌC | 915 | Đặng Lệ | Mỹ | 13 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Nhất |
| 214 | HÓA HỌC | 923 | Trần Thanh | Nam | 20 | 2 | 1995 | Bến Tre | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 215 | HÓA HỌC | 1005 | Vũ Nguyễn Tố | Như | 7 | 3 | 1995 | Bạc Liêu | Nguyễn Công Trứ | Nhất |
| 216 | HÓA HỌC | 1068 | Nguyễn Minh | Sang | 06 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 217 | HÓA HỌC | 1232 | Lê Đình | Trung | 22 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 218 | HÓA HỌC | 724 | Phạm Lê Bảo | Hoàng | 01 | 11 | 1995 | Quảng Trị | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 219 | HÓA HỌC | 902 | Nguyễn Lê Đức | Minh | 30 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 220 | HÓA HỌC | 1228 | Trần Nguyễn Thủy | Trúc | 16 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 221 | HÓA HỌC | 594 | Trần Huyền | Dinh | 09 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Nhất |
| 222 | HÓA HỌC | 1115 | Nguyễn Huỳnh | Thanh | 04 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhất |
| 223 | HÓA HỌC | 1145 | Nguyễn Bảo | Thiện | 28 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 224 | HÓA HỌC | 1289 | Huỳnh Thị Thu | Vy | 30 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Giồng Ông Tố | Nhất |
| 225 | HÓA HỌC | 1283 | Nguyễn Xuân | Vinh | 19 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 226 | HÓA HỌC | 546 | Trần Thị Quỳnh | Anh | 18 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 227 | HÓA HỌC | 717 | Bùi Kim | Hoàng | 14 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 228 | HÓA HỌC | 757 | Nguyễn Thị Ngọc | Hương | 12 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Nhì |
| 229 | HÓA HỌC | 795 | Nguyễn An | Khang | 1 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 230 | HÓA HỌC | 806 | Nguyễn Quang | Khánh | 12 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 231 | HÓA HỌC | 832 | Lê Vương Tuấn | Kiệt | 04 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 232 | HÓA HỌC | 845 | Phan Thị Kim | Liên | 31 | 3 | 1995 | Bạc Liêu | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 233 | HÓA HỌC | 1073 | Đồng Như Thanh | Sơn | 1 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 234 | HÓA HỌC | 1272 | Nguyễn Đinh Thùy | Vân | 18 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 235 | HÓA HỌC | 770 | Nguyễn Quang | Huy | 4 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 236 | HÓA HỌC | 600 | Trần Anh | Dũng | 25 | 6 | 1995 | Hải Dương | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 237 | HÓA HỌC | 777 | Đào Thị Ngọc | Huyền | 23 | 7 | 1995 | Tiền Giang | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 238 | HÓA HỌC | 1024 | Cao Huỳnh | Phúc | 2 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 239 | HÓA HỌC | 1046 | Nguyễn Đông | Quân | 17 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Nhì |
| 240 | HÓA HỌC | 1050 | Nguyễn Minh | Quang | 19 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 241 | HÓA HỌC | 1118 | Huỳnh Cẩm | Thành | 28 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 242 | HÓA HỌC | 1130 | Nguyễn Thị | Thảo | 01 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |
| 243 | HÓA HỌC | 551 | Đào Xuân | Bách | 30 | 1 | 1995 | Nam Định | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 244 | HÓA HỌC | 552 | Tôn Thất | Bách | 18 | 03 | 1995 | Vũng Tàu | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 245 | HÓA HỌC | 579 | Nguyễn Viễn | Cường | 6 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 246 | HÓA HỌC | 669 | Đặng Xuân | Hải | 24 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 247 | HÓA HỌC | 677 | Nguyễn Hoàng Bảo | Hân | 30 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 248 | HÓA HỌC | 792 | Đỗ Đình | Khang | 13 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 249 | HÓA HỌC | 940 | Võ Thùy Phương | Ngân | 1 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 250 | HÓA HỌC | 1093 | Nguyễn Đức Minh | Tâm | 21 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 251 | HÓA HỌC | 1236 | Phạm Hoàng | Trung | 13 | 5 | 1995 | Vĩnh Long | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 252 | HÓA HỌC | 1291 | Ngô Nguyễn Xuân | Vy | 01 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 253 | HÓA HỌC | 529 | Trần Phúc Hồng | Ân | 1 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 254 | HÓA HỌC | 545 | Trần Minh | Anh | 24 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 255 | HÓA HỌC | 685 | Nguyễn Thị Hồng | Hạnh | 23 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 256 | HÓA HỌC | 729 | Bùi Thị Lam | Hồng | 4 | 12 | 1995 | Bình Thuận | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 257 | HÓA HỌC | 764 | Lữ Đăng | Huy | 5 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 258 | HÓA HỌC | 990 | Trương Hà Minh | Nhật | 25 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 259 | HÓA HỌC | 1225 | Nguyễn Thanh | Trúc | 10 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 260 | HÓA HỌC | 556 | Ngô Võ Hoài | Bảo | 06 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |
| 261 | HÓA HỌC | 595 | Hoàng Thị Mỹ | Dung | 20 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 262 | HÓA HỌC | 871 | Nguyễn Tấn | Lộc | 15 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |
| 263 | HÓA HỌC | 950 | Tiêu Uy | Nghiêm | 20 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 264 | HÓA HỌC | 1051 | Nguyễn Tuấn | Quang | 05 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 265 | HÓA HỌC | 1106 | Hứa Văn | Thắng | 13 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 266 | HÓA HỌC | 540 | Nguyễn Quang | Anh | 28 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 267 | HÓA HỌC | 649 | Nguyễn Thế | Được | 23 | 5 | 1995 | Thái Bình | Nguyễn Huệ | Nhì |
| 268 | HÓA HỌC | 843 | Trương Đặng Gia | Lập | 18 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 269 | HÓA HỌC | 538 | Nguyễn Lê Mai | Anh | 29 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 270 | HÓA HỌC | 695 | Trương Huỳnh Nguyên | Hảo | 05 | 01 | 1995 | Tây Ninh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 271 | HÓA HỌC | 898 | Lê Hoàng | Minh | 11 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 272 | HÓA HỌC | 905 | Phạm Lê Trí | Minh | 24 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 273 | HÓA HỌC | 963 | Đoàn Đỗ Bảo | Nguyên | 14 | 10 | 1996 | Phú Yên | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 274 | HÓA HỌC | 1028 | Nguyễn Thiên | Phúc | 12 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 275 | HÓA HỌC | 1126 | Đỗ Ngọc | Thảo | 01 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 276 | HÓA HỌC | 1138 | Đinh Minh | Thế | 15 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Nhì |
| 277 | HÓA HỌC | 820 | Võ Anh | Khoa | 23 | 10 | 1995 | Khánh Hoà | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 278 | HÓA HỌC | 559 | Đinh Xuân | Bình | 20 | 8 | 1995 | Quảng Ngãi | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 279 | HÓA HỌC | 743 | Trần Phi | Hùng | 1 | 8 | 1995 | Sóc Trăng | Trần Khai Nguyên | Nhì |
| 280 | HÓA HỌC | 1037 | Nguyễn Thanh | Phương | 14 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 281 | HÓA HỌC | 1080 | Giang Thị Thu | Sương | 2 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Nhì |
| 282 | HÓA HỌC | 1292 | Nguyễn Hoàng Trúc | Vy | 20 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 283 | HÓA HỌC | 666 | Nguyễn Thị Ngân | Hà | 29 | 06 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 284 | HÓA HỌC | 679 | Trần Gia | Hân | 21 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 285 | HÓA HỌC | 739 | Phạm Mạnh | Hùng | 30 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 286 | HÓA HỌC | 878 | Nguyễn Thành | Long | 27 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 287 | HÓA HỌC | 1020 | Nguyễn Thành | Phú | 15 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |
| 288 | HÓA HỌC | 1114 | Lê Thiện | Thanh | 30 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Quốc Văn Sài Gòn | Nhì |
| 289 | HÓA HỌC | 1204 | Nguyễn Thuỳ | Trang | 08 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhì |
| 290 | HÓA HỌC | 1208 | Cao Minh | Trí | 11 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 291 | HÓA HỌC | 1241 | Hồ Thanh | Tú | 16 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 292 | HÓA HỌC | 1262 | Nguyễn Thanh | Tuyền | 7 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 293 | HÓA HỌC | 527 | Phan Lê Bảo | Ân | 09 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 294 | HÓA HỌC | 822 | Phan Minh | Khôi | 3 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 295 | HÓA HỌC | 862 | Trần Ngọc Phương | Linh | 07 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 296 | HÓA HỌC | 890 | Lê Đào Tuyết | Mai | 25 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |
| 297 | HÓA HỌC | 895 | Võ Thị Phương | Mai | 24 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 298 | HÓA HỌC | 993 | Tạ Ngọc Yến | Nhi | 13 | 01 | 1995 | Tiền Giang | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 299 | HÓA HỌC | 1072 | Trần Quang | Sinh | 5 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 300 | HÓA HỌC | 1099 | Lê Trọng | Tấn | 23 | 10 | 1995 | Tiền Giang | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 301 | HÓA HỌC | 1133 | Nguyễn Thị Thanh | Thảo | 10 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 302 | HÓA HỌC | 1240 | Trần Thiện | Trường | 12 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 303 | HÓA HỌC | 576 | Đỗ Thành | Chung | 10 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 304 | HÓA HỌC | 597 | Phan Thị Diệp | Dung | 20 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 305 | HÓA HỌC | 613 | Lý Đức | Duy | 03 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Ba |
| 306 | HÓA HỌC | 630 | Cao Quốc | Đạt | 31 | 05 | 1995 | Thanh Hóa | Gia Định | Ba |
| 307 | HÓA HỌC | 671 | Lê Nguyễn Đình | Hải | 06 | 06 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 308 | HÓA HỌC | 688 | Vũ Phương | Hạnh | 6 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 309 | HÓA HỌC | 734 | Đặng Minh | Hùng | 26 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 310 | HÓA HỌC | 744 | Đào Nguyễn Thạnh | Hưng | 20 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 311 | HÓA HỌC | 748 | Trần Khánh | Hưng | 21 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 312 | HÓA HỌC | 779 | Mai Thị | Huyền | 14 | 2 | 1995 | Thanh Hóa | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 313 | HÓA HỌC | 785 | Nguyễn Thị Thúy | Huỳnh | 18 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 314 | HÓA HỌC | 872 | Trần Bá | Lộc | 13 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 315 | HÓA HỌC | 941 | Lê Trần Bảo | Nghi | 13 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 316 | HÓA HỌC | 951 | Hoàng Minh | Ngọc | 15 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 317 | HÓA HỌC | 961 | Trịnh Mỹ | Ngọc | 27 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 318 | HÓA HỌC | 986 | Trần Danh | Nhân | 28 | 08 | 1995 | Sông Bé | Tây Thạnh | Ba |
| 319 | HÓA HỌC | 1011 | Trần Thị Hải | Ninh | 14 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 320 | HÓA HỌC | 1110 | Lê Thanh | Thắng | 28 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 321 | HÓA HỌC | 1125 | Đặng Vy | Thảo | 6 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 322 | HÓA HỌC | 1142 | Nguyễn Thùy Dung | Thi | 6 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 323 | HÓA HỌC | 1215 | Nguyễn Thị | Trinh | 22 | 10 | 1996 | Quảng Nam | Củ Chi | Ba |
| 324 | HÓA HỌC | 1252 | Nguyễn Thanh | Tuấn | 29 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đa Phước | Ba |
| 325 | HÓA HỌC | 1255 | Phạm Vũ Anh | Tuấn | 6 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 326 | HÓA HỌC | 1290 | Lê Ngọc Thảo | Vy | 22 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 327 | HÓA HỌC | 541 | Nguyễn Thiên | Anh | 22 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 328 | HÓA HỌC | 1042 | Nguyễn Trúc | Phương | 16 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Ba |
| 329 | HÓA HỌC | 721 | Nguyễn Huy | Hoàng | 27 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tam Phú | Ba |
| 330 | HÓA HỌC | 554 | Huỳnh Văn | Bảo | 9 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 331 | HÓA HỌC | 558 | Phan Nguyễn Hoài | Bảo | 22 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Ba |
| 332 | HÓA HỌC | 672 | Lê Tự | Hải | 20 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 333 | HÓA HỌC | 859 | Nguyễn Thụy Khánh | Linh | 24 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 334 | HÓA HỌC | 899 | Lê Ngọc | Minh | 22 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 335 | HÓA HỌC | 955 | Nguyễn Thị Hồng | Ngọc | 14 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 336 | HÓA HỌC | 956 | Phạm Minh | Ngọc | 15 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 337 | HÓA HỌC | 1063 | Nguyễn Thị Thu | Quỳnh | 18 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 338 | HÓA HỌC | 1113 | Huỳnh Hoài | Thanh | 21 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 339 | HÓA HỌC | 1287 | Nguyễn Thiện | Vượng | 06 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 340 | HÓA HỌC | 1271 | Hoàng Thị Thủy | Vân | 3 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 341 | HÓA HỌC | 550 | Nguyễn Hoàng Hải | Âu | 16 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thủ Đức | Ba |
| 342 | HÓA HỌC | 691 | Vũ Phùng Như | Hào | 01 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 343 | HÓA HỌC | 711 | Nguyễn Thị Quỳnh | Hoa | 02 | 07 | 1995 | Bạc Liêu | Gia Định | Ba |
| 344 | HÓA HỌC | 750 | Cao Thị Ngọc | Hương | 15 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 345 | HÓA HỌC | 767 | Nguyễn Nhựt Hoàng | Huy | 29 | 1 | 1995 | Long An | Lê Hồng Phong | Ba |
| 346 | HÓA HỌC | 788 | Đỗ Hoàng | Khải | 12 | 10 | 1996 | Bình Định | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 347 | HÓA HỌC | 839 | Phạm Tùng | Lâm | 20 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 348 | HÓA HỌC | 1165 | Lê Trương Mỹ | Thuận | 10 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 349 | HÓA HỌC | 596 | Huỳnh Ngọc Phương | Dung | 12 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 350 | HÓA HỌC | 752 | Đỗ Thị Lan | Hương | 03 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 351 | HÓA HỌC | 766 | Nguyễn Hòang | Huy | 25 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 352 | HÓA HỌC | 996 | Huỳnh | Như | 8 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 353 | HÓA HỌC | 1148 | Nguyễn Quốc | Thịnh | 16 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 354 | HÓA HỌC | 1178 | Đoàn Thanh Thủy | Tiên | 13 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 355 | HÓA HỌC | 1258 | Phan Anh | Tuấn | 23 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 356 | HÓA HỌC | 1266 | Thiều Mai | Uyên | 10 | 11 | 1995 | Đà Nẵng | Lê Hồng Phong | Ba |
| 357 | HÓA HỌC | 1307 | Huỳnh Xuân | Yến | 29 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 358 | HÓA HỌC | 543 | Phạm Nguyên | Anh | 17 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 359 | HÓA HỌC | 560 | Đỗ Nguyễn Thái | Bình | 04 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 360 | HÓA HỌC | 570 | Nguyễn Hoàng Mai | Chi | 17 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 361 | HÓA HỌC | 656 | Nguyễn Châu | Giang | 4 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 362 | HÓA HỌC | 828 | Dương Trung | Kiên | 17 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 363 | HÓA HỌC | 837 | Nguyễn Gia | Kỳ | 07 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 364 | HÓA HỌC | 841 | Bùi Ngọc | Lan | 13 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 365 | HÓA HỌC | 877 | Nguyễn Đức Huỳnh | Long | 16 | 02 | 1995 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Gia Định | Ba |
| 366 | HÓA HỌC | 1104 | Đặng Trí | Thăng | 30 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |
| 367 | HÓA HỌC | 535 | Lê Tuấn | Anh | 25 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thủ Đức | Ba |
| 368 | HÓA HỌC | 610 | Bùi Thanh | Duy | 26 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 369 | HÓA HỌC | 655 | Lê Vũ Hạnh | Giang | 19 | 10 | 1995 | Bình Định | Lê Hồng Phong | Ba |
| 370 | HÓA HỌC | 664 | Nguyễn Minh | Hà | 05 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 371 | HÓA HỌC | 793 | Huỳnh An | Khang | 16 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 372 | HÓA HỌC | 849 | Hồ Chí | Linh | 4 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 373 | HÓA HỌC | 924 | Hà Thị Thiên | Nga | 29 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 374 | HÓA HỌC | 983 | Nguyễn Trọng | Nhân | 10 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 375 | HÓA HỌC | 1007 | Nguyễn Cẩm | Nhung | 08 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 376 | HÓA HỌC | 1120 | Nguyễn Tấn | Thành | 25 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Ba |
| 377 | HÓA HỌC | 1246 | Phạm Minh | Tú | 05 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bà Điểm | Ba |
| 378 | HÓA HỌC | 632 | Lê Tiến | Đạt | 17 | 08 | 1995 | Hà Nội | Gia Định | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 379 | HÓA HỌC | 663 | Ngô Nguyễn Nhật | Hà | 14 | 10 | 1995 | Đà Nẵng | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 380 | HÓA HỌC | 755 | Huỳnh Quốc | Hương | 11 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 381 | HÓA HỌC | 758 | Trần Võ Thảo | Hương | 2 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 382 | HÓA HỌC | 797 | Dương Thị Kiều | Khanh | 25 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 383 | HÓA HỌC | 798 | Dương Hoàng | Khanh | 11 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 384 | HÓA HỌC | 814 | Nguyễn Anh | Khoa | 07 | 12 | 1995 | Khánh Hòa | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 385 | HÓA HỌC | 825 | Đặng Trần Tấn | Khương | 04 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 386 | HÓA HỌC | 853 | Lâm Phương | Linh | 9 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 387 | HÓA HỌC | 1095 | Tân Thành | Tâm | 23 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 388 | HÓA HỌC | 1231 | Hồ Minh | Trung | 11 | 7 | 1995 | Hậu Giang | Lê Hồng Phong | Ba |
| 389 | HÓA HỌC | 1239 | Lê Thị Kim | Yến | 28 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Ba |
| 390 | HÓA HỌC | 578 | Đỗ Thị | Cúc | 15 | 9 | 1995 | Thái Bình | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 391 | HÓA HỌC | 696 | Cao Nghiêm Trung | Hậu | 20 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 392 | HÓA HỌC | 800 | Quách Đỗ Mai | Khanh | 19 | 12 | 1995 | Bạc Liêu | Gia Định | Ba |
| 393 | HÓA HỌC | 960 | Trần Thị Minh | Ngọc | 13 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 394 | HÓA HỌC | 1015 | Nguyễn Hoàng | Phát | 27 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Công Trứ | Ba |
| 395 | HÓA HỌC | 1105 | Đào Ngọc Quốc | Thắng | 4 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 396 | HÓA HỌC | 1186 | Trần Mạnh | Tiến | 3 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trãi | Ba |
| 397 | HÓA HỌC | 1189 | Nguyễn Ngọc | Tín | 27 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 398 | HÓA HỌC | 1210 | Trịnh Minh | Trí | 20 | 6 | 1995 | Bắc Giang | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 399 | HÓA HỌC | 1226 | Nguyễn Thị Hạnh | Trúc | 15 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 400 | HÓA HỌC | 1296 | Tôn Nữ Tường | Vy | 21 | 10 | 1995 | Huế | Võ Thị Sáu | Ba |
| 401 | HÓA HỌC | 611 | Đặng Công | Duy | 17 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 402 | HÓA HỌC | 728 | Trần Khánh | Hoàng | 04 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Tất Thành | Ba |
| 403 | HÓA HỌC | 730 | Phạm Ngọc Ánh | Hồng | 19 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 404 | HÓA HỌC | 733 | Bùi Phước | Hùng | 27 | 2 | 1995 | Đà Nẵng | Lê Hồng Phong | Ba |
| 405 | HÓA HỌC | 826 | Lê Duy | Khương | 3 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 406 | HÓA HỌC | 979 | Nguyễn Lê Chí | Nhân | 11 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 407 | HÓA HỌC | 999 | Nguyễn Quỳnh | Như | 5 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 408 | HÓA HỌC | 1067 | Ngô Nguyễn Phước | Sang | 13 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 409 | HÓA HỌC | 1094 | Nguyễn Quang Thanh | Tâm | 23 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 410 | HÓA HỌC | 1121 | Phạm Trương Công | Thành | 07 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 411 | HÓA HỌC | 1124 | Chu Thị Ánh | Thảo | 08 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |
| 412 | HÓA HỌC | 1273 | Trương Bạch | Vân | 30 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 413 | HÓA HỌC | 523 | Hồ Xuân | An | 31 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 414 | HÓA HỌC | 553 | Đặng Anh Duy | Bảo | 27 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 415 | HÓA HỌC | 606 | Nguyễn Thị Thùy | Dương | 4 | 3 | 1995 | Thái Bình | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 416 | HÓA HỌC | 636 | Tô Thành | Đạt | 20 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 417 | HÓA HỌC | 690 | Trương Thế | Hào | 6 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 418 | HÓA HỌC | 927 | Trần Phương | Nga | 14 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 419 | HÓA HỌC | 933 | Nguyễn Song | Ngân | 11 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 420 | HÓA HỌC | 948 | Nguyễn Trung | Nghĩa | 05 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Ba |
| 421 | HÓA HỌC | 959 | Trần Mai Hồng | Ngọc | 09 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 422 | HÓA HỌC | 1030 | Hồng | Phước | 29 | 10 | 1995 | Đồng Nai | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 423 | HÓA HỌC | 1062 | Nguyễn Ngọc Như | Quỳnh | 29 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 424 | HÓA HỌC | 1066 | Đặng Gia | San | 14 | 8 | 1995 | An Giang | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 425 | HÓA HỌC | 1071 | Trang Lê Tiến | Sĩ | 09 | 09 | 1995 | An Giang | Gò Vấp | Ba |
| 426 | HÓA HỌC | 1111 | Phạm Minh | Thắng | 23 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 427 | HÓA HỌC | 1123 | Bạch Thị Nhật | Thảo | 16 | 12 | 1995 | Đăk Lăk | Lê Hồng Phong | Ba |
| 428 | HÓA HỌC | 1150 | Trần Hoàng | Thịnh | 22 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 429 | HÓA HỌC | 1160 | Đỗ Thị | Thu | 20 | 09 | 1995 | Thanh Hóa | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 430 | HÓA HỌC | 1164 | Lê Nguyễn Minh | Thư | 28 | 03 | 1996 | Long An | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 431 | HÓA HỌC | 1188 | Đỗ | Tín | 05 | 06 | 1995 | Huế | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 432 | HÓA HỌC | 1207 | Phạm Thị Bảo | Trang | 24 | 2 | 1995 | Hà Tây | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 433 | HÓA HỌC | 1220 | Tống Minh | Trọng | 14 | 07 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 434 | HÓA HỌC | 1281 | Huỳnh Quốc | Việt | 04 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 435 | HÓA HỌC | 619 | Lê Thị Mỹ | Duyên | 12 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 436 | HÓA HỌC | 620 | Nguyễn Ngọc Ánh | Duyên | 29 | 09 | 1995 | Sông Bé | Trung Phú | Ba |
| 437 | HÓA HỌC | 742 | Trần Ngọc | Hùng | 30 | 12 | 1996 | Nam Định | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 438 | HÓA HỌC | 870 | Nguyễn | Lộc | 17 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 439 | HÓA HỌC | 932 | Nguyễn Ngọc | Ngân | 30 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 440 | HÓA HỌC | 1038 | Nguyễn Minh | Phương | 18 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 441 | HÓA HỌC | 563 | Phạm Thanh | Bình | 27 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 442 | HÓA HỌC | 676 | Võ Duy | Hải | 13 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 443 | HÓA HỌC | 809 | Phan Minh | Khánh | 8 | 6 | 1995 | Bến Tre | Lê Hồng Phong | Ba |
| 444 | HÓA HỌC | 892 | Trần Thị Huỳnh | Mai | 23 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 445 | HÓA HỌC | 962 | Vũ Huỳnh Minh | Ngọc | 13 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 446 | HÓA HỌC | 1014 | Huỳnh Nguyễn Thịnh | Phát | 26 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 447 | HÓA HỌC | 1147 | Nguyễn Phước | Thịnh | 31 | 01 | 1995 | Lâm Đồng | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 448 | HÓA HỌC | 1154 | Nguyễn Thị Kim | Thoa | 10 | 08 | 1995 | Thừa Thiên Huế | Gia Định | Ba |
| 449 | HÓA HỌC | 1169 | Nguyễn Minh | Thúy | 07 | 11 | 1995 | NAM ĐỊNH | Phú Nhuận | Ba |
| 450 | HÓA HỌC | 1176 | Lại Đức Hồng | Thy | 17 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 451 | HÓA HỌC | 1183 | Trần Dáng Thủy | Tiên | 11 | 05 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 452 | HÓA HỌC | 1265 | Phạm Thị Lê | Uyên | 31 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 453 | HÓA HỌC | 1299 | Trịnh Nguyễn Thúy | Vy | 25 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 454 | HÓA HỌC | 609 | Bùi Lê | Duy | 15 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 455 | HÓA HỌC | 627 | Tôn Nữ Minh | Đăng | 11 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 456 | HÓA HỌC | 811 | Bùi Nhật Anh | Khoa | 26 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 457 | HÓA HỌC | 854 | Lê Thị Bảo | Linh | 25 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 458 | HÓA HỌC | 984 | Nguyễn Vũ Trọng | Nhân | 19 | 4 | 1995 | Tiền Giang | Nguyễn Hiền | Ba |
| 459 | HÓA HỌC | 1006 | Bá Hồng | Nhung | 22 | 9 | 1995 | Nghệ An | Nguyễn Công Trứ | Ba |
| 460 | HÓA HỌC | 1048 | Lê Trần Nhật | Quang | 23 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 461 | HÓA HỌC | 1127 | Lê Ngọc | Thảo | 07 | 08 | 1996 | Tiền Giang | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 462 | HÓA HỌC | 1158 | Trần Tiến | Thông | 09 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Thị Sáu | Ba |
| 463 | HÓA HỌC | 1180 | Nguyễn Thị Thuỷ | Tiên | 13 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 464 | HÓA HỌC | 650 | Hoàng Duy | Gia | 16 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 465 | HÓA HỌC | 652 | Dương Châu | Giang | 19 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 466 | HÓA HỌC | 681 | Lê Thị Thanh | Hằng | 02 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 467 | HÓA HỌC | 838 | Trương Hải | Kỳ | 31 | 12 | 1995 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nguyễn Hiền | Ba |
| 468 | HÓA HỌC | 851 | Huỳnh Thị Hoàng | Linh | 29 | 01 | 1995 | Đăk Lăk | Trần Phú | Ba |
| 469 | HÓA HỌC | 865 | Nguyễn Ngọc | Tuyền | 25 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Ba |
| 470 | HÓA HỌC | 891 | Ngô Xuân | Mai | 27 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 471 | HÓA HỌC | 1016 | Nguyễn Lê Thảo | Linh | 24 | 11 | 1995 | Quảng Nam | Nguyễn Huệ | Ba |
| 472 | HÓA HỌC | 1027 | Nguyễn Tấn Minh | Phúc | 28 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 473 | LỊCH SỬ | 2234 | Lê Nguyễn Hải | Yến | 24 | 10 | 1995 | Lâm Đồng | Nguyễn Công Trứ | Nhất |
| 474 | LỊCH SỬ | 2202 | Tống Thị Mai | Trinh | 06 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhất |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 475 | LỊCH SỬ | 1951 | Mai Gia | Bảo | 11 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Nhất |
| 476 | LỊCH SỬ | 1977 | Đỗ Thị Thùy | Dương | 24 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 477 | LỊCH SỬ | 2229 | Võ Khánh | Vy | 4 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 478 | LỊCH SỬ | 1983 | Nguyễn Thanh | Duy | 14 | 02 | 1995 | Tây Ninh | Hùng Vương | Nhất |
| 479 | LỊCH SỬ | 2002 | Trần Kiêm Thanh | Hà | 28 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 480 | LỊCH SỬ | 2095 | Kha Nguyễn Thảo | Nguyên | 18 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Nhất |
| 481 | LỊCH SỬ | 2128 | Lê Thị Kim | Phượng | 22 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bà Điểm | Nhất |
| 482 | LỊCH SỬ | 2028 | Nguyễn Thị | Hương | 19 | 05 | 1995 | Quãng Nam | Trần Phú | Nhất |
| 483 | LỊCH SỬ | 2126 | Trần Ngọc | Phương | 15 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nam Kỳ Khởi Nghĩa | Nhất |
| 484 | LỊCH SỬ | 2181 | Phạm Quỳnh Mỹ | Uyên | 17 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhất |
| 485 | LỊCH SỬ | 2228 | Nguyễn Phương | Vy | 23 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 486 | LỊCH SỬ | 2085 | Trịnh Thục | Ngân | 23 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 487 | LỊCH SỬ | 2094 | Đỗ Thị | Nguyên | 28 | 4 | 1995 | Hải Phòng | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 488 | LỊCH SỬ | 2207 | Nguyễn Thành | Trung | 03 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhất |
| 489 | LỊCH SỬ | 1953 | Lê Phước | Bình | 08 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Nhất |
| 490 | LỊCH SỬ | 1997 | Nguyễn Thị | Giang | 19 | 05 | 1995 | Quãng Nam | Trần Phú | Nhất |
| 491 | LỊCH SỬ | 2132 | Nguyễn Tôn | Quang | 13 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 492 | LỊCH SỬ | 1984 | Nguyễn Trần Đông | Duy | 24 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhất |
| 493 | LỊCH SỬ | 1990 | Hồ Thị Anh | Đào | 27 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhất |
| 494 | LỊCH SỬ | 2221 | Trần Bảo Phương | Tuyền | 9 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trường Chinh | Nhất |
| 495 | LỊCH SỬ | 1981 | Lưu Thiết | Duy | 16 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 496 | LỊCH SỬ | 2111 | Phan Đỗ Quỳnh | Như | 26 | 8 | 1995 | Đồng Tháp | Nguyễn Công Trứ | Nhất |
| 497 | LỊCH SỬ | 2182 | Phùng Gia | Toàn | 29 | 8 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Nhất |
| 498 | LỊCH SỬ | 2186 | Mai Bích | Trâm | 20 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Nhất |
| 499 | LỊCH SỬ | 1936 | Lê Thị Hồng | Anh | 6 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Cần Thạnh | Nhì |
| 500 | LỊCH SỬ | 2009 | Nguyễn Thị Như | Hảo | 20 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thạnh Lộc | Nhì |
| 501 | LỊCH SỬ | 4599 | Hồ Tấn | Đạt | 9 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Minh Xuân | Nhì |
| 502 | LỊCH SỬ | 2067 | Nguyễn Thị Hoàng | Mai | 29 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Phú | Nhì |
| 503 | LỊCH SỬ | 2105 | Nguyễn Thoại Kiều Yế | Nhi | 25 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Nhì |
| 504 | LỊCH SỬ | 1978 | Ngô Lý Bạch | Dương | 23 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 505 | LỊCH SỬ | 2122 | Nguyễn Minh | Phương | 18 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 506 | LỊCH SỬ | 2004 | Hà Thanh | Hải | 15 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 507 | LỊCH SỬ | 2034 | Nguyễn Thị Ngọc | Huyền | 05 | 03 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | An Lạc | Nhì |
| 508 | LỊCH SỬ | 2044 | Nhan Thắng | Kiệt | 15 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Nhì |
| 509 | LỊCH SỬ | 2084 | Nguyễn Thị Kim | Ngân | 19 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Nhì |
| 510 | LỊCH SỬ | 2133 | Nguyễn Đình | Quốc | 17 | 03 | 1996 | Hà Bắc | Gia Định | Nhì |
| 511 | LỊCH SỬ | 2146 | Ngô Thị Tú | Tài | 20 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 512 | LỊCH SỬ | 2003 | Trần Nguyễn Quang | Hạ | 27 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 513 | LỊCH SỬ | 2078 | Trịnh Lê | Nam | 11 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 514 | LỊCH SỬ | 2127 | Huỳnh Thị Hồng | Phượng | 8 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Khánh | Nhì |
| 515 | LỊCH SỬ | 2162 | Trần Minh | Thiện | 28 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Chánh | Nhì |
| 516 | LỊCH SỬ | 2196 | Huỳnh Thị Bích | Trang | 04 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |
| 517 | LỊCH SỬ | 2053 | Trần Thị Mỹ | Linh | 16 | 04 | 1995 | Thừa Thiên - Huế | Nguyễn Du | Nhì |
| 518 | LỊCH SỬ | 2124 | Nguyễn Ngọc Kiều | Phương | 07 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |
| 519 | LỊCH SỬ | 2134 | Lê Tấn | Quy | 24 | 9 | 1995 | Long An | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhì |
| 520 | LỊCH SỬ | 1988 | Nguyễn Hồ Phụng | Duyên | 15 | 06 | 1995 | Bình Dương | Ngô Quyền | Nhì |
| 521 | LỊCH SỬ | 2061 | Phan Hoàng | Phong | 8 | 9 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Nhì |
| 522 | LỊCH SỬ | 2107 | Lê Quỳnh | Như | 15 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 523 | LỊCH SỬ | 1943 | Phạm Vân | Anh | 21 | 10 | 1995 | Hải Dương | Võ Thị Sáu | Nhì |
| 524 | LỊCH SỬ | 2015 | Phạm Trọng | Hiếu | 1 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 525 | LỊCH SỬ | 2032 | Đặng Cao | Huy | 1 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Nhì |
| 526 | LỊCH SỬ | 2109 | Nguyễn Ngọc | Như | 13 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 527 | LỊCH SỬ | 2227 | Nguyễn Ngọc Thúy | Vy | 3 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lương Thế Vinh | Nhì |
| 528 | LỊCH SỬ | 2066 | Nguyễn Hoàng Như | Mai | 11 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhì |
| 529 | LỊCH SỬ | 2175 | Nguyễn Thị Thanh | Thúy | 20 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thạnh Lộc | Nhì |
| 530 | LỊCH SỬ | 2210 | Nguyễn Thanh | Tú | 14 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Hoà | Nhì |
| 531 | LỊCH SỬ | 2213 | Phan Minh | Tuấn | 22 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 532 | LỊCH SỬ | 2233 | Đoàn Ngọc Hoàng | Yến | 9 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Nhì |
| 533 | LỊCH SỬ | 1973 | Lê Thị | Diệp | 21 | 11 | 1995 | Hà Nam | Thạnh Lộc | Nhì |
| 534 | LỊCH SỬ | 2008 | Nguyễn Sỹ | Hào | 10 | 6 | 1995 | Đăk Lăk | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 535 | LỊCH SỬ | 2173 | TSằn Kiết | Thư | 11 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Nhì |
| 536 | LỊCH SỬ | 1948 | Đỗ Cao Ngọc | Ánh | 21 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 537 | LỊCH SỬ | 2043 | Trần Minh | Khuê | 2 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 538 | LỊCH SỬ | 2054 | Lê Thị Hồng | Loan | 13 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thủ Đức | Ba |
| 539 | LỊCH SỬ | 2073 | Trần Lê | Mỹ Mỹ | 5 | 7 | 1995 | An Giang | Long Trường | Ba |
| 540 | LỊCH SỬ | 2080 | Trần Thị Tố | Nga | 26 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Ba |
| 541 | LỊCH SỬ | 2082 | Lê Kim | Ngân | 11 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 542 | LỊCH SỬ | 1989 | Lê Ngọc Hải | Đăng | 27 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Chí Thanh | Ba |
| 543 | LỊCH SỬ | 2179 | Lê Đoàn Ngọc Thuỷ | Tiên | 05 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |
| 544 | LỊCH SỬ | 2184 | Nguyễn Thanh | Trà | 7 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 545 | LỊCH SỬ | 2206 | Huỳnh Thành | Trung | 07 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 546 | LỊCH SỬ | 4603 | Nguyễn Thị Ngọc | Tuyền | 11 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Minh Xuân | Ba |
| 547 | LỊCH SỬ | 1967 | Nguyễn Hữu | Cường | 22 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 548 | LỊCH SỬ | 1993 | Triệu Thanh | Điệp | 6 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 549 | LỊCH SỬ | 2020 | Nguyễn Dương | Hùng | 31 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Ba |
| 550 | LỊCH SỬ | 2055 | Nguyễn Thị Kim | Loan | 13 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Khánh | Ba |
| 551 | LỊCH SỬ | 2189 | Đỗ Phan Bảo | Trân | 1 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 552 | LỊCH SỬ | 2201 | Lý Tuấn | Triễn | 03 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 553 | LỊCH SỬ | 1930 | Nguyễn Thiên | Ân | 23 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trung Trực | Ba |
| 554 | LỊCH SỬ | 1982 | Nguyễn Hữu Hoàng | Duy | 19 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trung Trực | Ba |
| 555 | LỊCH SỬ | 1992 | Trần Thị Hồng | Điệp | 20 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 556 | LỊCH SỬ | 2021 | Nguyễn Khánh | Hùng | 14 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Ba |
| 557 | LỊCH SỬ | 2065 | Lê Châu Ngọc | Mai | 13 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 558 | LỊCH SỬ | 2098 | Phùng Hoàng | Nguyễn | 5 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 559 | LỊCH SỬ | 2131 | Trần Hải | Quân | 24 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bà Điểm | Ba |
| 560 | LỊCH SỬ | 2142 | Nguyễn Huỳnh Minh | Sang | 15 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trường Chinh | Ba |
| 561 | LỊCH SỬ | 1942 | Nguyễn Vũ | Anh | 25 | 1 | 1995 | Hải Dương | Ngô Thời Nhiệm | Ba |
| 562 | LỊCH SỬ | 1957 | Nguyễn Lê Hồng | Cẩm | 10 | 9 | 1995 | Bến Tre | Long Trường | Ba |
| 563 | LỊCH SỬ | 2006 | Nguyễn Vũ Hoàng Ngọ | Hân | 30 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 564 | LỊCH SỬ | 2019 | Phùng Thị | Hồng | 4 | 1 | 1994 | Thanh Hóa | Trường Chinh | Ba |
| 565 | LỊCH SỬ | 2033 | Từ Đức | Huy | 28 | 03 | 1995 | Tiền Giang | Trần Hữu Trang | Ba |
| 566 | LỊCH SỬ | 2070 | Hoàng Quốc | Minh | 17 | 5 | 1995 | Phú Thọ | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 567 | LỊCH SỬ | 2156 | Thanh Nhựt | Thành | 27 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Hoà | Ba |
| 568 | LỊCH SỬ | 2199 | Đỗ Minh | Trí | 25 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 569 | LỊCH SỬ | 1985 | Trần Lê | Duy | 29 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Trường Toản | Ba |
| 570 | LỊCH SỬ | 1991 | Phạm Trọng | Điền | 30 | 03 | 1995 | Bến Tre | Trần Phú | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 571 | LỊCH SỬ | 2016 | Trần Quang | Hiếu | 10 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trung Trực | Ba |
| 572 | LỊCH SỬ | 2035 | Vũ Cao Phương | Huyền | 16 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trung Trực | Ba |
| 573 | LỊCH SỬ | 2038 | Nghiêm Ngọc | Khanh | 31 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Ba |
| 574 | LỊCH SỬ | 2230 | Võ Tường | Vy | 14 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đinh Thiện Lý | Ba |
| 575 | LỊCH SỬ | 1969 | Phạm Ngọc | Cường | 16 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 576 | LỊCH SỬ | 2042 | Trần Anh | Khoa | 13 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tây Thạnh | Ba |
| 577 | LỊCH SỬ | 2057 | Trần Huỳnh | Lộc | 14 | 9 | 1995 | Quảng Nam | Trường Chinh | Ba |
| 578 | LỊCH SỬ | 2121 | Huỳnh Thị Mỹ | Phương | 12 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 579 | LỊCH SỬ | 1925 | Hậu Tuệ | Ái | 03 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hữu Trang | Ba |
| 580 | LỊCH SỬ | 1950 | Trần Dương | Bách | 18 | 05 | 1995 | Cần Thơ | Tây Thạnh | Ba |
| 581 | LỊCH SỬ | 2174 | Lý Huỳnh | Thuận | 26 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lương Thế Vinh | Ba |
| 582 | LỊCH SỬ | 4600 | Lê Trần Kiều | Diễm | 14 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Minh Xuân | Ba |
| 583 | LỊCH SỬ | 1926 | Nguyễn Thị Thùy | An | 6 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Giồng Ông Tố | Ba |
| 584 | LỊCH SỬ | 1931 | Bùi Đức | Anh | 1 | 12 | 1995 | Hà Nội | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 585 | LỊCH SỬ | 2068 | Đặng Thục | Mẫn | 11 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Ba |
| 586 | LỊCH SỬ | 2145 | Đoàn Thị | Sương | 20 | 1 | 1993 | Kiên Giang | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 587 | LỊCH SỬ | 2153 | Nguyễn Đình Trọng | Tấn | 15 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 588 | LỊCH SỬ | 2161 | Trần Thị Anh | Thi | 23 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hữu Trang | Ba |
| 589 | LỊCH SỬ | 2235 | Nguyễn Thị Ngọc | Yến | 8 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Phú | Ba |
| 590 | LỊCH SỬ | 1952 | Mai Thái | Bảo | 21 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Ba |
| 591 | LỊCH SỬ | 2049 | Lâm Nguyễn Tú | Linh | 1 | 1 | 1995 | Buôn Mê Thuột | Lê Hồng Phong | Ba |
| 592 | LỊCH SỬ | 2050 | Nguyễn Dương Thùy | Linh | 22 | 9 | 1994 | Kiên Giang | Củ Chi | Ba |
| 593 | LỊCH SỬ | 2108 | Ngô Thị Yến | Như | 29 | 06 | 1994 | T[HCM | Tân Phong | Ba |
| 594 | LỊCH SỬ | 1929 | Huỳnh Nguyễn Thiên | Ân | 7 | 12 | 1995 | TP.Hồ Chí Minh | Võ Trường Toản | Ba |
| 595 | LỊCH SỬ | 1937 | Lê Trúc | Anh | 11 | 11 | 1995 | TP.HCM | Lê Hồng Phong | Ba |
| 596 | LỊCH SỬ | 2079 | Nguyễn Thị Tú | Nga | 20 | 8 | 1995 | TP.HCM | Cần Thạnh | Ba |
| 597 | LỊCH SỬ | 2092 | Trần Giáng | Ngọc | 12 | 11 | 1996 | Vũng Tàu | Đinh Thiện Lý | Ba |
| 598 | LỊCH SỬ | 2140 | Châu Minh | Sang | 07 | 04 | 1994 | TP.HCM | Ngô Quyền | Ba |
| 599 | LỊCH SỬ | 2164 | Thạch Trường | Thọ | 24 | 05 | 1995 | Sóc Trăng | Thạnh Lộc | Ba |
| 600 | LỊCH SỬ | 2224 | Nguyễn Hiếu | Văn | 22 | 12 | 1994 | Tp HCM | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 601 | NGỮ VĂN | 1422 | Trần Thị Mỹ | Duyên | 23 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 602 | NGỮ VĂN | 1324 | Đoàn Trần Thụy | Anh | 19 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 603 | NGỮ VĂN | 1421 | Phạm Thị Thuỳ | Duyên | 14 | 9 | 1995 | Liên Bang Nga | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 604 | NGỮ VĂN | 1394 | Nguyễn Thanh | Danh | 14 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 605 | NGỮ VĂN | 1476 | Nguyễn Lan | Hương | 11 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 606 | NGỮ VĂN | 1689 | Hà Đặng Như | Quỳnh | 03 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 607 | NGỮ VĂN | 1353 | Phạm Thùy | Anh | 19 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 608 | NGỮ VĂN | 1379 | Phan Dạ Bảo | Châu | 5 | 11 | 1995 | Thừa Thiên Huế | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 609 | NGỮ VĂN | 1463 | Huỳnh Trung | Hiếu | 5 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 610 | NGỮ VĂN | 1521 | Phạm Thị Phương | Liên | 14 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thủ Đức | Nhất |
| 611 | NGỮ VĂN | 1812 | Nguyễn Quốc Bảo | Trang | 10 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Nhất |
| 612 | NGỮ VĂN | 1865 | Diệp Phạm Phương | Uyên | 10 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 613 | NGỮ VĂN | 1460 | Nguyễn Thu | Hiền | 17 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đức Trí | Nhất |
| 614 | NGỮ VĂN | 1465 | Nguyễn Trung | Hiếu | 14 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 615 | NGỮ VĂN | 1480 | Nguyễn Thị Thu | Hương | 3 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trường Chinh | Nhất |
| 616 | NGỮ VĂN | 1525 | Bùi Vũ Mỹ | Linh | 06 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Bình | Nhất |
| 617 | NGỮ VĂN | 1724 | Võ Phạm Kim | Thành | 10 | 09 | 1996 | Đồng Nai | THTH ĐHSP | Nhất |
| 618 | NGỮ VĂN | 1810 | Hoàng Huyền | Trang | 24 | 04 | 1995 | Đồng Nai | Gia Định | Nhất |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 619 | NGỮ VĂN | 1856 | Huỳnh Thụy Cát | Tường | 23 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 620 | NGỮ VĂN | 1319 | Lương Thụy Hồng | Ân | 01 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Nhất |
| 621 | NGỮ VĂN | 1369 | Trần Lê Gia | Bảo | 30 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 622 | NGỮ VĂN | 1377 | Đào Minh | Châu | 20 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 623 | NGỮ VĂN | 1429 | Đặng Hương | Giang | 31 | 12 | 1995 | Đồng Nai | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 624 | NGỮ VĂN | 1452 | Phạm Thị Thanh | Hảo | 25 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 625 | NGỮ VĂN | 1454 | Bùi Thị Anh | Hậu | 3 | 4 | 1995 | Hải Phòng | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 626 | NGỮ VĂN | 1464 | Lê Chí | Hiếu | 24 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | An Lạc | Nhất |
| 627 | NGỮ VĂN | 1469 | Vũ Thị | Hoa | 09 | 06 | 1995 | Bắc Ninh | Trưng Vương | Nhất |
| 628 | NGỮ VĂN | 1471 | Phạm Ngọc Thái | Hoàng | 09 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 629 | NGỮ VĂN | 1475 | Tạ Gia | Hưng | 26 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 630 | NGỮ VĂN | 1477 | Nguyễn Phạm Quỳnh | Hương | 30 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 631 | NGỮ VĂN | 1519 | Lin Mỹ | Lệ | 09 | 01 | 1995 | Đồng Nai | Hùng Vương | Nhất |
| 632 | NGỮ VĂN | 1530 | Lê Khánh | Linh | 17 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 633 | NGỮ VĂN | 1537 | Nguyễn Thị Phương | Linh | 29 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Chánh | Nhất |
| 634 | NGỮ VĂN | 1538 | Nguyễn Thị Thuỳ | Linh | 28 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 635 | NGỮ VĂN | 1629 | Nguyễn Thụy Yến | Như | 31 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 636 | NGỮ VĂN | 1657 | Bùi Thị Lệ | Phương | 21 | 10 | 1994 | Vĩnh Phú | Trường Chinh | Nhất |
| 637 | NGỮ VĂN | 1728 | Đặng Phương | Thảo | 28 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 638 | NGỮ VĂN | 1734 | Nguyễn Ngọc Phương | Thảo | 30 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 639 | NGỮ VĂN | 1759 | Đặng Minh | Thức | 23 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Nhất |
| 640 | NGỮ VĂN | 1802 | Phạm Thị Huyền | Trân | 18 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 641 | NGỮ VĂN | 1809 | Đậu Minh | Trang | 7 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 642 | NGỮ VĂN | 1813 | Nguyễn Thị Thùy | Trang | 22 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Nhất |
| 643 | NGỮ VĂN | 1833 | Huỳnh Thị Thanh | Trúc | 29 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 644 | NGỮ VĂN | 1834 | Nguyễn Ngọc Thanh | Trúc | 6 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phước Long | Nhất |
| 645 | NGỮ VĂN | 1835 | Phạm Hồng Thủy | Trúc | 13 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Nhất |
| 646 | NGỮ VĂN | 1836 | Phạm Nguyễn Thanh | Trúc | 17 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 647 | NGỮ VĂN | 1844 | Trần Đức | Trung | 12 | 2 | 1995 | Gia Lai | Hồng Đức | Nhất |
| 648 | NGỮ VĂN | 1848 | Nguyễn Duy Cẩm | Tú | 26 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 649 | NGỮ VĂN | 1867 | Huỳnh Hoàng Phương | Uyên | 28 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 650 | NGỮ VĂN | 1316 | Nguyễn Thị Minh | An | 15 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 651 | NGỮ VĂN | 1340 | Nguyễn Kỳ Mai | Anh | 29 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 652 | NGỮ VĂN | 1425 | Trần Tất | Đạt | 04 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 653 | NGỮ VĂN | 1426 | Hồ Vũ Minh | Điền | 2 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 654 | NGỮ VĂN | 1427 | Phạm Phương | Đông | 26 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Công Trứ | Nhì |
| 655 | NGỮ VĂN | 1449 | Trần Thị Hồng | Hạnh | 17 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 656 | NGỮ VĂN | 1451 | Nguyễn Hồng | Hảo | 29 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhì |
| 657 | NGỮ VĂN | 1479 | Nguyễn Thị Thanh | Hương | 5 | 2 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 658 | NGỮ VĂN | 1483 | Mai Lê | Huy | 16 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đức Trí | Nhì |
| 659 | NGỮ VĂN | 1495 | Bùi Huy Như | Khanh | 30 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Nhì |
| 660 | NGỮ VĂN | 1518 | Đoàn Nguyễn Ngọc | Lân | 23 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Chí Thanh | Nhì |
| 661 | NGỮ VĂN | 1524 | Bùi Thị Thùy | Linh | 10 | 11 | 1995 | Quảng Trị | Tạ Quang Bửu | Nhì |
| 662 | NGỮ VĂN | 1526 | Đào Thị Hồng | Linh | 12 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 663 | NGỮ VĂN | 1535 | Nguyễn Lê Thùy | Linh | 9 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trường Chinh | Nhì |
| 664 | NGỮ VĂN | 1542 | Tạ Huỳnh Tiểu | Linh | 29 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 665 | NGỮ VĂN | 1558 | Châu Quang | Minh | 23 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 666 | NGỮ VĂN | 1581 | Nguyễn Thùy Ngọc | Ngân | 19 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 667 | NGỮ VĂN | 1612 | Nghiêm Phạm Mẫn | Nhi | 16 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 668 | NGỮ VĂN | 1634 | Trần Nguyễn Quỳnh | Như | 03 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hưng Đạo | Nhì |
| 669 | NGỮ VĂN | 1663 | Lê Nữ Hồng | Phương | 15 | 12 | 1996 | Quảng Nam | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 670 | NGỮ VĂN | 1678 | Lục Kim | Quế | 11 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 671 | NGỮ VĂN | 1823 | Đặng Trần Hoàng | Trinh | 12 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 672 | NGỮ VĂN | 1869 | Lê Thanh | Uyên | 13 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 673 | NGỮ VĂN | 1908 | Ưng Ngọc Phương | Vy | 07 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 674 | NGỮ VĂN | 1910 | Vũ Yến | Vy | 20 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 675 | NGỮ VĂN | 1721 | Nguyễn Đoàn Phương | Thanh | 12 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Nhì |
| 676 | NGỮ VĂN | 1349 | Nguyễn Tuấn | Anh | 7 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 677 | NGỮ VĂN | 1402 | Trần Minh | Dự | 5 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trãi | Nhì |
| 678 | NGỮ VĂN | 1405 | Trần Thuỳ | Dung | 12 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 679 | NGỮ VĂN | 1409 | Nguyễn Thùy | Dương | 05 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Thị Sáu | Nhì |
| 680 | NGỮ VĂN | 1420 | Phạm Đình Minh | Duyên | 04 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 681 | NGỮ VĂN | 1424 | Phan Tấn | Đạt | 08 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhì |
| 682 | NGỮ VĂN | 1432 | Dương Thu | Hà | 14 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 683 | NGỮ VĂN | 1434 | Đinh Thị Bích | Hà | 2 | 3 | 1995 | Bình Định | Ngô Thời Nhiệm | Nhì |
| 684 | NGỮ VĂN | 1436 | Lê Thị Thanh | Hà | 18 | 2 | 1996 | Huế | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 685 | NGỮ VĂN | 1457 | Giảng Thị | Hiền | 05 | 10 | 1993 | Đồng Nai | An Lạc | Nhì |
| 686 | NGỮ VĂN | 1473 | Phạm Trần Hồng | Hoanh | 24 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | An Lạc | Nhì |
| 687 | NGỮ VĂN | 1496 | Dương Quỳnh Phương | Khanh | 16 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngôi Sao | Nhì |
| 688 | NGỮ VĂN | 1497 | Lê Thùy | Khanh | 13 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 689 | NGỮ VĂN | 1516 | Nguyễn Hoàng Phương | Lan | 05 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 690 | NGỮ VĂN | 1520 | Dương Huỳnh | Liên | 24 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đa Phước | Nhì |
| 691 | NGỮ VĂN | 1529 | Lê Dương | Linh | 6 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 692 | NGỮ VĂN | 1540 | Phạm Bùi Mỹ | Linh | 3 | 1 | 1996 | Hải Phòng | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 693 | NGỮ VĂN | 1545 | Vũ Trần Ngọc | Linh | 31 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 694 | NGỮ VĂN | 1572 | Trương Ngọc Vân | Nga | 17 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 695 | NGỮ VĂN | 1590 | Lý Trần Mỹ | Ngọc | 14 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhì |
| 696 | NGỮ VĂN | 1608 | Trần Kiến | Nhân | 28 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Phú | Nhì |
| 697 | NGỮ VĂN | 1616 | Nguyễn Ngọc Yến | Nhi | 16 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 698 | NGỮ VĂN | 1640 | Nguyễn Huỳnh Thảo | Nhung | 17 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Diệu | Nhì |
| 699 | NGỮ VĂN | 1650 | Trần Kim | Phiên | 12 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Tiến | Nhì |
| 700 | NGỮ VĂN | 1672 | Kitty | Plongpha | 21 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 701 | NGỮ VĂN | 1675 | Trương Uyển | Quân | 6 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 702 | NGỮ VĂN | 1694 | Nguyễn Kim Khánh | Quỳnh | 04 | 03 | 1995 | Huế | THTH ĐHSP | Nhì |
| 703 | NGỮ VĂN | 1727 | Dương Ngọc | Thảo | 26 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Nhì |
| 704 | NGỮ VĂN | 1739 | Trần Thị Thanh | Thảo | 5 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Nhì |
| 705 | NGỮ VĂN | 1756 | Nguyễn Minh | Thư | 6 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 706 | NGỮ VĂN | 1773 | Nguyễn Thị Bích | Thủy | 21 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | An Nghĩa | Nhì |
| 707 | NGỮ VĂN | 1783 | Nguyễn Trung Mỹ | Tiên | 17 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Tất Thành | Nhì |
| 708 | NGỮ VĂN | 1793 | Nguyễn Phúc Thiên | Trâm | 08 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tây Thạnh | Nhì |
| 709 | NGỮ VĂN | 1815 | Trần Thị Xuân | Trang | 22 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Nhì |
| 710 | NGỮ VĂN | 1829 | Trần Thị Kim | Trinh | 3 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 711 | NGỮ VĂN | 1830 | Trần Thục | Trinh | 29 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 712 | NGỮ VĂN | 1832 | Hoàng Thị Thanh | Trúc | 7 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 713 | NGỮ VĂN | 1871 | Phạm Thị Thu | Uyên | 9 | 9 | 1995 | Vũng Tàu | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 714 | NGỮ VĂN | 1884 | Phùng Tú | Văn | 28 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 715 | NGỮ VĂN | 1914 | Nguyễn Thị | Ý | 08 | 09 | 1995 | Quảng Ngãi | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 716 | NGỮ VĂN | 1917 | Trần Thị Thiện | Yên | 17 | 01 | 1995 | Lâm Đồng | Quốc Văn Sài Gòn | Nhì |
| 717 | NGỮ VĂN | 1922 | Nguyễn Kim | Yến | 12 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 718 | NGỮ VĂN | 4598 | Nguyễn Hòa Thanh | Vy | 16 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Minh Xuân | Nhì |
| 719 | NGỮ VĂN | 4616 | Nguyễn Thiện | Phát | 27 | 6 | 1995 | Đắc Lắc | Phú Lâm | Nhì |
| 720 | NGỮ VĂN | 1326 | Lâm Hoàng Thúy | Anh | 23 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 721 | NGỮ VĂN | 1336 | Nguyễn Đình Vân | Anh | 14 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 722 | NGỮ VĂN | 1373 | Nguyễn Ngọc | Bích | 18 | 09 | 1995 | Đồng Nai | Thủ Thiêm | Ba |
| 723 | NGỮ VĂN | 1387 | Nguyễn Lan | Chi | 26 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 724 | NGỮ VĂN | 1398 | Phạm Trần Trúc | Diễm | 26 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 725 | NGỮ VĂN | 1404 | Nguyễn Trần Phương | Dung | 16 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 726 | NGỮ VĂN | 1412 | Nguyễn Anh | Duy | 19 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 727 | NGỮ VĂN | 1430 | Lê Thị Hương | Giang | 17 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 728 | NGỮ VĂN | 1438 | Trần Việt | Hà | 17 | 4 | 1995 | Bình phước | Nguyễn Trãi | Ba |
| 729 | NGỮ VĂN | 1453 | Trần Ý | Hảo | 11 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 730 | NGỮ VĂN | 1456 | Nguyễn Viết Công | Hậu | 12 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Hoà | Ba |
| 731 | NGỮ VĂN | 1462 | Trần Thị Thanh | Hiền | 6 | 6 | 1995 | Khánh Hòa | Ngô Thời Nhiệm | Ba |
| 732 | NGỮ VĂN | 1515 | Lục Lâm | Lan | 11 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Trường Toản | Ba |
| 733 | NGỮ VĂN | 1523 | Bùi Thị Thảo | Linh | 1 | 1 | 1995 | Long An | Tam Phú | Ba |
| 734 | NGỮ VĂN | 1553 | Nguyễn Lý Quỳnh | Mai | 13 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 735 | NGỮ VĂN | 1566 | Nguyễn Ngọc Thảo | My | 26 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 736 | NGỮ VĂN | 1593 | Trần Song Minh | Ngọc | 23 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 737 | NGỮ VĂN | 1595 | Trương Bội | Ngọc | 18 | 11 | 1995 | Minh Hải | Võ Thị Sáu | Ba |
| 738 | NGỮ VĂN | 1596 | Đinh Phạm Thảo | Nguyên | 24 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 739 | NGỮ VĂN | 1597 | Lê Ngọc Kim | Nguyên | 29 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Tất Thành | Ba |
| 740 | NGỮ VĂN | 1607 | Phạm Thị Thanh | Nhàn | 6 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 741 | NGỮ VĂN | 1633 | Trần Kiều Quỳnh | Như | 05 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 742 | NGỮ VĂN | 1652 | Hồ Mỹ | Phụng | 15 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Hoà | Ba |
| 743 | NGỮ VĂN | 1687 | Cáp Minh | Quyền | 1 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 744 | NGỮ VĂN | 1693 | Nguyễn Hương | Quỳnh | 31 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 745 | NGỮ VĂN | 1717 | Huỳnh Nguyễn Yến | Thanh | 29 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 746 | NGỮ VĂN | 1737 | Nguyễn Thị Thanh | Thảo | 10 | 08 | 1995 | Bình Thuận | Trần Phú | Ba |
| 747 | NGỮ VĂN | 1741 | Lê Nguyễn Hoàng | Thiên | 2 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 748 | NGỮ VĂN | 1769 | Trương Thanh | Thùy | 5 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 749 | NGỮ VĂN | 1789 | Bùi Thị Ngọc | Trâm | 4 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 750 | NGỮ VĂN | 1811 | Hoàng Thị | Trang | 27 | 05 | 1995 | Bắc Ninh | Tân Bình | Ba |
| 751 | NGỮ VĂN | 1845 | Trịnh Mai | Trung | 21 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 752 | NGỮ VĂN | 1861 | Trần Ngọc Phương | Tuyền | 20 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trung Trực | Ba |
| 753 | NGỮ VĂN | 1909 | Vũ Duy Nhật | Vy | 19 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 754 | NGỮ VĂN | 1921 | Nguyễn Huỳnh Ngọc | Yến | 2 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 755 | NGỮ VĂN | 1923 | Nguyễn Ngọc Minh | Yến | 16 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 756 | NGỮ VĂN | 4617 | Nguyễn Ngô Thy | Phụng | 13 | 12 | 1995 | Long An | Phú Lâm | Ba |
| 757 | NGỮ VĂN | 1710 | Nguyễn Minh | Tài | 23 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 758 | NGỮ VĂN | 1821 | Huỳnh Lê Thủy | Triều | 26 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 759 | NGỮ VĂN | 1329 | Lê Thị Ngọc | Anh | 17 | 8 | 1995 | Thanh Hoá | Lê Thánh Tôn | Ba |
| 760 | NGỮ VĂN | 1333 | Nguiyễn Thị Trâm | Anh | 8 | 9 | 1995 | Thanh Hoá | Nguyễn Công Trứ | Ba |
| 761 | NGỮ VĂN | 1334 | Nguyễn Châu Trâm | Anh | 24 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Ba |
| 762 | NGỮ VĂN | 1337 | Nguyễn Hà Hoàng | Anh | 10 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 763 | NGỮ VĂN | 1341 | Nguyễn Lan | Anh | 28 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 764 | NGỮ VĂN | 1344 | Nguyễn Song Thục | Anh | 18 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 765 | NGỮ VĂN | 1348 | Nguyễn Trịnh Thục | Anh | 09 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Ba |
| 766 | NGỮ VĂN | 1350 | Phạm Lê Trâm | Anh | 22 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 767 | NGỮ VĂN | 1357 | Trần Thị Thùy | Anh | 26 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 768 | NGỮ VĂN | 1359 | Trần Vân | Anh | 23 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 769 | NGỮ VĂN | 1362 | Vũ Mai | Anh | 2 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 770 | NGỮ VĂN | 1370 | Trần Thanh | Bảo | 04 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 771 | NGỮ VĂN | 1375 | Lai Bội | Bội | 14 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 772 | NGỮ VĂN | 1380 | Tạ Hồng Bảo | Châu | 07 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 773 | NGỮ VĂN | 1389 | Phạm Vũ | Chiến | 11 | 1 | 1995 | Hải Phòng | Nguyễn Trung Trực | Ba |
| 774 | NGỮ VĂN | 1411 | Đinh Thuỳ | Dương | 3 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 775 | NGỮ VĂN | 1415 | Huỳnh Thị Mỹ | Duyên | 15 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 776 | NGỮ VĂN | 1433 | Đinh Nhật | Hà | 13 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 777 | NGỮ VĂN | 1435 | Lê Nguyễn Khánh | Hà | 10 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bà Điểm | Ba |
| 778 | NGỮ VĂN | 1441 | Trần Thị Ngọc | Hân | 21 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Văn Cừ | Ba |
| 779 | NGỮ VĂN | 1443 | Lê Hữu Minh | Hằng | 7 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 780 | NGỮ VĂN | 1446 | Ngô Ngô Thủy | Hạnh | 4 | 7 | 1995 | Quảng Bình | Cần Thạnh | Ba |
| 781 | NGỮ VĂN | 1448 | Phạm Hồng | Hạnh | 27 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Giồng Ông Tố | Ba |
| 782 | NGỮ VĂN | 1458 | Lê Thị Thanh | Hiền | 3 | 7 | 1995 | Thanh Hóa | Ngôi Sao | Ba |
| 783 | NGỮ VĂN | 1461 | Phùng Giang Huệ | Hiền | 3 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Ba |
| 784 | NGỮ VĂN | 1474 | Đặng Ánh | Hồng | 02 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 785 | NGỮ VĂN | 1478 | Nguyễn Phúc Thiên | Hương | 25 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Thời Nhiệm | Ba |
| 786 | NGỮ VĂN | 1484 | Nguyễn Thanh | Huy | 8 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 787 | NGỮ VĂN | 1485 | Phạm Hoàng | Huy | 15 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trường Chinh | Ba |
| 788 | NGỮ VĂN | 1489 | Nguyễn Thị Ngọc | Huyền | 15 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Ba |
| 789 | NGỮ VĂN | 1494 | Hà Minh | Khang | 22 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 790 | NGỮ VĂN | 1504 | Nguyễn Mạnh | Khương | 27 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Ba |
| 791 | NGỮ VĂN | 1507 | Lê Châu Thanh | Kiều | 11 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 792 | NGỮ VĂN | 1509 | Nguyễn Thiên | Kim | 26 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 793 | NGỮ VĂN | 1517 | Nguyễn Minh | Lan | 5 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 794 | NGỮ VĂN | 1522 | Trần Thị Thúy | Liễu | 31 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đa Phước | Ba |
| 795 | NGỮ VĂN | 1527 | Hoàng Thuỳ Giao | Linh | 1 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 796 | NGỮ VĂN | 1528 | Lâm Gia | Linh | 11 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 797 | NGỮ VĂN | 1532 | Mạc Thị Trúc | Linh | 30 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 798 | NGỮ VĂN | 1534 | Nguyễn Hồng | Linh | 23 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 799 | NGỮ VĂN | 1536 | Nguyễn Quách Thuỳ | Linh | 7 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 800 | NGỮ VĂN | 1543 | Trần Yến | Linh | 29 | 04 | 1995 | Sông Bé | Trung Phú | Ba |
| 801 | NGỮ VĂN | 1550 | Huỳnh Đồng Ngọc | Mai | 24 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 802 | NGỮ VĂN | 1556 | Võ Trần Hải | Mi | 08 | 04 | 1995 | Bạc Liêu | Bùi Thị Xuân | Ba |
| 803 | NGỮ VĂN | 1559 | Hà Nguyễn Tuyết | Minh | 10 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 804 | NGỮ VĂN | 1561 | Nguyễn Nguyệt | Minh | 7 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 805 | NGỮ VĂN | 1576 | Nguyễn Lê Thu | Ngân | 30 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 806 | NGỮ VĂN | 1584 | Phan Bảo | Ngân | 09 | 03 | 1996 | Đồng Nai | An Dương Vương | Ba |
| 807 | NGỮ VĂN | 1589 | Lê Hồng | Ngọc | 8 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Diệu | Ba |
| 808 | NGỮ VĂN | 1609 | Đặng Phương | Nhi | 8 | 6 | 1995 | Bình Định | Lương Thế Vinh | Ba |
| 809 | NGỮ VĂN | 1610 | Lê Trần Ý | Nhi | 18 | 12 | 1995 | Gia Lai | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 810 | NGỮ VĂN | 1620 | Trần Hoàng Yến | Nhi | 8 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Thánh Tôn | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 811 | NGỮ VĂN | 1636 | Trịnh Thị Huỳnh | Như | 09 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Ba |
| 812 | NGỮ VĂN | 1639 | Nguyễn Hồ Hồng | Nhung | 6 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 813 | NGỮ VĂN | 1645 | Trương Thị Hà | Ni | 10 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Cần Thạnh | Ba |
| 814 | NGỮ VĂN | 1646 | Trương Thị Bích | Nữ | 25 | 03 | 1994 | Bình Định | Gia Định | Ba |
| 815 | NGỮ VĂN | 1647 | Phạm Giang Ái | Nương | 19 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Ba |
| 816 | NGỮ VĂN | 1660 | Hồ Thị Mai | Phương | 13 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 817 | NGỮ VĂN | 1661 | Hứa Vũ Mai | Phương | 10 | 01 | 1995 | Đak Lak | Thạnh Lộc | Ba |
| 818 | NGỮ VĂN | 1662 | Lê Ngọc Nguyên | Phương | 07 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Ba |
| 819 | NGỮ VĂN | 1664 | Ngô Khánh | Phương | 16 | 6 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trung Trực | Ba |
| 820 | NGỮ VĂN | 1667 | Nguyễn Thị Minh | Phương | 10 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 821 | NGỮ VĂN | 1673 | Hồ Phú Minh | Quân | 1 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 822 | NGỮ VĂN | 1676 | Vũ Minh | Quân | 03 | 10 | 1996 | Đồng Nai | Gia Định | Ba |
| 823 | NGỮ VĂN | 1677 | Phạm Đình | Quang | 21 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Giồng Ông Tố | Ba |
| 824 | NGỮ VĂN | 1684 | Nguyễn Thị Khánh | Quyên | 31 | 12 | 1995 | SÔNG BÉ | Nguyễn Trung Trực | Ba |
| 825 | NGỮ VĂN | 1690 | Lê Thanh Thu | Quỳnh | 19 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 826 | NGỮ VĂN | 1692 | Lương Thị Như | Quỳnh | 22 | 6 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cảnh | Ba |
| 827 | NGỮ VĂN | 1696 | Nguyễn Ngọc Như | Quỳnh | 28 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 828 | NGỮ VĂN | 1698 | Phạm Ngọc Đan | Quỳnh | 17 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 829 | NGỮ VĂN | 1711 | Nguyễn Thị Thanh | Tâm | 02 | 04 | 1994 | Cần Thơ | Tân Bình | Ba |
| 830 | NGỮ VĂN | 1713 | Lềnh Hấm | Tạt | 11 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nam Kỳ Khởi Nghĩa | Ba |
| 831 | NGỮ VĂN | 1723 | Trịnh Thiên | Thanh | 28 | 07 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 832 | NGỮ VĂN | 1726 | Diêu Lâm Thạch | Thảo | 14 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 833 | NGỮ VĂN | 1732 | Lê Phương | Thảo | 7 | 4 | 1996 | Thanh Hóa | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 834 | NGỮ VĂN | 1743 | Nguyễn Minh | Thiện | 20 | 3 | 1996 | Bến tre | Nguyễn Trãi | Ba |
| 835 | NGỮ VĂN | 1757 | nguyễn Ngọc Thiên | Thư | 31 | 5 | 1995 | An giang | Tân Thông Hội | Ba |
| 836 | NGỮ VĂN | 1760 | Phạm Thị | Thương | 14 | 03 | 1995 | Nam Định | Nguyễn Hữu Tiến | Ba |
| 837 | NGỮ VĂN | 1764 | Lê Thị Thanh | Thuỷ | 19 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 838 | NGỮ VĂN | 1767 | Trần Lê Minh | Thùy | 19 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 839 | NGỮ VĂN | 1770 | Dương Thị Thu | Thủy | 19 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đa Phước | Ba |
| 840 | NGỮ VĂN | 1771 | La Bích | Thủy | 23 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 841 | NGỮ VĂN | 1775 | Đoàn Lữ Quỳnh | Thy | 10 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Phú | Ba |
| 842 | NGỮ VĂN | 1776 | Nguyễn Phước Huyền | Thy | 18 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Ba |
| 843 | NGỮ VĂN | 1787 | Nguyễn Lê Cẩm | Tiên | 14 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 844 | NGỮ VĂN | 1788 | Phạm Quang Thanh | Trà | 1 | 5 | 1995 | Đồng Nai | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 845 | NGỮ VĂN | 1790 | Nguyễn Lê Ngọc | Trâm | 23 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Ba |
| 846 | NGỮ VĂN | 1792 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Trâm | 03 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 847 | NGỮ VĂN | 1801 | Phạm Nguyễn Ngọc | Trân | 8 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 848 | NGỮ VĂN | 1807 | Bùi Ngọc Minh | Trang | 24 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |
| 849 | NGỮ VĂN | 1814 | Trần Thị Huyền | Trang | 27 | 7 | 1995 | Hà Nam | Củ Chi | Ba |
| 850 | NGỮ VĂN | 1816 | Trần Trương Thiên | Trang | 11 | 1 | 1994 | Đồng Nai | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 851 | NGỮ VĂN | 1819 | Bùi Thiện | Trí | 7 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 852 | NGỮ VĂN | 1820 | Trần Trọng | Trí | 23 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 853 | NGỮ VĂN | 1827 | Nguyễn Lê Đan | Trinh | 14 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 854 | NGỮ VĂN | 1839 | Trần Thanh | Trúc | 5 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thái Bình | Ba |
| 855 | NGỮ VĂN | 1842 | Lê Đức | Trung | 31 | 03 | 1996 | Hà Nội | Nguyễn Thị Định | Ba |
| 856 | NGỮ VĂN | 1847 | Trần Linh | Trường | 20 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tạ Quang Bửu | Ba |
| 857 | NGỮ VĂN | 1852 | Trần Anh | Tú | 22 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 858 | NGỮ VĂN | 1860 | Nguyễn Ngọc Thanh | Tuyền | 28 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 859 | NGỮ VĂN | 1863 | Phan Ánh | Tuyết | 24 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Giồng Ông Tố | Ba |
| 860 | NGỮ VĂN | 1864 | Đoàn Văn | Út | 16 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Giồng Ông Tố | Ba |
| 861 | NGỮ VĂN | 1868 | Lê Phương | Uyên | 30 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tây Thạnh | Ba |
| 862 | NGỮ VĂN | 1879 | Nguyễn Thi Hồng | Vân | 19 | 10 | 1995 | Hưng Yên | Lý Thái Tổ | Ba |
| 863 | NGỮ VĂN | 1882 | Phạm Hồng | Vân | 2 | 6 | 1995 | Tiền Giang | An NhơnTây | Ba |
| 864 | NGỮ VĂN | 1889 | Trương Nguyễn Hoài | Vũ | 20 | 07 | 1995 | Bình Định | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 865 | NGỮ VĂN | 1892 | Đặng Hoàng Thuý | Vy | 10 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lý Thường Kiệt | Ba |
| 866 | NGỮ VĂN | 1893 | Đặng Thùy | Vy | 18 | 10 | 1995 | Vũng Tàu | Cần Thạnh | Ba |
| 867 | NGỮ VĂN | 1894 | Kim Lý Thanh | Vy | 9 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 868 | NGỮ VĂN | 1895 | Lâm Đàm Thảo | Vy | 19 | 5 | 1995 | Kiên Giang | Đức Trí | Ba |
| 869 | NGỮ VĂN | 1903 | Phạm Yên | Vy | 16 | 02 | 1996 | Lâm Đồng | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 870 | NGỮ VĂN | 1919 | Lý Nguyễn Hoàng | Yến | 26 | 3 | 1995 | Bình Thuận | Lê Hồng Phong | Ba |
| 871 | NGỮ VĂN | 4596 | Bùi Thị Thanh | Mai | 15 | 4 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Minh Xuân | Ba |
| 872 | SINH HỌC | 4232 | Phan  Nhất | Vy | 15 | 12 | 1995 | Khánh Hòa | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 873 | SINH HỌC | 4098 | Hàng Yến | Quỳnh | 18 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 874 | SINH HỌC | 4073 | Hoàng Nguyễn Kiều | Oanh | 03 | 03 | 1995 | Long An | Trần Phú | Nhất |
| 875 | SINH HỌC | 4231 | Trần Thái Phương | Vũ | 7 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhất |
| 876 | SINH HỌC | 3863 | Dương Gia | Bảo | 01 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 877 | SINH HỌC | 4072 | Trần Thị Hồng | Nhung | 22 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 878 | SINH HỌC | 4196 | Nguyễn Trần Thanh | Trúc | 17 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 879 | SINH HỌC | 4101 | Nguyễn Trần Như | Quỳnh | 23 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 880 | SINH HỌC | 3955 | Nguyễn Tú | Khanh | 06 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 881 | SINH HỌC | 3875 | Nguyễn Khánh | Chi | 13 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhất |
| 882 | SINH HỌC | 4025 | Vũ Thiên | Ngân | 09 | 10 | 1996 | Tiền Giang | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 883 | SINH HỌC | 3903 | Ngô Hoàng Lam | Giang | 31 | 08 | 1995 | Sông Bé | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 884 | SINH HỌC | 4157 | Tôn Nữ Hoài | Thương | 17 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 885 | SINH HỌC | 4032 | Lê Thị Hồng | Ngọc | 30 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Nhất |
| 886 | SINH HỌC | 3959 | Trần Tư | Khoa | 12 | 04 | 1995 | Bình Thuận | Trần Phú | Nhất |
| 887 | SINH HỌC | 4236 | Lê Thị Như | Ý | 20 | 04 | 1995 | Cần Thơ | Tây Thạnh | Nhất |
| 888 | SINH HỌC | 4186 | Lương Tuấn | Trí | 06 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 889 | SINH HỌC | 4018 | Lê Thị Thùy | Ngân | 26 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Khuyến | Nhất |
| 890 | SINH HỌC | 4024 | Võ Thùy Phương | Ngân | 1 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 891 | SINH HỌC | 3983 | Vũ Hoàng | Linh | 23 | 08 | 1995 | Vũng Tàu | Trưng Vương | Nhất |
| 892 | SINH HỌC | 3945 | Nguyễn Khoa Đức | Huy | 23 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhất |
| 893 | SINH HỌC | 4193 | Nguyễn  Thị Thanh | Trúc | 8 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đa Phước | Nhất |
| 894 | SINH HỌC | 3851 | Phạm Đỗ Phương | Anh | 25 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 895 | SINH HỌC | 4212 | Võ Công | Tuấn | 1 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Nhất |
| 896 | SINH HỌC | 4228 | Ngô Thế | Vinh | 03 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 897 | SINH HỌC | 4088 | Phạm Ngọc Minh | Phương | 6 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 898 | SINH HỌC | 4095 | Nguyễn Minh | Quang | 19 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 899 | SINH HỌC | 3924 | Lê Trung | Hiếu | 24 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhất |
| 900 | SINH HỌC | 3906 | Đặng Thị Thu | Hà | 2 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 901 | SINH HỌC | 4167 | Nguyễn Thị Thu | Thủy | 22 | 4 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Trường Toản | Nhất |
| 902 | SINH HỌC | 4012 | Trần Lệ Hằng | Nga | 26 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 903 | SINH HỌC | 4020 | Nguyễn Lê Thanh | Ngân | 5 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 904 | SINH HỌC | 3968 | Nguyễn Trịnh Thiên | Kim | 21 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 905 | SINH HỌC | 3973 | Lâm Gia | Linh | 30 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 906 | SINH HỌC | 3940 | Nguyễn Thị Quỳnh | Hương | 24 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 907 | SINH HỌC | 3952 | Bùi Huỳnh Công | Khanh | 09 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Bình | Nhất |
| 908 | SINH HỌC | 4219 | Nguyễn Cao Minh | Uyên | 28 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 909 | SINH HỌC | 4223 | Bành Kiều | Vi | 24 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 910 | SINH HỌC | 4184 | Thiều Thị | Trang | 4 | 1 | 1995 | Vĩnh Phú | Võ Trường Toản | Nhất |
| 911 | SINH HỌC | 4057 | Võ Huỳnh Yến | Nhi | 14 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 912 | SINH HỌC | 4069 | Bùi Thị Kim | Nhung | 23 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Nhất |
| 913 | SINH HỌC | 4028 | Trương Hữu | Nghĩa | 08 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhất |
| 914 | SINH HỌC | 3904 | Nguyễn Ngọc Lê | Giang | 10 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 915 | SINH HỌC | 4079 | Huỳnh Ngọc Minh | Phú | 26 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Nhất |
| 916 | SINH HỌC | 3914 | Võ Hiếu | Hạnh | 01 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 917 | SINH HỌC | 3847 | Nguyễn Hoàng | Anh | 23 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 918 | SINH HỌC | 4211 | Trần Thái | Tuấn | 23 | 12 | 1995 | Nghệ An | Nguyễn Huệ | Nhất |
| 919 | SINH HỌC | 4215 | Nguyễn Vạn | Tường | 09 | 03 | 1995 | Tiền Giang | Marie Curie | Nhất |
| 920 | SINH HỌC | 4225 | Hoàng Đức | Việt | 14 | 07 | 1995 | Hà Nam | Trần Hưng Đạo | Nhất |
| 921 | SINH HỌC | 4176 | Lê Nguyễn Ngọc | Trân | 19 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Nhất |
| 922 | SINH HỌC | 4125 | Huỳnh Bá | Thành | 22 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Nhất |
| 923 | SINH HỌC | 4070 | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | 8 | 11 | 1995 | Tiền Giang | Nguyễn Công Trứ | Nhất |
| 924 | SINH HỌC | 3956 | Phạm Nguyễn Uyên | Khanh | 03 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Thị Sáu | Nhất |
| 925 | SINH HỌC | 3917 | Mai Thị | Hiền | 18 | 8 | 1995 | Ninh Bình | Võ Trường Toản | Nhất |
| 926 | SINH HỌC | 3901 | Lê Hồng | Đức | 07 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 927 | SINH HỌC | 3896 | Hồ Ngọc Trang | Đài | 17 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đức Trí | Nhất |
| 928 | SINH HỌC | 4210 | Phan Minh | Tuấn | 24 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 929 | SINH HỌC | 4194 | Nguyễn Huỳnh Thanh | Trúc | 25 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 930 | SINH HỌC | 4205 | Ngô Anh | Tuấn | 26 | 07 | 1995 | Nam Định | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 931 | SINH HỌC | 3997 | Nguyễn Thị Kim | Mai | 11 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Long Trường | Nhì |
| 932 | SINH HỌC | 4004 | Nguyễn Thành Nhựt | Minh | 27 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 933 | SINH HỌC | 3969 | Nguyễn Văn | Lâm | 24 | 03 | 1995 | Bắc Ninh | Trần Hưng Đạo | Nhì |
| 934 | SINH HỌC | 3944 | Lâm Tuấn | Huy | 01 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Khuyến | Nhì |
| 935 | SINH HỌC | 3888 | Trần Huỳnh Kim | Dương | 13 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 936 | SINH HỌC | 4135 | Phạm Trần Quý | Thiện | 11 | 12 | 1996 | Quảng Ngãi | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 937 | SINH HỌC | 4093 | Nguyễn Tân Minh | Quân | 01 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 938 | SINH HỌC | 4059 | Nguyễn Yến | Nhi | 07 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |
| 939 | SINH HỌC | 4037 | Ngô Việt | Nguyên | 14 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Nhì |
| 940 | SINH HỌC | 4042 | Trần Thanh | Nhã | 07 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhì |
| 941 | SINH HỌC | 4047 | Nguyễn Trí | Nhân | 02 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 942 | SINH HỌC | 3993 | Nguyễn Minh | Luân | 29 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Tam Phú | Nhì |
| 943 | SINH HỌC | 3958 | Nguyễn Trần Anh | Khoa | 20 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Tiến | Nhì |
| 944 | SINH HỌC | 3845 | Huỳnh Hoàng | Anh | 28 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 945 | SINH HỌC | 4147 | Trần Ngọc Anh | Thư | 03 | 01 | 1995 | Long An | THTH ĐHSP | Nhì |
| 946 | SINH HỌC | 4160 | Võ Nguyễn Phương | Thuy | 28 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 947 | SINH HỌC | 3996 | Nguyễn Ngọc Thanh | Mai | 07 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Khuyến | Nhì |
| 948 | SINH HỌC | 3916 | Lê Ngọc Thảo | Hiền | 22 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 949 | SINH HỌC | 3855 | Trần Thanh Tuấn | Anh | 10 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 950 | SINH HỌC | 4235 | Vũ Nguyễn Thanh | Vy | 30 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 951 | SINH HỌC | 4169 | Phạm Hoàng Khánh | Thy | 27 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 952 | SINH HỌC | 4142 | Đỗ Thị | Thu | 20 | 09 | 1995 | Thanh Hóa | Trần Hưng Đạo | Nhì |
| 953 | SINH HỌC | 4103 | Phạm Thị Phương | Quỳnh | 19 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 954 | SINH HỌC | 4075 | Trần Tấn | Phát | 15 | 08 | 1995 | Kiên Giang | Quốc Văn Sài Gòn | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 955 | SINH HỌC | 3960 | Khương Hữu Anh | Khôi | 31 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thủ Đức | Nhì |
| 956 | SINH HỌC | 3976 | Nguyễn Thị Phương | Linh | 17 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | An Nghĩa | Nhì |
| 957 | SINH HỌC | 3923 | Cao Dương Trọng | Hiếu | 21 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 958 | SINH HỌC | 4207 | Nguyễn Sĩ | Tuấn | 20 | 07 | 1995 | Bắc Ninh | Tân Bình | Nhì |
| 959 | SINH HỌC | 4183 | Nguyễn Thu | Trang | 09 | 09 | 1995 | Hà Nội | Nguyễn Khuyến | Nhì |
| 960 | SINH HỌC | 4146 | Phạm Thị Minh | Thư | 17 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhì |
| 961 | SINH HỌC | 4153 | Ngô Lương Đăng | Thức | 27 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 962 | SINH HỌC | 4154 | Trần Văn | Thức | 14 | 04 | 1995 | Đăk Lăk | Phú Nhuận | Nhì |
| 963 | SINH HỌC | 4155 | Hứa Thị Hoài | Thương | 21 | 01 | 1995 | Long An | THTH ĐHSP | Nhì |
| 964 | SINH HỌC | 4116 | Trần Thị Thanh | Tâm | 24 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 965 | SINH HỌC | 4080 | Cao Huỳnh | Phúc | 2 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 966 | SINH HỌC | 4082 | Hứa Thành | Phước | 29 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 967 | SINH HỌC | 4099 | Ngô Hiếu Khả | Quỳnh | 19 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 968 | SINH HỌC | 4033 | Nguyễn Bảo | Ngọc | 08 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhì |
| 969 | SINH HỌC | 4050 | Hoàng Ý | Nhi | 15 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 970 | SINH HỌC | 4016 | Huỳnh Bảo | Ngân | 02 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 971 | SINH HỌC | 3987 | Nguyễn Quang Thiên | Long | 28 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Thị Sáu | Nhì |
| 972 | SINH HỌC | 4005 | Nguyễn Thị Ngọc | Minh | 26 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 973 | SINH HỌC | 3974 | Lê Đặng Phương | Linh | 28 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 974 | SINH HỌC | 3951 | Nguyễn Thái | Khang | 31 | 07 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 975 | SINH HỌC | 3884 | Nguyễn Xuân Quốc | Dũng | 9 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 976 | SINH HỌC | 4214 | Đinh Quang | Tường | 01 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 977 | SINH HỌC | 4187 | Vũ Minh | Trí | 8 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 978 | SINH HỌC | 4174 | Đỗ Ngọc | Trâm | 11 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Nhì |
| 979 | SINH HỌC | 4144 | Nguyễn Thị | Thu | 20 | 9 | 1995 | Hải Dương | Hiệp Bình | Nhì |
| 980 | SINH HỌC | 4145 | Phạm Nguyễn Anh | Thư | 21 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Nhì |
| 981 | SINH HỌC | 4128 | Lê Nguyên Ngọc | Thảo | 18 | 11 | 1995 | Long An | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 982 | SINH HỌC | 4091 | Lê Yến | Phượng | 03 | 05 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 983 | SINH HỌC | 4011 | Nguyễn Vũ Thiên | Nga | 12 | 9 | 1996 | Bình Định | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 984 | SINH HỌC | 3980 | Trần Thị Tuyết | Linh | 11 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Tiến | Nhì |
| 985 | SINH HỌC | 3953 | Chu Hoàng Bảo | Khanh | 20 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 986 | SINH HỌC | 3844 | Bùi Minh | Anh | 27 | 10 | 1995 | Kiên Giang | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 987 | SINH HỌC | 4220 | Lê Tú | Vân | 01 | 01 | 1995 | Đồng Tháp | Lê Quý Đôn | Ba |
| 988 | SINH HỌC | 4199 | Nguyễn Đức | Trung | 22 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 989 | SINH HỌC | 4136 | Lưu Hoàng | Thịnh | 21 | 12 | 1995 | Bình Dương | Thạnh Lộc | Ba |
| 990 | SINH HỌC | 4104 | Hứa Huệ | San | 23 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 991 | SINH HỌC | 4117 | Trần Thị Thanh | Tâm | 13 | 9 | 1995 | An Giang | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 992 | SINH HỌC | 4092 | Mai Thị | Phượng | 09 | 01 | 1995 | Hà Tĩnh | Thạnh Lộc | Ba |
| 993 | SINH HỌC | 4056 | Trần Thị Yến | Nhi | 28 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 994 | SINH HỌC | 4065 | Nguyễn Quỳnh | Như | 13 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 995 | SINH HỌC | 4052 | Lâm Tuyết | Nhi | 27 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Khuyến | Ba |
| 996 | SINH HỌC | 4015 | Hồ Ngọc Kim | Ngân | 26 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 997 | SINH HỌC | 4030 | Lai Phong Mỹ | Ngọc | 2 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Ba |
| 998 | SINH HỌC | 4007 | Nguyễn Thị Kiều | My | 19 | 2 | 1995 | Quảng Nam | Nguyễn Công Trứ | Ba |
| 999 | SINH HỌC | 3941 | Trần Thị Quế | Hương | 24 | 8 | 1996 | Đà Lạt | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 1000 | SINH HỌC | 3947 | Trương Quốc Gia | Huy | 17 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1001 | SINH HỌC | 3882 | Nguyễn Thị Mỹ | Dung | 9 | 6 | 1995 | Đăk Lăk | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1002 | SINH HỌC | 3883 | Lê Thanh | Dũng | 01 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Tiến | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1003 | SINH HỌC | 3846 | Ngô Quang | Anh | 16 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1004 | SINH HỌC | 4218 | Lê Hoàng Phúc | Uyên | 26 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Ba |
| 1005 | SINH HỌC | 4226 | Huỳnh Anh | Việt | 18 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Ba |
| 1006 | SINH HỌC | 4237 | Trịnh Minh Như | Ý | 18 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1007 | SINH HỌC | 4609 | Nguyễn Song Ngọc Bíc | Châu | 1 | 10 | 1995 | Long An | Lê Minh Xuân | Ba |
| 1008 | SINH HỌC | 4083 | Đặng Uyển | Phương | 04 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1009 | SINH HỌC | 4068 | Võ Thị Quỳnh | Như | 16 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |
| 1010 | SINH HỌC | 4044 | Huỳnh Đỗ Uy | Nhân | 14 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1011 | SINH HỌC | 4008 | Nguyễn Trương Quỳnh | My | 1 | 8 | 1995 | Quảng Ngãi | Võ Trường Toản | Ba |
| 1012 | SINH HỌC | 4017 | Huỳnh Bảo | Ngân | 10 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bà Điểm | Ba |
| 1013 | SINH HỌC | 3967 | Đỗ Tuấn | Kiệt | 13 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 1014 | SINH HỌC | 3981 | Wee Lê Nguyệt | Linh | 15 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 1015 | SINH HỌC | 3936 | Trần Phi | Hùng | 1 | 8 | 1995 | Sóc Trăng | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 1016 | SINH HỌC | 3932 | Lê Ngọc | Hoàng | 25 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trãi | Ba |
| 1017 | SINH HỌC | 3891 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Duy | 6 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Ba |
| 1018 | SINH HỌC | 3887 | Phan Thị Thùy | Dương | 20 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 1019 | SINH HỌC | 3862 | Cái Hồng | Bảo | 28 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1020 | SINH HỌC | 4204 | Lại Minh | Tuấn | 4 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1021 | SINH HỌC | 4143 | Nguyễn Thị | Thu | 5 | 8 | 1995 | Thanh Hóa | Thủ Đức | Ba |
| 1022 | SINH HỌC | 4138 | Võ Trần Quốc | Thịnh | 16 | 07 | 1995 | An Giang | Quốc Văn Sài Gòn | Ba |
| 1023 | SINH HỌC | 4054 | Lê Thị Yến | Nhi | 04 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bà Điểm | Ba |
| 1024 | SINH HỌC | 4009 | Trương Thụy | My | 18 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1025 | SINH HỌC | 4022 | Nguyễn Võ Kim | Ngân | 9 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1026 | SINH HỌC | 4001 | Lê Khắc Quang | Minh | 02 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1027 | SINH HỌC | 3977 | Nguyễn Trần Hoàn | Linh | 7 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1028 | SINH HỌC | 3889 | Trần Hưng | Đường | 12 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Tiến | Ba |
| 1029 | SINH HỌC | 3850 | Nguyễn Thị Trâm | Anh | 01 | 10 | 1995 | Vũng Tàu | Bùi Thị Xuân | Ba |
| 1030 | SINH HỌC | 3853 | Phạm Ngọc | Anh | 19 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1031 | SINH HỌC | 4182 | Lại Thị Kiều | Trang | 24 | 10 | 1995 | Nam Định | Võ Trường Toản | Ba |
| 1032 | SINH HỌC | 4156 | Nguyễn Hoài | Thương | 17 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Ba |
| 1033 | SINH HỌC | 4114 | Lê Thị Thanh | Tâm | 26 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Tiến | Ba |
| 1034 | SINH HỌC | 4100 | Nguyễn Phương | Quỳnh | 21 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1035 | SINH HỌC | 4048 | Lê Phi | Nhạn | 20 | 1 | 1995 | Bến Tre | Cần Thạnh | Ba |
| 1036 | SINH HỌC | 4055 | Nguyễn Tâm Tuyết | Nhi | 15 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Ba |
| 1037 | SINH HỌC | 4014 | Đào Thị Tuyết | Ngân | 13 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1038 | SINH HỌC | 4019 | Nguyễn Kim | Ngân | 05 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 1039 | SINH HỌC | 3991 | Trần Minh | Long | 12 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1040 | SINH HỌC | 3978 | Phạm Lê Khánh | Linh | 17 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1041 | SINH HỌC | 3900 | Lâm Hồng | Đức | 19 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Ba |
| 1042 | SINH HỌC | 3877 | Nguyễn Thị Việt | Chinh | 01 | 02 | 1995 | Đồng Nai | An Dương Vương | Ba |
| 1043 | SINH HỌC | 3885 | Bạch Ngọc Hải | Dương | 25 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đức Trí | Ba |
| 1044 | SINH HỌC | 4209 | Phạm Hùng | Tuấn | 26 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nam Kỳ Khởi Nghĩa | Ba |
| 1045 | SINH HỌC | 4197 | Trần Thanh Thiên | Trúc | 6 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1046 | SINH HỌC | 4179 | Võ Thị Thùy | Trân | 20 | 02 | 1995 | Long An | An Nghĩa | Ba |
| 1047 | SINH HỌC | 4141 | Đỗ Minh | Thông | 05 | 06 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |
| 1048 | SINH HỌC | 4106 | Nguyễn Hùng | Sang | 11 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |
| 1049 | SINH HỌC | 4049 | Đỗ Mạnh Phương | Nhi | 22 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1050 | SINH HỌC | 4026 | Lợi Đình | Nghi | 12 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1051 | SINH HỌC | 3975 | Lê Khánh | Linh | 17 | 03 | 1995 | QN Đà Nẵng | Hùng Vương | Ba |
| 1052 | SINH HỌC | 3902 | Nguyễn Anh | Đức | 19 | 7 | 1994 | Đức | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 1053 | SINH HỌC | 3905 | Đinh Thị Bích | Giàu | 09 | 06 | 1995 | Kiên Giang | Ngô Quyền | Ba |
| 1054 | SINH HỌC | 4224 | Nguyễn Thảo | Vi | 11 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |
| 1055 | SINH HỌC | 4195 | Nguyễn Thị Thanh | Trúc | 23 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1056 | SINH HỌC | 4173 | Phạm Đức | Toàn | 14 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Phú | Ba |
| 1057 | SINH HỌC | 4115 | Phan Thị Thanh | Tâm | 23 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 1058 | SINH HỌC | 4094 | Khưu Thanh | Quang | 6 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Giồng Ông Tố | Ba |
| 1059 | SINH HỌC | 4097 | Chung Trương Bảo | Quỳnh | 30 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1060 | SINH HỌC | 4066 | Phan Thiện Quỳnh | Như | 11 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Phú | Ba |
| 1061 | SINH HỌC | 4078 | Nguyễn Hoài | Phong | 11 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đa Phước | Ba |
| 1062 | SINH HỌC | 4041 | Vương Thảo | Nguyên | 25 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1063 | SINH HỌC | 3999 | Phan Minh | Mẫn | 2 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Chánh | Ba |
| 1064 | SINH HỌC | 3930 | Văn Nguyễn Kiều | Hoa | 01 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | An Lạc | Ba |
| 1065 | SINH HỌC | 4202 | Nguyễn Nhật | Trường | 4 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Công Trứ | Ba |
| 1066 | SINH HỌC | 4178 | Nguyễn Ngọc Quế | Trân | 21 | 09 | 1995 | Long An | An Lạc | Ba |
| 1067 | SINH HỌC | 4087 | Nguyễn Thị Diệu | Phương | 14 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |
| 1068 | SINH HỌC | 4058 | Vũ Thảo | Nhi | 9 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Công Trứ | Ba |
| 1069 | SINH HỌC | 4060 | Huỳnh | Như | 8 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1070 | SINH HỌC | 4067 | Trần Thị Thủy | Như | 4 | 7 | 1995 | Sông Bé | Trường Chinh | Ba |
| 1071 | SINH HỌC | 4010 | Đào Thị Xuân | Mỹ | 4 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tam Phú | Ba |
| 1072 | SINH HỌC | 4021 | Nguyễn Ngọc | Ngân | 30 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 1073 | SINH HỌC | 3985 | Dương Trọng Hoàng | Long | 11 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1074 | SINH HỌC | 3971 | Đặng Thị | Lệ | 25 | 09 | 1995 | Bắc Giang | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 1075 | SINH HỌC | 3912 | Nguyễn Thị Kiều | Hạnh | 3 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Ba |
| 1076 | SINH HỌC | 3907 | Đỗ Nguyễn Hồng | Hà | 5 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1077 | SINH HỌC | 4190 | Trần Nguyễn Nhật | Trình | 05 | 08 | 1995 | Thừa Thiên Huế | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1078 | SINH HỌC | 4159 | Ngô Thị Thanh | Thuý | 4 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1079 | SINH HỌC | 4118 | Trương Đặng Nhật | Tân | 17 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Bỉnh Khiêm | Ba |
| 1080 | SINH HỌC | 4035 | Nguyễn Thị Hồng | Ngọc | 14 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 1081 | SINH HỌC | 4034 | Nguyễn Hồng Minh | Ngọc | 23 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Ba |
| 1082 | SINH HỌC | 4029 | Đoàn Mỹ | Ngọc | 22 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |
| 1083 | SINH HỌC | 3943 | Đoàn Trần Tiến | Huy | 10 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Bình | Ba |
| 1084 | SINH HỌC | 3895 | Nguyễn Thị Mỹ | Duyên | 07 | 07 | 1995 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Gia Định | Ba |
| 1085 | SINH HỌC | 3911 | Đinh Thanh | Hải | 23 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Chí Thanh | Ba |
| 1086 | SINH HỌC | 3852 | Phạm Mai | Anh | 25 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Thủ Đức | Ba |
| 1087 | SINH HỌC | 3856 | Trần Tuấn | Anh | 17 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đức Trí | Ba |
| 1088 | TIẾNG ANH | 3218 | Nguyễn Đức | Hải | 26 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1089 | TIẾNG ANH | 3320 | Đặng Xuân | Khoa | 31 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1090 | TIẾNG ANH | 3333 | Nguyễn Hoàng | Khôi | 09 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1091 | TIẾNG ANH | 3509 | Lương Thân Ngọc | Phúc | 12 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1092 | TIẾNG ANH | 3540 | Dương Nguyễn Đông | Quân | 20 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1093 | TIẾNG ANH | 3432 | Võ Hiếu | Nghi | 21 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1094 | TIẾNG ANH | 3561 | Nguyễn Thị Thu | Quỳnh | 18 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1095 | TIẾNG ANH | 3734 | Giang | Uy | 01 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1096 | TIẾNG ANH | 3184 | Lê Phan Bảo | Đăng | 14 | 01 | 1995 | Cần Thơ | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 1097 | TIẾNG ANH | 3270 | Đặng Gia | Hưng | 19 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1098 | TIẾNG ANH | 3282 | Nguyễn Nhật Quỳnh | Hương | 10 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1099 | TIẾNG ANH | 3290 | Đỗ Lê | Huy | 22 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhất |
| 1100 | TIẾNG ANH | 3344 | Đỗ Kỳ | Lâm | 18 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 1101 | TIẾNG ANH | 3450 | Lê Trần Thanh | Nguyên | 21 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1102 | TIẾNG ANH | 3582 | Nguyễn Hữu Minh | Thắng | 16 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Thị Sáu | Nhất |
| 1103 | TIẾNG ANH | 3676 | Nguyễn Hồng Bảo | Trân | 14 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1104 | TIẾNG ANH | 3565 | Nguyễn Như Hoàng | Sơn | 17 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1105 | TIẾNG ANH | 3621 | Tạ Ngọc Vân | Thoa | 13 | 12 | 1996 | Quảng Ngãi | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1106 | TIẾNG ANH | 3655 | Lê Vũ Trí | Tín | 22 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhất |
| 1107 | TIẾNG ANH | 3711 | Nguyễn Xuân | Trường | 26 | 09 | 1996 | Thanh Hóa | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1108 | TIẾNG ANH | 3095 | Nguyễn Ngọc Trường | An | 25 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1109 | TIẾNG ANH | 3120 | Nguyễn Toàn | Anh | 27 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhất |
| 1110 | TIẾNG ANH | 3170 | Trần Thùy | Dương | 09 | 11 | 1996 | Hải Phòng | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1111 | TIẾNG ANH | 3198 | Hoàng Anh | Đức | 17 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1112 | TIẾNG ANH | 3228 | Trịnh Gia | Hân | 19 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1113 | TIẾNG ANH | 3234 | Nguyễn Vinh | Hạnh | 13 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1114 | TIẾNG ANH | 3291 | Đỗ Vũ | Huy | 20 | 3 | 1996 | Quảng Nam | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1115 | TIẾNG ANH | 3365 | Trương Thị Phương | Loan | 4 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1116 | TIẾNG ANH | 3379 | Đặng Gia Cát | Lượng | 15 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1117 | TIẾNG ANH | 3391 | Đoàn Hải | Minh | 10 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1118 | TIẾNG ANH | 3407 | Khương Hoàn | Mỹ | 15 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1119 | TIẾNG ANH | 3430 | Mai Vĩnh Quỳnh | Nghi | 29 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1120 | TIẾNG ANH | 3474 | Đỗ Nguyên | Nhật | 23 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1121 | TIẾNG ANH | 3519 | Trần Ngọc Hồng | Phúc | 5 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1122 | TIẾNG ANH | 3554 | Trần Bảo | Quyên | 27 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1123 | TIẾNG ANH | 3571 | Nguyễn Phúc | Tài | 22 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1124 | TIẾNG ANH | 3572 | Hoàng Ngọc | Tâm | 29 | 05 | 1995 | Hải Phòng | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1125 | TIẾNG ANH | 3581 | Nguyễn Đình Minh | Thắng | 26 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1126 | TIẾNG ANH | 3713 | Huỳnh Ngọc Thiên | Tú | 01 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1127 | TIẾNG ANH | 3724 | Nguyễn Lê Hữu | Tuệ | 20 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1128 | TIẾNG ANH | 3729 | Đỗ Thị Ngọc | Tường | 20 | 3 | 1996 | Vũng Tàu | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1129 | TIẾNG ANH | 3187 | Huỳnh Công | Đạt | 25 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1130 | TIẾNG ANH | 3207 | Nguyễn Khánh | Giang | 21 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1131 | TIẾNG ANH | 3214 | Phạm Thanh | Hà | 18 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1132 | TIẾNG ANH | 3336 | Trần Nguyên | Khôi | 10 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1133 | TIẾNG ANH | 3452 | Nguyễn Đình | Nguyên | 01 | 01 | 1995 | Kiên Giang | Gia Định | Nhất |
| 1134 | TIẾNG ANH | 3473 | Đỗ Khoa | Nhật | 27 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Thị Sáu | Nhất |
| 1135 | TIẾNG ANH | 3475 | Cao Nguyễn Ngọc Thả | Nhi | 26 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1136 | TIẾNG ANH | 3484 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Như | 18 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1137 | TIẾNG ANH | 3583 | Đặng Hoàng Phương | Thanh | 10 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1138 | TIẾNG ANH | 3629 | Tống Thị Kim | Thư | 22 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1139 | TIẾNG ANH | 3673 | Đoàn Lê Quỳnh | Trân | 07 | 06 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1140 | TIẾNG ANH | 3688 | Trần Nguyễn Thiên | Trang | 04 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1141 | TIẾNG ANH | 3757 | Nguyễn Hồng Thảo | Vy | 20 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1142 | TIẾNG ANH | 3297 | Trần Nhật Khánh | Huy | 28 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1143 | TIẾNG ANH | 3301 | Phạm Lê Duy | Khả | 4 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 1144 | TIẾNG ANH | 3305 | Hồ Phan Thiệu | Khang | 07 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1145 | TIẾNG ANH | 3306 | Huỳnh Trọng | Khang | 6 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1146 | TIẾNG ANH | 3328 | Phạm Đăng | Khoa | 27 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1147 | TIẾNG ANH | 3343 | Trần Minh Diệu | Lam | 30 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1148 | TIẾNG ANH | 3373 | Trần Minh Hoàng | Long | 09 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1149 | TIẾNG ANH | 3378 | Nguyễn Cảnh | Luân | 2 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1150 | TIẾNG ANH | 3386 | Trương Quỳnh | Mai | 28 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1151 | TIẾNG ANH | 3399 | Trần Ngọc Nhật | Minh | 08 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1152 | TIẾNG ANH | 3478 | Phan Hà Yến | Nhi | 18 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1153 | TIẾNG ANH | 3499 | Phạm Nguyễn Nam | Phong | 28 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhất |
| 1154 | TIẾNG ANH | 3508 | Lê Công | Phúc | 20 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Nhất |
| 1155 | TIẾNG ANH | 3511 | Lý Thiên | Phúc | 9 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1156 | TIẾNG ANH | 3514 | Nguyễn Thiên | Phúc | 21 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1157 | TIẾNG ANH | 3575 | Trần Thanh | Tâm | 12 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1158 | TIẾNG ANH | 3579 | Nguyễn Quang Nhật | Tân | 30 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 1159 | TIẾNG ANH | 3598 | Lê Thanh | Thảo | 31 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1160 | TIẾNG ANH | 3653 | Võ Ái | Tiên | 1 | 7 | 1996 | Tiền Giang | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1161 | TIẾNG ANH | 3698 | Lê Huỳnh Hải | Triều | 16 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 1162 | TIẾNG ANH | 3743 | Lâm Thúy | Vi | 10 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1163 | TIẾNG ANH | 3748 | Ngô Hoàn | Vũ | 05 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1164 | TIẾNG ANH | 3765 | Trần Nhật | Vy | 9 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1165 | TIẾNG ANH | 3173 | Hồ Anh | Duy | 21 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 1166 | TIẾNG ANH | 3180 | Hà Lê Mỹ | Duyên | 07 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 1167 | TIẾNG ANH | 3194 | Hồ Vũ Minh | Điền | 2 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1168 | TIẾNG ANH | 3269 | Phan Vương Kỳ | Hùng | 05 | 07 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1169 | TIẾNG ANH | 3350 | Huỳnh Phương Hoài | Linh | 5 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1170 | TIẾNG ANH | 3380 | Huỳnh Thảo | Mai | 26 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1171 | TIẾNG ANH | 3408 | Trịnh Vương | Mỹ | 29 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhì |
| 1172 | TIẾNG ANH | 3412 | Trịnh Hoàng | Nam | 12 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Quốc Tế Á Châu | Nhì |
| 1173 | TIẾNG ANH | 3426 | Trần Thanh | Ngân | 24 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1174 | TIẾNG ANH | 3435 | Phan Thành | Nghĩa | 04 | 06 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 1175 | TIẾNG ANH | 3443 | Phạm Bích | Ngọc | 8 | 8 | 1996 | Vũng Tàu | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1176 | TIẾNG ANH | 3462 | Vũ Lê Hoàng | Nguyên | 11 | 07 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1177 | TIẾNG ANH | 3520 | Trương Hoàng | Phúc | 14 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1178 | TIẾNG ANH | 3588 | Trần Nguyễn Hiền | Thanh | 10 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Công Trứ | Nhì |
| 1179 | TIẾNG ANH | 3601 | Nguyễn Vũ Phương | Thảo | 25 | 05 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1180 | TIẾNG ANH | 3616 | Nguyễn Đình | Thiệu | 18 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Thị Sáu | Nhì |
| 1181 | TIẾNG ANH | 3674 | Nguyễn Bảo | Trân | 13 | 03 | 1995 | Khánh Hòa | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1182 | TIẾNG ANH | 3715 | Nguyễn Trung | Tú | 21 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1183 | TIẾNG ANH | 3750 | Bùi Nguyễn Khánh | Vy | 20 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1184 | TIẾNG ANH | 3759 | Nguyễn Thị Khánh | Vy | 22 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1185 | TIẾNG ANH | 3112 | Nguyễn Hương | Anh | 26 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1186 | TIẾNG ANH | 3119 | Nguyễn Thụy Vân | Anh | 01 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1187 | TIẾNG ANH | 3129 | Trần Thục | Anh | 19 | 06 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1188 | TIẾNG ANH | 3152 | Võ Thị Quế | Chi | 13 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1189 | TIẾNG ANH | 3164 | Ngô Hùng | Dũng | 26 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1190 | TIẾNG ANH | 3174 | Hoàng Thế | Duy | 01 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1191 | TIẾNG ANH | 3189 | Ngô Nguyễn Tiến | Đạt | 10 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Nhì |
| 1192 | TIẾNG ANH | 3206 | Nguyễn Hương | Giang | 17 | 2 | 1996 | Hải Phòng | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1193 | TIẾNG ANH | 3213 | Nguyễn Ngọc | Hà | 31 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1194 | TIẾNG ANH | 3222 | Lê Khánh Đàm | Hân | 31 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1195 | TIẾNG ANH | 3227 | Trần Hiếu | Hân | 15 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 1196 | TIẾNG ANH | 3241 | Lý Thu | Hiền | 06 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Quốc Tế Á Châu | Nhì |
| 1197 | TIẾNG ANH | 3248 | Nguyễn Lê Đăng | Hiệp | 9 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1198 | TIẾNG ANH | 3254 | Ninh Gia | Hòa | 22 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1199 | TIẾNG ANH | 3259 | Nguyễn Hữu | Hoàng | 16 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1200 | TIẾNG ANH | 3272 | Nguyễn Hoàng Việt | Hưng | 23 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1201 | TIẾNG ANH | 3281 | Nguyễn Lê Thiên | Hương | 03 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1202 | TIẾNG ANH | 3304 | Đỗ | Khang | 07 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1203 | TIẾNG ANH | 3312 | Lê Nguyên Bảo | Khanh | 30 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1204 | TIẾNG ANH | 3338 | Lục Lệ | Khôn | 18 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1205 | TIẾNG ANH | 3370 | Lê Phúc | Long | 8 | 7 | 1994 | Hà Nội | Ngô Thời Nhiệm | Nhì |
| 1206 | TIẾNG ANH | 3394 | Nguyễn Chấn | Minh | 14 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhì |
| 1207 | TIẾNG ANH | 3444 | Phùng Danh | Ngọc | 9 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1208 | TIẾNG ANH | 3458 | Trần Thị Hạnh | Nguyên | 01 | 01 | 1995 | Bến Tre | Gia Định | Nhì |
| 1209 | TIẾNG ANH | 3479 | Đào Hoàng Thảo | Nhiên | 29 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1210 | TIẾNG ANH | 3506 | Giang Kiến | Phúc | 11 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1211 | TIẾNG ANH | 3536 | Võ Đông | Phương | 14 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1212 | TIẾNG ANH | 3611 | Võ Hoàng Uyển | Thi | 11 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1213 | TIẾNG ANH | 3624 | Đào Minh | Thư | 31 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1214 | TIẾNG ANH | 3703 | Lê Huỳnh Thanh | Trúc | 4 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1215 | TIẾNG ANH | 3712 | Hoàng Kim | Tú | 25 | 02 | 1995 | Cộng Hòa Séc | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1216 | TIẾNG ANH | 3744 | Phan Trọng Bảo | Viên | 31 | 07 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1217 | TIẾNG ANH | 3755 | Nguyễn Hoàng Diệu | Vy | 28 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1218 | TIẾNG ANH | 3758 | Nguyễn Khánh | Vy | 02 | 03 | 1996 | Quy Nhơn | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1219 | TIẾNG ANH | 3761 | Nguyễn Trần Khánh | Vy | 18 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1220 | TIẾNG ANH | 3102 | Đào Đình | Anh | 15 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1221 | TIẾNG ANH | 3126 | Phan Thùy Khương | Anh | 25 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1222 | TIẾNG ANH | 3131 | Từ Hoàng | Anh | 29 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1223 | TIẾNG ANH | 3163 | Mai Thanh | Dũng | 28 | 10 | 1994 | Tiền Giang | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1224 | TIẾNG ANH | 3172 | Bùi Mạnh | Duy | 10 | 09 | 1995 | Bungary | Phú Nhuận | Nhì |
| 1225 | TIẾNG ANH | 3250 | Nguyễn Minh | Hiếu | 03 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1226 | TIẾNG ANH | 3278 | Đặng Kim Thiên | Hương | 18 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1227 | TIẾNG ANH | 3321 | Hà Ngọc Anh | Khoa | 26 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 1228 | TIẾNG ANH | 3352 | Lê Phương | Linh | 19 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 1229 | TIẾNG ANH | 3355 | Nguyễn Cẩm | Linh | 23 | 2 | 1996 | Hà Nội | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1230 | TIẾNG ANH | 3359 | Trần Khánh | Linh | 6 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1231 | TIẾNG ANH | 3381 | Lê Thị Thanh | Mai | 23 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 1232 | TIẾNG ANH | 3402 | Lê Ngô Thảo | My | 30 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 1233 | TIẾNG ANH | 3472 | Trần Nguyễn Thành | Nhân | 01 | 02 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Nhì |
| 1234 | TIẾNG ANH | 3505 | Đào Hồng | Phúc | 22 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1235 | TIẾNG ANH | 3562 | Nguyễn Thụy Như | Quỳnh | 13 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 1236 | TIẾNG ANH | 3610 | Võ Bạch Minh | Thi | 21 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lương Thế Vinh | Nhì |
| 1237 | TIẾNG ANH | 3622 | Đặng Quang | Thông | 12 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | TH Thực hành Sài Gòn | Nhì |
| 1238 | TIẾNG ANH | 3627 | Nguyễn Thị Minh | Thư | 30 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1239 | TIẾNG ANH | 3630 | Nguyễn Hiếu | Thuận | 30 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 1240 | TIẾNG ANH | 3635 | Bùi Thương | Thương | 26 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1241 | TIẾNG ANH | 3642 | Huỳnh Gia | Thụy | 06 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhì |
| 1242 | TIẾNG ANH | 3693 | Võ Quang | Trí | 03 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1243 | TIẾNG ANH | 3705 | Trần Võ Thanh | Trúc | 18 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 1244 | TIẾNG ANH | 3727 | Nguyễn Công Thanh | Tùng | 25 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1245 | TIẾNG ANH | 3749 | Nguyễn Hoàng | Vũ | 5 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1246 | TIẾNG ANH | 3097 | Trần Tô Hạnh | An | 8 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1247 | TIẾNG ANH | 3103 | Hà Đức | Anh | 8 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1248 | TIẾNG ANH | 3104 | Hà Thu Nhật | Anh | 24 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1249 | TIẾNG ANH | 3105 | Huỳnh Lê Yến | Anh | 4 | 3 | 1995 | Đà Nẵng | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1250 | TIẾNG ANH | 3117 | Nguyễn Thị Phương | Anh | 27 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1251 | TIẾNG ANH | 3124 | Phạm Châu Lê | Anh | 15 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Nhì |
| 1252 | TIẾNG ANH | 3125 | Phạm Vân | Anh | 30 | 7 | 1996 | Sông Bé | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1253 | TIẾNG ANH | 3178 | Trần Đức | Duy | 6 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1254 | TIẾNG ANH | 3253 | Châu Đức | Hòa | 20 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 1255 | TIẾNG ANH | 3255 | Huỳnh Khải | Hoàn | 13 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1256 | TIẾNG ANH | 3317 | Đàm Thiện | Khiêm | 28 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1257 | TIẾNG ANH | 3330 | Trần Tấn | Khoa | 5 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Nhì |
| 1258 | TIẾNG ANH | 3357 | Nguyễn Mỹ | Linh | 08 | 03 | 1995 | Hà Nội | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 1259 | TIẾNG ANH | 3375 | Dương Nguyễn Anh | Luân | 10 | 4 | 1995 | Quảng nam | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1260 | TIẾNG ANH | 3395 | Nguyễn Đức | Minh | 2 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1261 | TIẾNG ANH | 3411 | Nguyễn Hồng | Nam | 28 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1262 | TIẾNG ANH | 3427 | Vương Vũ Kim | Ngân | 20 | 07 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1263 | TIẾNG ANH | 3431 | Nguyễn Thị Phương | Nghi | 2 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1264 | TIẾNG ANH | 3463 | Nguyễn Đức Minh | Nguyệt | 26 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1265 | TIẾNG ANH | 3483 | Nguyễn Hữu Quỳnh | Như | 16 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Nhì |
| 1266 | TIẾNG ANH | 3537 | Vũ Minh | Phương | 20 | 12 | 1996 | Hà Nội | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1267 | TIẾNG ANH | 3602 | Trần Thị Thu | Thảo | 20 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 1268 | TIẾNG ANH | 3606 | Trần Ngọc Minh | Thi | 12 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1269 | TIẾNG ANH | 3628 | Phạm Anh | Thư | 24 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1270 | TIẾNG ANH | 3735 | Diệp Hồng | Uyên | 02 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1271 | TIẾNG ANH | 3742 | Vũ Đỗ Mai | Uyên | 18 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1272 | TIẾNG ANH | 3762 | Phạm Lê | Vy | 25 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1273 | TIẾNG ANH | 3771 | Phạm Hồng Mỹ | Ý | 11 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1274 | TIẾNG ANH | 3090 | Nguyễn Huỳnh Mỹ | Ái | 30 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 1275 | TIẾNG ANH | 3098 | Võ Hoàng Nhật | An | 8 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1276 | TIẾNG ANH | 3107 | Lê Hữu Hoàng | Anh | 4 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1277 | TIẾNG ANH | 3109 | Lưu Thúy | Anh | 08 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1278 | TIẾNG ANH | 3111 | Nguyễn Hoàng | Anh | 27 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Ba |
| 1279 | TIẾNG ANH | 3114 | Nguyễn Ngọc Lan | Anh | 26 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1280 | TIẾNG ANH | 3115 | Nguyễn Ngọc Vân | Anh | 17 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | TH Thực hành Sài Gòn | Ba |
| 1281 | TIẾNG ANH | 3116 | Nguyễn Tấn Nam | Anh | 23 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1282 | TIẾNG ANH | 3122 | Nguyễn Vũ Kim | Anh | 21 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phước Long | Ba |
| 1283 | TIẾNG ANH | 3123 | Nguyễn Vương Thụy | Anh | 07 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1284 | TIẾNG ANH | 3128 | Trần Ngọc Vũ | Anh | 11 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |
| 1285 | TIẾNG ANH | 3130 | Trần Vân | Anh | 05 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1286 | TIẾNG ANH | 3133 | Võ Kim | Anh | 21 | 8 | 1996 | Đồng Nai | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1287 | TIẾNG ANH | 3135 | Võ Ngọc Hoàng | Anh | 8 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1288 | TIẾNG ANH | 3136 | Vũ Tuấn | Anh | 02 | 09 | 1995 | Lạng Sơn | Bách Việt | Ba |
| 1289 | TIẾNG ANH | 3138 | Lê Gia | Bảo | 30 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1290 | TIẾNG ANH | 3139 | Nguyễn Ngọc Thiên | Bảo | 18 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1291 | TIẾNG ANH | 3140 | Phạm Quốc | Bảo | 27 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1292 | TIẾNG ANH | 3142 | Trang Gia | Bảo | 30 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1293 | TIẾNG ANH | 3146 | Nguyễn Huỳnh Bảo | Châu | 28 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1294 | TIẾNG ANH | 3147 | Nguyễn Khoa Bảo | Châu | 12 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1295 | TIẾNG ANH | 3148 | Nguyễn Thị Bảo | Châu | 1 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1296 | TIẾNG ANH | 3155 | Vương Bác | Dân | 12 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1297 | TIẾNG ANH | 3161 | Nguyễn Trần Phương | Dung | 28 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1298 | TIẾNG ANH | 3168 | Nguyễn Thùy | Dương | 06 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1299 | TIẾNG ANH | 3169 | Trần Thu Thùy | Dương | 19 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1300 | TIẾNG ANH | 3171 | Viên Mãn | Dương | 14 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 1301 | TIẾNG ANH | 3176 | Nguyễn Khánh | Duy | 30 | 05 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1302 | TIẾNG ANH | 3183 | Nguyễn Xuân | Đan | 17 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1303 | TIẾNG ANH | 3196 | Bùi Nguyễn Minh | Đoàn | 31 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Ba |
| 1304 | TIẾNG ANH | 3199 | Nguyễn Ngọc Minh | Đức | 17 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1305 | TIẾNG ANH | 3200 | Phan Nguyên | Đức | 05 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Ba |
| 1306 | TIẾNG ANH | 3210 | Nguyễn Trần Thị Hoài | Giao | 13 | 7 | 1995 | Đồng Nai | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1307 | TIẾNG ANH | 3216 | Ông Nhật | Hạ | 12 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1308 | TIẾNG ANH | 3217 | Lê Hoàng | Hải | 09 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1309 | TIẾNG ANH | 3223 | Ngô San Ngọc | Hân | 29 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1310 | TIẾNG ANH | 3224 | Nguyễn Lâm Gia | Hân | 15 | 07 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1311 | TIẾNG ANH | 3230 | Phạm Nguyệt | Hằng | 01 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1312 | TIẾNG ANH | 3231 | Phạm Thị Thu | Hằng | 02 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 1313 | TIẾNG ANH | 3233 | Bùi Thị Mỹ | Hạnh | 08 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Ba |
| 1314 | TIẾNG ANH | 3236 | Huỳnh Đặng Minh | Hảo | 10 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1315 | TIẾNG ANH | 3245 | Nguyễn Thế | Hiển | 01 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 1316 | TIẾNG ANH | 3251 | Nguyễn Minh Nhật | Hoa | 16 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1317 | TIẾNG ANH | 3252 | Nguyễn An | Hoà | 30 | 05 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Tây Thạnh | Ba |
| 1318 | TIẾNG ANH | 3257 | Đặng Huy | Hoàng | 13 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1319 | TIẾNG ANH | 3265 | Nguyễn Quang | Huấn | 11 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Ba |
| 1320 | TIẾNG ANH | 3271 | Huỳnh Phú | Hưng | 16 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1321 | TIẾNG ANH | 3279 | Đào Việt | Hương | 27 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1322 | TIẾNG ANH | 3284 | Nguyễn Quỳnh | Hương | 26 | 06 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1323 | TIẾNG ANH | 3286 | Nguyễn Thị Lan | Hương | 21 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1324 | TIẾNG ANH | 3288 | Trần Thái Ngọc | Hưởng | 11 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1325 | TIẾNG ANH | 3293 | Lý Gia | Huy | 15 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1326 | TIẾNG ANH | 3294 | Nguyễn Bùi Quang | Huy | 27 | 04 | 1996 | Hải Phòng | Gia Định | Ba |
| 1327 | TIẾNG ANH | 3296 | Nguyễn Quốc | Huy | 08 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |
| 1328 | TIẾNG ANH | 3299 | Nguyễn Thanh | Huyền | 14 | 08 | 1996 | Nam Định | Gia Định | Ba |
| 1329 | TIẾNG ANH | 3300 | Phạm Minh | Kha | 8 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phan Đăng Lưu | Ba |
| 1330 | TIẾNG ANH | 3302 | Nguyễn Đức | Khải | 28 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1331 | TIẾNG ANH | 3307 | Lưu Ngọc | Khang | 18 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 1332 | TIẾNG ANH | 3308 | Nguyễn Hoàng Minh | Khang | 18 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 1333 | TIẾNG ANH | 3309 | Nguyễn Phúc | Khang | 7 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1334 | TIẾNG ANH | 3313 | Nguyễn Thụy Nhã | Khanh | 24 | 02 | 1995 | Nha Trang | Đinh Thiện Lý | Ba |
| 1335 | TIẾNG ANH | 3315 | Hoàng Gia Bảo | Khánh | 01 | 12 | 1996 | Biên Hòa | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1336 | TIẾNG ANH | 3318 | Mai Học | Khiêm | 20 | 10 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Ba |
| 1337 | TIẾNG ANH | 3322 | Lý Nguyễn Đăng | Khoa | 12 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gò Vấp | Ba |
| 1338 | TIẾNG ANH | 3323 | Nguyễn Đăng | Khoa | 11 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1339 | TIẾNG ANH | 3324 | Nguyễn Hồ Đăng | Khoa | 05 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1340 | TIẾNG ANH | 3326 | Nguyễn Phạm Đăng | Khoa | 21 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 1341 | TIẾNG ANH | 3329 | Trần Hà | Khoa | 15 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1342 | TIẾNG ANH | 3331 | Nguyễn Đăng | Khoa | 19 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 1343 | TIẾNG ANH | 3332 | Nguyễn Anh | Khôi | 01 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1344 | TIẾNG ANH | 3335 | Nguyễn Minh | Khôi | 28 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1345 | TIẾNG ANH | 3339 | Lưu An | Khương | 25 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |
| 1346 | TIẾNG ANH | 3340 | Huỳnh Trần Thiên | Kim | 11 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1347 | TIẾNG ANH | 3342 | Đinh Hồng | Lam | 03 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 1348 | TIẾNG ANH | 3346 | Bùi Ngọc Khánh | Linh | 21 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1349 | TIẾNG ANH | 3347 | Bùi Ngọc Thuỳ | Linh | 25 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1350 | TIẾNG ANH | 3349 | Đinh Hoàng Mỹ | Linh | 16 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1351 | TIẾNG ANH | 3351 | Lê Ngọc Phương | Linh | 27 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1352 | TIẾNG ANH | 3354 | Lô Hồng | Linh | 19 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1353 | TIẾNG ANH | 3361 | Vũ Khánh | Linh | 06 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |
| 1354 | TIẾNG ANH | 3362 | Lê Phương Hồng | Loan | 10 | 4 | 1995 | Kiên Giang | Nguyễn Công Trứ | Ba |
| 1355 | TIẾNG ANH | 3363 | Mai Thị | Loan | 29 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1356 | TIẾNG ANH | 3368 | Đặng Hoàng | Long | 29 | 09 | 1995 | Đà Lạt | Quốc Văn Sài Gòn | Ba |
| 1357 | TIẾNG ANH | 3369 | Hùynh Phi | Long | 28 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1358 | TIẾNG ANH | 3374 | Châu Tuyền | Luân | 18 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lương Thế Vinh | Ba |
| 1359 | TIẾNG ANH | 3377 | Lê Huỳnh Minh | Luân | 19 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1360 | TIẾNG ANH | 3382 | Nguyễn Thị Phương | Mai | 7 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1361 | TIẾNG ANH | 3387 | Vũ Phương | Mai | 19 | 01 | 1995 | Hà Nội | Gia Định | Ba |
| 1362 | TIẾNG ANH | 3393 | Lương Nguyễn Thế | Minh | 25 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hồng Đức | Ba |
| 1363 | TIẾNG ANH | 3396 | Nguyễn Ngọc Tường | Minh | 09 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1364 | TIẾNG ANH | 3397 | Thái Nhật | Minh | 5 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1365 | TIẾNG ANH | 3398 | Trần | Minh | 26 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Ba |
| 1366 | TIẾNG ANH | 3400 | Đặng Hoàng | My | 18 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1367 | TIẾNG ANH | 3401 | Đỗ Hồng Hoàng | My | 20 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1368 | TIẾNG ANH | 3403 | Nguyễn Kiều | My | 1 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1369 | TIẾNG ANH | 3404 | Nguyễn Lê Trà | My | 10 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1370 | TIẾNG ANH | 3409 | Dương Trần | Nam | 22 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Công Trứ | Ba |
| 1371 | TIẾNG ANH | 3413 | Bùi Vân | Nga | 11 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1372 | TIẾNG ANH | 3415 | Đỗ Thuý | Nga | 9 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1373 | TIẾNG ANH | 3419 | Diệp Hoàng Bảo | Ngân | 15 | 12 | 1995 | Quảng Trị | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1374 | TIẾNG ANH | 3423 | Nguyễn Hoàng Kim | Ngân | 17 | 2 | 1995 | Long An | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1375 | TIẾNG ANH | 3428 | Lâm Giai | Nghi | 01 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1376 | TIẾNG ANH | 3429 | Lê Cao | Nghi | 18 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1377 | TIẾNG ANH | 3433 | Vương Vịnh | Nghi | 16 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1378 | TIẾNG ANH | 3434 | Lê Tuấn | Nghĩa | 05 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1379 | TIẾNG ANH | 3436 | Trương Khiết | Nghiêm | 2 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1380 | TIẾNG ANH | 3441 | Nguyễn Thị Khánh | Ngọc | 28 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1381 | TIẾNG ANH | 3446 | Vũ Như | Ngọc | 7 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1382 | TIẾNG ANH | 3447 | Đặng Ngọc Đoan | Nguyên | 28 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Giồng Ông Tố | Ba |
| 1383 | TIẾNG ANH | 3449 | Huỳnh Khôi | Nguyên | 06 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1384 | TIẾNG ANH | 3454 | Nguyễn Phương Thảo | Nguyên | 2 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1385 | TIẾNG ANH | 3455 | Phạm Đức | Nguyên | 11 | 11 | 1995 | Hà Nội | Gò Vấp | Ba |
| 1386 | TIẾNG ANH | 3461 | Vũ Hoàng Hoài | Nguyên | 12 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thái Bình | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1387 | TIẾNG ANH | 3466 | Dương Thanh | Nhàn | 13 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1388 | TIẾNG ANH | 3467 | Huỳnh Trọng | Nhân | 16 | 06 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Ba |
| 1389 | TIẾNG ANH | 3468 | Lê Thành | Nhân | 12 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lương Thế Vinh | Ba |
| 1390 | TIẾNG ANH | 3469 | Nguyễn Phước Vĩnh | Nhân | 2 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lương Thế Vinh | Ba |
| 1391 | TIẾNG ANH | 3470 | Trương Hoàng | Nhân | 06 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1392 | TIẾNG ANH | 3476 | Hà Xuân | Nhi | 01 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1393 | TIẾNG ANH | 3477 | Nguyễn Ngọc Yến | Nhi | 16 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1394 | TIẾNG ANH | 3482 | Lương Khải | Như | 22 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1395 | TIẾNG ANH | 3486 | Phạm Quỳnh | Như | 22 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1396 | TIẾNG ANH | 3487 | Trần Quỳnh | Như | 3 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 1397 | TIẾNG ANH | 3488 | Bùi Trần Phương | Nhung | 5 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1398 | TIẾNG ANH | 3492 | Phạm Minh | Ninh | 30 | 3 | 1995 | Long An | Bình Chánh | Ba |
| 1399 | TIẾNG ANH | 3498 | Nguyễn Thành | Phát | 28 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1400 | TIẾNG ANH | 3501 | Nguyễn Ngọc | Phú | 01 | 01 | 1995 | Lâm Đồng | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1401 | TIẾNG ANH | 3503 | Trần Kim | Phú | 14 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1402 | TIẾNG ANH | 3510 | Nguyễn Trọng | Khiêm | 19 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Ba |
| 1403 | TIẾNG ANH | 3513 | Nguyễn Ngọc | Phúc | 24 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 1404 | TIẾNG ANH | 3515 | Nguyễn Tiến | Phúc | 22 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Ba |
| 1405 | TIẾNG ANH | 3516 | Nguyễn Vĩnh | Phúc | 23 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1406 | TIẾNG ANH | 3522 | Phạm Hà Thượng | Phước | 12 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |
| 1407 | TIẾNG ANH | 3524 | Huỳnh Uyên | Phương | 18 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1408 | TIẾNG ANH | 3525 | Ngô Quỳnh | Phương | 22 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1409 | TIẾNG ANH | 3527 | Nguyễn Khoa Diệu | Phương | 05 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Ba |
| 1410 | TIẾNG ANH | 3529 | Nguyễn Mây | Phương | 08 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1411 | TIẾNG ANH | 3530 | Nguyễn Thị Thanh | Phương | 9 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1412 | TIẾNG ANH | 3531 | Nguyễn Thoại Yến | Phương | 11 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1413 | TIẾNG ANH | 3533 | Phan Nguyên | Phương | 28 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1414 | TIẾNG ANH | 3534 | Trương Hoàng Uyên | Phương | 4 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1415 | TIẾNG ANH | 3539 | Lê Qùynh | Phương | 30 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 1416 | TIẾNG ANH | 3541 | Đỗ Hữu Bảo | Quân | 22 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 1417 | TIẾNG ANH | 3542 | Lương Thanh Đăng | Quân | 09 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1418 | TIẾNG ANH | 3543 | Mã Trường | Quân | 18 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Ba |
| 1419 | TIẾNG ANH | 3545 | Nguyễn Minh | Quân | 16 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1420 | TIẾNG ANH | 3546 | Ông Tú | Quân | 10 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1421 | TIẾNG ANH | 3547 | Lê | Quang | 4 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Công Trứ | Ba |
| 1422 | TIẾNG ANH | 3550 | Viên Ngọc | Quang | 26 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Chí Thanh | Ba |
| 1423 | TIẾNG ANH | 3556 | Đặng Ngọc Như | Quỳnh | 9 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Phú | Ba |
| 1424 | TIẾNG ANH | 3557 | Nguyễn Minh Trúc | Quỳnh | 06 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1425 | TIẾNG ANH | 3558 | Nguyễn Ngọc Như | Quỳnh | 19 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1426 | TIẾNG ANH | 3569 | Bùi Tiến | Tài | 28 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngôi Sao | Ba |
| 1427 | TIẾNG ANH | 3570 | Dương Đình | Tài | 19 | 06 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1428 | TIẾNG ANH | 3573 | Lê Đỗ Thanh | Tâm | 04 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1429 | TIẾNG ANH | 3574 | Nguyễn Minh | Tâm | 24 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1430 | TIẾNG ANH | 3578 | Nguyễn Hoàng | TÂn | 12 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1431 | TIẾNG ANH | 3580 | Lê Gia Quốc | Thái | 01 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Thị Sáu | Ba |
| 1432 | TIẾNG ANH | 3584 | Đặng Ngọc Phương | Thanh | 29 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1433 | TIẾNG ANH | 3585 | Lê Thị Hà | Thanh | 12 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1434 | TIẾNG ANH | 3589 | Nguyễn Lưu Thị Kim | Thành | 29 | 07 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1435 | TIẾNG ANH | 3593 | Bùi Thu | Thảo | 26 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1436 | TIẾNG ANH | 3595 | Đào Thanh | Thảo | 10 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Ba |
| 1437 | TIẾNG ANH | 3600 | Nguyễn Thị Thanh | Thảo | 11 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 1438 | TIẾNG ANH | 3612 | Hoàng Trung | Thiên | 15 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1439 | TIẾNG ANH | 3613 | Lư | Thiện | 22 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1440 | TIẾNG ANH | 3623 | Nguyễn Hà | Thu | 28 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1441 | TIẾNG ANH | 3633 | Vũ Hồ Thảo | Thuận | 08 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1442 | TIẾNG ANH | 3634 | Nguyễn Đông | Thức | 11 | 05 | 1995 | Khánh Hòa | Hùng Vương | Ba |
| 1443 | TIẾNG ANH | 3636 | Ngô Hoàng Thương | Thương | 30 | 04 | 1995 | Đà Nẵng | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1444 | TIẾNG ANH | 3637 | Nguyễn Hoài | Thương | 08 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1445 | TIẾNG ANH | 3645 | Phan Ngọc Anh | Thùy | 15 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1446 | TIẾNG ANH | 3646 | Võ Ngọc Phương | Thùy | 13 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1447 | TIẾNG ANH | 3647 | Nguyễn Ngọc Như | Thủy | 17 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1448 | TIẾNG ANH | 3664 | Lê Minh | Trâm | 02 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1449 | TIẾNG ANH | 3666 | Nguyễn Kiều Hạnh | Trâm | 18 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1450 | TIẾNG ANH | 3668 | Nguyễn Võ Hoàng | Trâm | 28 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 1451 | TIẾNG ANH | 3671 | Võ Đức Quỳnh | Trâm | 20 | 07 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1452 | TIẾNG ANH | 3675 | Nguyễn Hoàng Ngọc | Trân | 26 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1453 | TIẾNG ANH | 3677 | Nguyễn Huy Bảo | Trân | 28 | 5 | 1995 | Đồng Nai | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1454 | TIẾNG ANH | 3680 | Trần Bảo | Trân | 19 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1455 | TIẾNG ANH | 3683 | Nguyễn Bạch Thiên | Trang | 5 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1456 | TIẾNG ANH | 3686 | Phạm Ngọc Xuân | Trang | 15 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đinh Thiện Lý | Ba |
| 1457 | TIẾNG ANH | 3687 | Phạm Thị Thùy | Trang | 15 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 1458 | TIẾNG ANH | 3694 | Cao Hoàng Minh | Triết | 13 | 11 | 1995 | Vũng Tàu | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1459 | TIẾNG ANH | 3695 | Huỳnh Minh | Triết | 23 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Ba |
| 1460 | TIẾNG ANH | 3696 | Huỳnh Tấn | Triết | 4 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Ba |
| 1461 | TIẾNG ANH | 3707 | Nguyễn Đức | Trung | 27 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1462 | TIẾNG ANH | 3710 | Nguyễn Thành | Trung | 8 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1463 | TIẾNG ANH | 3716 | Trần Anh | Tú | 29 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1464 | TIẾNG ANH | 3717 | Trần Anh | Tú | 22 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1465 | TIẾNG ANH | 3718 | Trương Ngọc Cẩm | Tú | 21 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 1466 | TIẾNG ANH | 3719 | Đặng Minh | Tuấn | 08 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |
| 1467 | TIẾNG ANH | 3721 | Ngô Ngọc | Tuấn | 02 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1468 | TIẾNG ANH | 3722 | Thiều Quang | Tuấn | 07 | 02 | 1996 | Đồng Nai | Gia Định | Ba |
| 1469 | TIẾNG ANH | 3723 | Vũ Quốc | Tuấn | 23 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 1470 | TIẾNG ANH | 3726 | Ngô Thanh | Tùng | 8 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1471 | TIẾNG ANH | 3728 | Trần Minh | Tùng | 23 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1472 | TIẾNG ANH | 3736 | Đinh Diệp Chu | Uyên | 4 | 10 | 1995 | Vũng Tàu | Nguyễn Công Trứ | Ba |
| 1473 | TIẾNG ANH | 3737 | Đinh Trần Phương | Uyên | 24 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1474 | TIẾNG ANH | 3740 | Lê Duy | Uyên | 6 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1475 | TIẾNG ANH | 3741 | Nguyễn Hoàng Phương | Uyên | 18 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Tây Thạnh | Ba |
| 1476 | TIẾNG ANH | 3747 | Lê Anh | Vũ | 17 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Ba |
| 1477 | TIẾNG ANH | 3769 | Lê Liễu | Xuân | 17 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1478 | TIẾNG ANH | 3770 | Nguyễn Hoàng Minh | Xuân | 28 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1479 | TIẾNG ANH | 4618 | Nguyễn Khánh Thanh | Vi | 30 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1480 | TIẾNG NHẬ | 3788 | Đặng Trần Bảo | Trân | 10 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Nhất |
| 1481 | TIẾNG NHẬ | 3785 | Đinh Phan Tuyết | Quỳnh | 25 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Nhất |
| 1482 | TIẾNG NHẬ | 3779 | Nguyễn Như | Hiếu | 17 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1483 | TIẾNG NHẬ | 3787 | Nguyễn Phước Bảo | Thy | 21 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Nhì |
| 1484 | TIẾNG NHẬ | 3782 | Trịnh Phương | Linh | 22 | 05 | 1995 | Hà Nội | Lê Quý Đôn | Ba |
| 1485 | TIẾNG NHẬ | 3778 | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh | 02 | 02 | 1995 | Hải Phòng | Trưng Vương | Ba |
| 1486 | TIẾNG NHẬ | 3781 | Nguyễn Hồng Hoàng | Lan | 24 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 1487 | TIẾNG NHẬ | 3780 | Trương Nguyễn Mạnh | Kha | 07 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 1488 | TIẾNG PHÁI | 3820 | Đặng Minh | Quân | 23 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1489 | TIẾNG PHÁI | 3800 | Hoàng | Bách | 9 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1490 | TIẾNG PHÁI | 3832 | Đỗ Phan Bảo | Trân | 1 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1491 | TIẾNG PHÁI | 3807 | Nguyễn Thanh Đức | Hạnh | 8 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1492 | TIẾNG PHÁI | 3798 | Trần Lan | Anh | 28 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1493 | TIẾNG PHÁI | 3813 | Hoàng Mộng Hoàn | Nhân | 1 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1494 | TIẾNG PHÁI | 3809 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Hương | 4 | 7 | 1995 | Tây Ninh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1495 | TIẾNG PHÁI | 3810 | Nguyễn Hứa Thanh | Lễ | 13 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1496 | TIẾNG PHÁI | 3817 | Lê Đăng Quỳnh | Như | 28 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1497 | TIẾNG PHÁI | 3816 | Nguyễn Bá Đoan | Nhu | 18 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1498 | TIẾNG PHÁI | 3827 | Trần Đàm Trung | Thành | 10 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1499 | TIẾNG PHÁI | 3794 | Lê Nghiêm Tú | Anh | 4 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1500 | TIẾNG PHÁI | 3797 | Tô Tuấn | Anh | 21 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1501 | TIẾNG PHÁI | 3823 | Nguyễn Võ Ngọc | Quỳnh | 27 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhì |
| 1502 | TIẾNG PHÁI | 3841 | Trần Thùy | Vân | 25 | 5 | 1995 | Vĩnh Long | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1503 | TIẾNG PHÁI | 3801 | Đinh Ngọc Nguyên | Châu | 12 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1504 | TIẾNG PHÁI | 3806 | Phan Ngọc bảo | Hân | 25 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1505 | TIẾNG PHÁI | 3834 | Nguyễn Thị Phương | Trang | 14 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1506 | TIẾNG PHÁI | 3835 | Võ Vương Phương | Trang | 11 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1507 | TIẾNG PHÁI | 3838 | Võ Thủy | Trúc | 14 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1508 | TIẾNG PHÁI | 3840 | Hồ Phúc | Tường | 30 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1509 | TIẾNG PHÁI | 3792 | Lê Ngọc Bình | An | 21 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1510 | TIẾNG PHÁI | 3793 | Bùi Vũ Vinh | Anh | 19 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1511 | TIẾNG PHÁI | 3815 | Nguyễn Ngọc Thảo | Nhi | 4 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1512 | TIẾNG PHÁI | 3830 | Trương Anh Quốc | Thống | 15 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1513 | TIẾNG PHÁI | 3837 | Lưu Thanh | Trúc | 18 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1514 | TIẾNG PHÁI | 3839 | Đỗ Mạnh | Tuấn | 28 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1515 | TIẾNG PHÁI | 3843 | Nguyễn Trần Như | Ý | 18 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1516 | TIẾNG PHÁI | 3811 | Đỗ Khánh | Linh | 3 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 1517 | TIẾNG PHÁI | 3833 | Đỗ Trần Mỹ | Trang | 14 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 1518 | TIN HỌC | 2283 | Trần Phan Anh | Khoa | 11 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1519 | TIN HỌC | 2289 | Vũ Ngọc | Linh | 11 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1520 | TIN HỌC | 2304 | Nguyễn Phong | Nhật | 23 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1521 | TIN HỌC | 2322 | Phan Huy | Thông | 28 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1522 | TIN HỌC | 2329 | Trần Trọng | Tín | 28 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1523 | TIN HỌC | 2330 | Lê Đức | Trọng | 9 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1524 | TIN HỌC | 2337 | Nguyễn Đức | Vinh | 13 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1525 | TIN HỌC | 2338 | Trần Ân | Vũ | 9 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1526 | TIN HỌC | 2237 | Đỗ Phú | An | 10 | 05 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Văn Cừ | Nhì |
| 1527 | TIN HỌC | 2239 | Cù Đức | Anh | 9 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1528 | TIN HỌC | 2246 | Nguyễn Lê | Bảo | 12 | 06 | 1995 | Ninh Thuận | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1529 | TIN HỌC | 2249 | Đoàn Tấn Việt | Cường | 22 | 08 | 1996 | Bình Thuận | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1530 | TIN HỌC | 2250 | Lê Trung | Cường | 12 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1531 | TIN HỌC | 2256 | Đoàn  Minh | Đức | 30 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1532 | TIN HỌC | 2266 | Phạm Hữu Quang | Hiếu | 20 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1533 | TIN HỌC | 2274 | Chế Quốc | Hữu | 09 | 05 | 1996 | Bình Thuận | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1534 | TIN HỌC | 2275 | Lê Vương Quốc | Huy | 2 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1535 | TIN HỌC | 2295 | Nguyễn Thành | Luân | 14 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1536 | TIN HỌC | 2297 | Hà Thị Tuyết | Mai | 7 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1537 | TIN HỌC | 2299 | Nguyễn Thành | Nam | 4 | 5 | 1996 | Nam Hà | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1538 | TIN HỌC | 2315 | Vũ Đức | Quân | 10 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1539 | TIN HỌC | 2327 | Nguyễn Hoàng Mạnh | Tiến | 13 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1540 | TIN HỌC | 2328 | Phan Nhật | Tiến | 10 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1541 | TIN HỌC | 2333 | Trần Việt | Trung | 05 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 1542 | TIN HỌC | 2288 | Trần Thị Khánh | Linh | 19 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1543 | TIN HỌC | 2294 | Trần Lê Bảo | Long | 19 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1544 | TIN HỌC | 2300 | Trần Huỳnh | Nghĩa | 18 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1545 | TIN HỌC | 2308 | Mai Hồng | Phúc | 30 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1546 | TIN HỌC | 2310 | Lê Hoàng | Phước | 10 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1547 | TIN HỌC | 2321 | Ngô Kim | Thảo | 29 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1548 | TIN HỌC | 2269 | Nguyễn Công Minh | Hoàng | 24 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1549 | TIN HỌC | 2270 | Nguyễn Sỹ | Hoàng | 08 | 08 | 1996 | Vũng Tàu | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1550 | TIN HỌC | 2280 | Lư Tử | Khiêm | 06 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1551 | TIN HỌC | 2287 | Nguyễn Đàm Hiển | Linh | 4 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1552 | TIN HỌC | 2314 | Nguyễn Hồng | Quân | 22 | 8 | 1995 | Bình Định | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1553 | TIN HỌC | 2242 | Võ Nguyễn Nhật | Anh | 08 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1554 | TIN HỌC | 2292 | Nguyễn Đức | Long | 12 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1555 | TIN HỌC | 2319 | Nguyễn Trung | Thành | 15 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1556 | TIN HỌC | 2335 | Lý Quốc | Tùng | 11 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1557 | TIN HỌC | 2313 | Nguyễn Hồng | Quân | 05 | 03 | 1996 | Yên Bái | Nguyễn Văn Cừ | Ba |
| 1558 | TIN HỌC | 2318 | Nguyễn Công | Thành | 6 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1559 | TIN HỌC | 2261 | Nguyễn Đức | Hải | 23 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1560 | TIN HỌC | 2264 | Ung Nhật | Hàng | 1 | 4 | 1995 | Bình Định | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1561 | TIN HỌC | 2286 | Nguyễn Cao Nhật | Linh | 16 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1562 | TIN HỌC | 2247 | Trần Sắc | Bình | 28 | 7 | 1996 | Đà Nẵng | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1563 | TIN HỌC | 2265 | Nguyễn Trọng | Hiếu | 17 | 11 | 1995 | Gia Lai | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1564 | TIN HỌC | 2301 | Đào Minh | Nhã | 07 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Ba |
| 1565 | TIN HỌC | 2306 | Hồ Hữu | Phát | 7 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1566 | TIN HỌC | 2316 | Phạm Minh | Sang | 01 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1567 | TIN HỌC | 2236 | Đào Tuấn | An | 24 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1568 | TIN HỌC | 2241 | Tống Đặng Kiều | Anh | 16 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1569 | TIN HỌC | 2251 | Nguyễn Hùng | Cường | 29 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1570 | TIN HỌC | 2253 | Chung Trương Quốc | Duy | 27 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1571 | TIN HỌC | 2284 | Quách Thụy | Lam | 21 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 1572 | TIN HỌC | 2285 | Nguyễn Trường Ngọc | Lân | 19 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1573 | TIN HỌC | 2298 | Lương Nguyễn Thế | Minh | 25 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hồng Đức | Ba |
| 1574 | TIN HỌC | 2317 | Đoàn Đắc | Thành | 1 | 6 | 1996 | Hải Phòng | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1575 | TOÁN | 2404 | Lê Minh | Cường | 04 | 03 | 1995 | Đồng Nai | Quốc Văn Sài Gòn | Nhất |
| 1576 | TOÁN | 2633 | Võ Anh | Kiệt | 31 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 1577 | TOÁN | 3009 | Huỳnh Phước | Trường | 05 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 1578 | TOÁN | 2470 | Phan Bá Vũ | Đông | 02 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1579 | TOÁN | 2555 | Trần Xuân | Hùng | 16 | 01 | 1995 | Quảng Bình | Gia Định | Nhất |
| 1580 | TOÁN | 2563 | Đỗ Thị Lan | Hương | 03 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1581 | TOÁN | 2586 | Trương Minh | Huy | 05 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1582 | TOÁN | 2730 | Nguyễn Minh | Nghĩa | 12 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1583 | TOÁN | 2678 | Trần Thành | Long | 7 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1584 | TOÁN | 2698 | Nguyễn Hoàng | Minh | 09 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1585 | TOÁN | 2497 | Nguyễn Trần | Hải | 29 | 01 | 1995 | Hà Nội | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 1586 | TOÁN | 2537 | Trần | Hoàng | 23 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1587 | TOÁN | 2538 | Trần Minh | Hoàng | 2 | 9 | 1995 | Đăk Lăk | Hồng Đức | Nhất |
| 1588 | TOÁN | 2645 | Hoàng Khánh | Linh | 09 | 09 | 1995 | Khánh Hòa | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 1589 | TOÁN | 2677 | Phan Hoàng | Long | 28 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 1590 | TOÁN | 2809 | Nguyễn Tấn | Phước | 11 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1591 | TOÁN | 2952 | Nguyễn Phạm Khánh | Tiên | 16 | 05 | 1995 | Quảng Ngãi | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1592 | TOÁN | 2542 | Phạm Ngọc Ánh | Hồng | 19 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1593 | TOÁN | 2956 | Lê Hoàng | Tiến | 21 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Quốc Văn Sài Gòn | Nhất |
| 1594 | TOÁN | 2867 | Đinh Hoàng | Tâm | 1 | 5 | 1995 | Thừa Thiên Huế | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 1595 | TOÁN | 2362 | Nguyễn Việt | Anh | 30 | 11 | 1995 | Nha Trang | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1596 | TOÁN | 2583 | Phạm Xuân | Huy | 06 | 06 | 1995 | Bạc Liêu | Trần Phú | Nhất |
| 1597 | TOÁN | 2363 | Phạm Hoàng | Anh | 18 | 7 | 1996 | Hải Phòng | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1598 | TOÁN | 2377 | Phạm Lê Quốc | Bảo | 22 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1599 | TOÁN | 2492 | Đặng Nam | Hải | 7 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1600 | TOÁN | 2558 | Nguyễn Lê | Hưng | 19 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1601 | TOÁN | 2735 | Nguyễn Trung | Nghĩa | 05 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Nhất |
| 1602 | TOÁN | 2767 | Phan Minh | Nhật | 10 | 9 | 1996 | Đồng Nai | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1603 | TOÁN | 2825 | Khương Võ Minh | Quang | 11 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 1604 | TOÁN | 2852 | Đặng Hùng | Sơn | 04 | 02 | 1995 | Vũng Tàu | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1605 | TOÁN | 2895 | Kim Nhật | Thành | 27 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhất |
| 1606 | TOÁN | 3027 | Trần Kim Anh | Tuấn | 3 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1607 | TOÁN | 3042 | Dụng Khắc | Uy | 13 | 5 | 1995 | Sông Bé | Việt Âu | Nhất |
| 1608 | TOÁN | 2634 | Bùi Thị Mỹ | Kim | 20 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 1609 | TOÁN | 2716 | Trần Hoàng | Nam | 31 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1610 | TOÁN | 2739 | Phạm Trần Thành | Nghiệp | 20 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1611 | TOÁN | 2754 | Trần Đình Văn | Nguyên | 25 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 1612 | TOÁN | 2770 | Dương Nguyễn Trúc | Nhi | 27 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 1613 | TOÁN | 2788 | Nguyễn Tấn | Phát | 13 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1614 | TOÁN | 3005 | Tiêu Trí | Trung | 28 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhất |
| 1615 | TOÁN | 2856 | Nguyễn Lê Hải | Sơn | 22 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1616 | TOÁN | 3049 | Huỳnh Nguyễn Tường | Vi | 09 | 10 | 1996 | Bến Tre | THTH ĐHSP | Nhất |
| 1617 | TOÁN | 2745 | Trần Lam | Ngọc | 11 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1618 | TOÁN | 3072 | Nguyễn Thanh | Vũ | 15 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1619 | TOÁN | 2365 | Phạm Việt | Anh | 20 | 04 | 1995 | Thanh Hóa | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1620 | TOÁN | 2376 | Nguyễn Quốc | Bảo | 28 | 11 | 1995 | Đồng Nai | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1621 | TOÁN | 2572 | Nguyễn Đặng Minh | Huy | 30 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 1622 | TOÁN | 2593 | Huỳnh Tử | Khang | 20 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhất |
| 1623 | TOÁN | 2640 | Trần Thị Mai | Liên | 14 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1624 | TOÁN | 2696 | Lê Võ Nhật | Minh | 14 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Nhất |
| 1625 | TOÁN | 2742 | Lê Thị Bích | Ngọc | 27 | 11 | 1995 | Vĩnh Phúc | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 1626 | TOÁN | 2783 | Ngô Minh | Nhựt | 2 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1627 | TOÁN | 2894 | Trần Hoàn Xuân | Thanh | 4 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1628 | TOÁN | 3044 | Nguyễn Thị Hồng | Vân | 3 | 4 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 1629 | TOÁN | 2601 | Ma Nguyễn Quang | Khánh | 27 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1630 | TOÁN | 2786 | Nguyễn Đức Lương | Phát | 29 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Bình | Nhất |
| 1631 | TOÁN | 2979 | Bùi Hoàng | Trí | 8 | 3 | 1995 | Đồng Nai | Nguyễn Công Trứ | Nhất |
| 1632 | TOÁN | 3063 | Trần Tiến | Vinh | 20 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Marie Curie | Nhất |
| 1633 | TOÁN | 2398 | Thái Đức | Chính | 02 | 05 | 1995 | Hà Tĩnh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1634 | TOÁN | 2496 | Nguyễn Thanh | Hải | 12 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhất |
| 1635 | TOÁN | 2516 | Bùi Phú | Hiệp | 11 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1636 | TOÁN | 2584 | Phan Cao | Huy | 19 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1637 | TOÁN | 2701 | Nguyễn Quang | Minh | 13 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 1638 | TOÁN | 2775 | Vũ Thị Lan | Nhi | 6 | 3 | 1995 | Quảng Nam | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1639 | TOÁN | 2960 | Nguyễn Trung | Tín | 01 | 09 | 1995 | Tiền Giang | Gia Định | Nhất |
| 1640 | TOÁN | 2965 | Trần Đức | Toàn | 02 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhất |
| 1641 | TOÁN | 2644 | Hồ Chí | Linh | 4 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1642 | TOÁN | 3033 | Châu Cát | Tường | 7 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1643 | TOÁN | 3058 | Nguyễn Đình An | Vinh | 02 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1644 | TOÁN | 2390 | Đào Minh | Châu | 20 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1645 | TOÁN | 2406 | Nguyễn Công | Cường | 21 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Nhì |
| 1646 | TOÁN | 2478 | Huỳnh Tấn | Giang | 4 | 5 | 1995 | Bình Thuận | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 1647 | TOÁN | 2495 | Lê Tự | Hải | 20 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1648 | TOÁN | 2498 | Nguyễn Trường | Hải | 3 | 2 | 1995 | Bình Dương | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1649 | TOÁN | 2502 | Dương Minh | Hằng | 16 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1650 | TOÁN | 2553 | Phạm Mạnh | Hùng | 30 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1651 | TOÁN | 2557 | Nguyễn Kim | Hưng | 23 | 8 | 1995 | Lâm Đồng | Việt Âu | Nhì |
| 1652 | TOÁN | 2710 | Nguyễn Thị Hà | My | 30 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 1653 | TOÁN | 2890 | Lê Thiện | Thanh | 30 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Quốc Văn Sài Gòn | Nhì |
| 1654 | TOÁN | 2961 | Trần Trung | Tín | 26 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tam Phú | Nhì |
| 1655 | TOÁN | 3006 | Trần Đặng Quốc | Trung | 05 | 09 | 1995 | Đăk Lăk | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1656 | TOÁN | 2921 | Phan Tiến | Thịnh | 13 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Nhì |
| 1657 | TOÁN | 2983 | Nguyễn Minh | Trí | 6 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1658 | TOÁN | 2359 | Nguyễn Thị Kim | Anh | 30 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1659 | TOÁN | 2442 | Nguyễn Thụy Khánh | Duy | 12 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1660 | TOÁN | 2646 | Huỳnh Trúc | Linh | 10 | 8 | 1995 | Bình Dương | Việt Âu | Nhì |
| 1661 | TOÁN | 2854 | Nguyễn Hoàng | Sơn | 20 | 03 | 1995 | Sông Bé | Trung Phú | Nhì |
| 1662 | TOÁN | 2888 | Trần Văn | Thái | 10 | 09 | 1996 | Quảng Nam | THTH ĐHSP | Nhì |
| 1663 | TOÁN | 2924 | Võ Quốc | Thịnh | 04 | 09 | 1996 | Quảng Ngãi | Quốc Văn Sài Gòn | Nhì |
| 1664 | TOÁN | 2930 | Đinh Vũ Anh | Thư | 4 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1665 | TOÁN | 2943 | Nguyễn Thanh | Thuỳ | 21 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1666 | TOÁN | 2970 | Nguyễn Quế | Trâm | 23 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 1667 | TOÁN | 2340 | Nguyễn Đỗ Trường | An | 24 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1668 | TOÁN | 2751 | Lê Nguyễn Xuân | Nguyên | 27 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1669 | TOÁN | 2954 | Trương Ngọc Thủy | Tiên | 2 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1670 | TOÁN | 2339 | Lưu Thiện | An | 12 | 3 | 1995 | Bình Thuận | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1671 | TOÁN | 2353 | Lê Tuấn | Anh | 20 | 10 | 1995 | Ninh Bình | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 1672 | TOÁN | 2375 | Nguyễn Ngọc | Bảo | 05 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1673 | TOÁN | 2391 | Lê Minh | Châu | 18 | 11 | 1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1674 | TOÁN | 2405 | Mai Quốc | Cường | 20 | 12 | 1995 | Huế | Tân Bình | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1675 | TOÁN | 2467 | Phạm Phước | Điền | 14 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền | Nhì |
| 1676 | TOÁN | 2476 | Phạm Hữu | Đức | 8 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1677 | TOÁN | 2499 | Nguyễn Trường | Hải | 24 | 01 | 1995 | Đồng Nai | An Dương Vương | Nhì |
| 1678 | TOÁN | 2533 | Chu Bá Tuấn | Hoàng | 25 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Chí Thanh | Nhì |
| 1679 | TOÁN | 2535 | Phạm Huy | Hoàng | 23 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1680 | TOÁN | 2573 | Nguyễn Đỗ Đình | Huy | 01 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1681 | TOÁN | 2652 | Nguyễn Ngọc Phương | Linh | 21 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1682 | TOÁN | 2684 | Trịnh Phương Bích | Mai | 14 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1683 | TOÁN | 2691 | Hoàng Bá | Minh | 4 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1684 | TOÁN | 2721 | Đinh Thị Ngọc | Ngân | 6 | 6 | 1995 | Bến Tre | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1685 | TOÁN | 2780 | Trương Quỳnh | Như | 21 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 1686 | TOÁN | 2801 | Nguyễn Hồng | Phúc | 24 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1687 | TOÁN | 2818 | Vương Thúy | Phượng | 14 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1688 | TOÁN | 2827 | Lê Trần Nhật | Quang | 23 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1689 | TOÁN | 2891 | Nguyễn Thị Phương | Thanh | 18 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1690 | TOÁN | 2896 | Lâm Chấn | Thành | 13 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bà Điểm | Nhì |
| 1691 | TOÁN | 2899 | Phạm Văn | Thao | 28 | 7 | 1995 | Hưng Yên | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 1692 | TOÁN | 2905 | Phạm Đăng Phương | Thảo | 13 | 8 | 1995 | Ninh Thuận | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1693 | TOÁN | 2945 | Lê Thị Lệ | Thủy | 16 | 03 | 1996 | Quảng Bình | Trung Phú | Nhì |
| 1694 | TOÁN | 2974 | Trần Hữu Ngọc | Trân | 02 | 01 | 1995 | Tiền Giang | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1695 | TOÁN | 2997 | Hồ Minh | Trung | 11 | 7 | 1995 | Hậu Giang | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1696 | TOÁN | 3013 | Nguyễn Mạnh | Tú | 15 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1697 | TOÁN | 3052 | Hà Đức | Việt | 18 | 04 | 1995 | Tây Ninh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1698 | TOÁN | 3068 | Hoàng Tuấn | Vũ | 8 | 12 | 1995 | Đồng Nai | Lương Thế Vinh | Nhì |
| 1699 | TOÁN | 2587 | Võ Đức | Huy | 16 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1700 | TOÁN | 2683 | Lê Trần Khánh | Mai | 05 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1701 | TOÁN | 2688 | Nguyễn Hùng | Mạnh | 28 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1702 | TOÁN | 2694 | Lê Hoàng | Minh | 11 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1703 | TOÁN | 2869 | Nguyễn Ngọc Xuân | Tâm | 03 | 06 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 1704 | TOÁN | 2883 | Nguyễn Ngọc | Tấn | 25 | 10 | 1996 | Bình Định | Gia Định | Nhì |
| 1705 | TOÁN | 2427 | Trần Đình Tuấn | Dũng | 5 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 1706 | TOÁN | 2575 | Nguyễn Phan | Huy | 15 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1707 | TOÁN | 2623 | Đặng Trần Tấn | Khương | 04 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1708 | TOÁN | 2689 | Trần Tấn | Mạnh | 10 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1709 | TOÁN | 2795 | Võ Duy | Phong | 6 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1710 | TOÁN | 2823 | Huỳnh Hồng | Quang | 05 | 03 | 1995 | Đồng Nai | Gia Định | Nhì |
| 1711 | TOÁN | 2991 | Lở Hữu | Trọng | 24 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1712 | TOÁN | 3030 | Đinh Duy | Tùng | 7 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1713 | TOÁN | 3076 | Trần Hoàng Quốc | Vương | 15 | 03 | 1995 | Quảng Ngãi | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 1714 | TOÁN | 2617 | Phạm Đăng | Khoa | 31 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1715 | TOÁN | 2810 | Bùi Thị Hồng | Phương | 31 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1716 | TOÁN | 2828 | Lý Hớn | Quang | 07 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhì |
| 1717 | TOÁN | 2859 | Trần Quang | Sơn | 15 | 9 | 1995 | Sông Bé | Việt Âu | Nhì |
| 1718 | TOÁN | 3003 | Nguyễn Thành | Trung | 06 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1719 | TOÁN | 3057 | Lê Châu Phúc | Vinh | 18 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1720 | TOÁN | 3082 | Trần Thanh | Vy | 15 | 08 | 1996 | Long An | THTH ĐHSP | Nhì |
| 1721 | TOÁN | 2346 | Võ Hoàng | An | 30 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhì |
| 1722 | TOÁN | 2347 | Phạm Hoàng Minh | Ân | 17 | 07 | 1995 | Quảng Ngãi | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1723 | TOÁN | 2378 | Phạm Phước | Bảo | 07 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhì |
| 1724 | TOÁN | 2400 | Võ Đức Hoàng | Chương | 14 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1725 | TOÁN | 2423 | Nguyễn Minh | Dũng | 23 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1726 | TOÁN | 2458 | Cao Quốc | Đạt | 31 | 05 | 1995 | Thanh Hóa | Gia Định | Nhì |
| 1727 | TOÁN | 2479 | Lê Hoàng | Giang | 2 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Nhì |
| 1728 | TOÁN | 2619 | Trần Thanh | Khoa | 5 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1729 | TOÁN | 2642 | Đặng Khánh | Linh | 30 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1730 | TOÁN | 2660 | Nguyễn Lâm Thành | Lộc | 29 | 11 | 1994 | Cần Thơ | Long Thới | Nhì |
| 1731 | TOÁN | 2717 | Trần Thanh | Nam | 20 | 2 | 1995 | Bến Tre | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1732 | TOÁN | 2728 | Lê Quang | Nghĩa | 10 | 4 | 1995 | Đồng Nai | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1733 | TOÁN | 2734 | Nguyễn Trung | Nghĩa | 11 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1734 | TOÁN | 2756 | Võ Thế | Nguyên | 20 | 8 | 1995 | Huế | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1735 | TOÁN | 2792 | Trương Huỳnh | Phát | 26 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Nhì |
| 1736 | TOÁN | 2799 | Lê Hồng | Phú | 27 | 12 | 1995 | Khánh Hòa | Nguyễn Hữu Thọ | Nhì |
| 1737 | TOÁN | 2870 | Nguyễn Việt | Tâm | 6 | 1 | 1996 | Bến Tre | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1738 | TOÁN | 2908 | Đinh Minh | Thế | 15 | 02 | 1995 | Đồng Nai | Trần Phú | Nhì |
| 1739 | TOÁN | 2929 | Võ Hoàng | Thông | 17 | 5 | 1996 | Đồng Nai | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1740 | TOÁN | 2933 | Hoàng Hồng Minh | Thư | 7 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 1741 | TOÁN | 2944 | Vũ Thị Bích | Thuỷ | 05 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 1742 | TOÁN | 3081 | Nguyễn Quang | Vy | 17 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gò Vấp | Nhì |
| 1743 | TOÁN | 2435 | Đặng Văn | Duy | 04 | 08 | 1995 | Quảng Ngãi | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1744 | TOÁN | 2460 | Nguyễn Thành | Đạt | 10 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1745 | TOÁN | 2511 | Tiết Chân | Hào | 19 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1746 | TOÁN | 2690 | Hàng Trầm | Minh | 29 | 04 | 1995 | Ninh Thuận | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1747 | TOÁN | 2700 | Nguyễn Quang | Minh | 25 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1748 | TOÁN | 2744 | Nông Nguyễn Khánh | Ngọc | 11 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1749 | TOÁN | 2424 | Nguyễn Ngọc | Dũng | 28 | 12 | 1995 | Lâm Đồng | Ngô Quyền | Ba |
| 1750 | TOÁN | 2454 | Nguyễn Hải | Đăng | 30 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1751 | TOÁN | 2490 | Bùi Hoàng | Hải | 30 | 11 | 1995 | Hải Hưng | Gia Định | Ba |
| 1752 | TOÁN | 2491 | Bùi Trung | Hải | 26 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1753 | TOÁN | 2560 | Phạm | Hưng | 22 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1754 | TOÁN | 2595 | Vũ Minh | Khang | 17 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1755 | TOÁN | 2614 | Nguyễn Dương Duy | Khoa | 30 | 11 | 1995 | Bình Dương | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1756 | TOÁN | 2692 | Lâm Phạm Nhật | Minh | 6 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1757 | TOÁN | 2697 | Nguyễn Bình | Minh | 27 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1758 | TOÁN | 2729 | Lê Trọng | Nghĩa | 19 | 02 | 1995 | Sông Bé | Trí Đức | Ba |
| 1759 | TOÁN | 2759 | Lê Nguyễn Đức | Nhân | 7 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 1760 | TOÁN | 2778 | Nguyễn Thị Thanh | Như | 24 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1761 | TOÁN | 2903 | Nguyễn Thị Phương | Thảo | 29 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1762 | TOÁN | 3007 | Trịnh Quốc | Trung | 04 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1763 | TOÁN | 3026 | Trần Anh | Tuấn | 5 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1764 | TOÁN | 2443 | Phạm Đình | Duy | 19 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1765 | TOÁN | 2510 | Tạ Du | Hào | 23 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 1766 | TOÁN | 2622 | Vũ Trần Đăng | Khôi | 30 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1767 | TOÁN | 2755 | Trương Thảo | Nguyên | 13 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1768 | TOÁN | 2904 | Nguyễn Thị Thanh | Thảo | 04 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1769 | TOÁN | 2343 | Nguyễn Ngọc Minh | An | 29 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |
| 1770 | TOÁN | 2393 | Nguyễn Thị Minh | Châu | 15 | 01 | 1995 | Quảng Nam - Đà Nẵ | Gia Định | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1771 | TOÁN | 2397 | Đỗ Thị Tuyết | Chinh | 10 | 1 | 1995 | Đồng Nai | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1772 | TOÁN | 2440 | Nguyễn Đặng Đình | Duy | 04 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1773 | TOÁN | 2448 | Đậu Thị Mỹ | Duyên | 04 | 03 | 1995 | Nghệ An | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1774 | TOÁN | 2451 | Nguyễn Khánh Phước | Đại | 27 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1775 | TOÁN | 2464 | Phan Tiến | Đạt | 28 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tam Phú | Ba |
| 1776 | TOÁN | 2486 | Lê Hoàng | Hà | 17 | 2 | 1995 | Bình Định | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1777 | TOÁN | 2574 | Nguyễn Nhựt Hoàng | Huy | 29 | 1 | 1995 | Long An | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1778 | TOÁN | 2608 | Hồ Vũ Anh | Khoa | 4 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Giồng Ông Tố | Ba |
| 1779 | TOÁN | 2611 | Lê Hà Anh | Khoa | 24 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1780 | TOÁN | 2616 | Nguyễn Hữu | Khoa | 1 | 5 | 1994 | Sông Bé | Việt Âu | Ba |
| 1781 | TOÁN | 2630 | Hùynh Anh | Kiệt | 29 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Tiến | Ba |
| 1782 | TOÁN | 2643 | Đỗ Hoàng Khánh | Linh | 19 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 1783 | TOÁN | 2695 | Lê Tấn | Minh | 24 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Ba |
| 1784 | TOÁN | 2732 | Nguyễn Phước | Nghĩa | 18 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Ba |
| 1785 | TOÁN | 2733 | Nguyễn Trọng | Nghĩa | 5 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 1786 | TOÁN | 2746 | Trương Anh Mạn | Ngọc | 15 | 3 | 1995 | Đồng Nai | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 1787 | TOÁN | 2772 | Nguyễn Thị Quỳnh | Nhi | 20 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Ba |
| 1788 | TOÁN | 2781 | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | 8 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1789 | TOÁN | 2838 | Cáp Minh | Quyền | 1 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1790 | TOÁN | 2879 | Phan Nhật Minh | Tân | 21 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Ba |
| 1791 | TOÁN | 2901 | Lê Kim | Thảo | 17 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1792 | TOÁN | 2968 | Nguyễn Lý Bích | Trâm | 30 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1793 | TOÁN | 2999 | Ngô Thế | Trung | 20 | 4 | 1995 | Hải Phòng | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1794 | TOÁN | 3004 | Phạm Thành | Trung | 25 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Thời Nhiệm | Ba |
| 1795 | TOÁN | 3014 | Ninh Văn | Tú | 24 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1796 | TOÁN | 3016 | Vũ Đăng | Tú | 01 | 07 | 1995 | Hải Dương | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 1797 | TOÁN | 3021 | Nguyễn Anh | Tuấn | 28 | 02 | 1996 | Hải Phòng | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1798 | TOÁN | 3047 | Trần Xuân | Văn | 22 | 3 | 1995 | Bình Thuận | Nguyễn Huệ | Ba |
| 1799 | TOÁN | 3051 | Tô Ngọc | Viên | 21 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Trãi | Ba |
| 1800 | TOÁN | 3085 | Trương Thị Kim | Xuyến | 07 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Tiến | Ba |
| 1801 | TOÁN | 3086 | Trần Thiên | Ý | 14 | 10 | 1995 | Khánh Hòa | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1802 | TOÁN | 2372 | Huỳnh Gia | Bảo | 7 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Giồng Ông Tố | Ba |
| 1803 | TOÁN | 2384 | Trần Thị Xuân | Bình | 22 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1804 | TOÁN | 2408 | Nguyễn Võ Tấn | Danh | 31 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1805 | TOÁN | 2568 | Huỳnh Gia | Huy | 20 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1806 | TOÁN | 2577 | Nguyễn Phước Đăng | Huy | 11 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | An NhơnTây | Ba |
| 1807 | TOÁN | 2736 | Nguyễn Tuấn | Nghĩa | 21 | 09 | 1995 | Thanh Hóa | Tân Bình | Ba |
| 1808 | TOÁN | 2796 | Vương Tuấn | Phong | 5 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1809 | TOÁN | 2918 | Nguyễn Quốc | Thịnh | 22 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lý Thường Kiệt | Ba |
| 1810 | TOÁN | 2370 | Phạm Thị Thu Hồng | Bạch | 2 | 2 | 1995 | Bình Thuận | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1811 | TOÁN | 2473 | Lưu Hồ Đình | Đức | 11 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1812 | TOÁN | 2500 | Nguyễn Hoàng Bảo | Hân | 30 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 1813 | TOÁN | 2547 | Đoàn Thanh | Hùng | 20 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đa Phước | Ba |
| 1814 | TOÁN | 2556 | Hồ Quốc Đăng | Hưng | 24 | 01 | 1996 | Tiền Giang | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1815 | TOÁN | 2582 | Phạm Thanh | Huy | 14 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1816 | TOÁN | 2585 | Trần Hoàng | Huy | 28 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1817 | TOÁN | 2592 | Đỗ Hữu | Khang | 20 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1818 | TOÁN | 2639 | Lê Nguyễn Hoàng | Lân | 27 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1819 | TOÁN | 2703 | Phạm Quang | Minh | 01 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1820 | TOÁN | 2723 | Nguyễn Thị Ngọc | Ngân | 10 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1821 | TOÁN | 2832 | Trần Đức | Quang | 27 | 10 | 1995 | An Giang | THTH ĐHSP | Ba |
| 1822 | TOÁN | 2861 | Nguyễn Huy | Sỹ | 14 | 5 | 1995 | Bắc Ninh | Nguyễn Hiền | Ba |
| 1823 | TOÁN | 2884 | Phạm Ngọc | Thạc | 03 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1824 | TOÁN | 2926 | Đoàn Phước | Thọ | 4 | 7 | 1995 | Cần Thơ | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1825 | TOÁN | 3012 | Dương Anh | Tú | 10 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Ba |
| 1826 | TOÁN | 3061 | Nguyễn Thế | Vinh | 16 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 1827 | TOÁN | 2606 | Châu Đăng | Khoa | 4 | 10 | 1995 | Tây Ninh | Tân Phú | Ba |
| 1828 | TOÁN | 2763 | Phan Lê Trọng | Nhân | 26 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1829 | TOÁN | 3055 | Trương Trung | Việt | 17 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Long Trường | Ba |
| 1830 | TOÁN | 2385 | Nguyễn Lương | Bình | 17 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 1831 | TOÁN | 2419 | Nguyễn Thùy | Dung | 19 | 8 | 1995 | Bình Thuận | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1832 | TOÁN | 2432 | Vũ Nguyễn Thùy | Dương | 4 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1833 | TOÁN | 2524 | Lê Chí | Hiếu | 27 | 11 | 1995 | Quảng Ngãi | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1834 | TOÁN | 2532 | Phạm Thị Thu | Hoài | 17 | 7 | 1995 | Nam Định | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1835 | TOÁN | 2539 | Trần Thanh | Hoàng | 3 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1836 | TOÁN | 2588 | Phan Thanh | Huyền | 5 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1837 | TOÁN | 2638 | Nguyễn Thị Phương | Lan | 17 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Cần Thạnh | Ba |
| 1838 | TOÁN | 2649 | Nguyễn Hoàng Bá | Linh | 1 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1839 | TOÁN | 2651 | Nguyễn Lê Thùy | Linh | 25 | 9 | 1996 | Vũng Tàu | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1840 | TOÁN | 2668 | Đặng Nam | Long | 7 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1841 | TOÁN | 2715 | Nguyễn Thành | Nam | 22 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hoàng Hoa Thám | Ba |
| 1842 | TOÁN | 2753 | Nguyễn Phúc | Nguyên | 27 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Ba |
| 1843 | TOÁN | 2785 | Khưu Tấn | Phát | 17 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 1844 | TOÁN | 2813 | Phạm Nguyễn Thanh | Phương | 28 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Ba |
| 1845 | TOÁN | 2984 | Phạm | Trí | 25 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 1846 | TOÁN | 3018 | Bùi Văn | Tuấn | 15 | 4 | 1995 | T.HÓA | Hoàng Hoa Thám | Ba |
| 1847 | TOÁN | 3020 | Hoàng Anh | Tuấn | 21 | 01 | 1995 | Nghệ An | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1848 | TOÁN | 3038 | Phan Nguyễn Đan | Tuyền | 28 | 10 | 1995 | Quảng Nam | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1849 | TOÁN | 2526 | Nguyễn Chí | Hiếu | 24 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Ba |
| 1850 | TOÁN | 2722 | Mai Thị Trà | Ngân | 16 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Ba |
| 1851 | TOÁN | 2789 | Nguyễn Vũ Hoàng | Phát | 19 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1852 | TOÁN | 2914 | Đỗ Quốc | Thịnh | 25 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1853 | TOÁN | 2935 | Phạm Đỗ Minh | Thư | 14 | 1 | 1995 | Đồng Nai | Ngôi Sao | Ba |
| 1854 | TOÁN | 3041 | Ngô Thành Tỷ | Tỷ | 22 | 2 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1855 | TOÁN | 3045 | Trần Thị Ái | Vân | 24 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1856 | TOÁN | 2350 | Đỗ Hà Vân | Anh | 19 | 04 | 1996 | Hà Nội | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1857 | TOÁN | 2554 | Trần Nam | Hùng | 19 | 07 | 1995 | Liên Bang Nga | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1858 | TOÁN | 2561 | Phan Minh | Hưng | 15 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1859 | TOÁN | 2636 | Lê Hồ Tùng | Dương | 25 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Huệ | Ba |
| 1860 | TOÁN | 2653 | Nguyễn Nhật | Linh | 18 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hồng Đức | Ba |
| 1861 | TOÁN | 2661 | Phạm Phú | Lộc | 2 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phước Long | Ba |
| 1862 | TOÁN | 2673 | Lương Hoàng | Long | 20 | 6 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1863 | TOÁN | 2702 | Phạm Lê Trí | Minh | 24 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1864 | TOÁN | 2731 | Nguyễn Phúc | Nghĩa | 24 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Chánh | Ba |
| 1865 | TOÁN | 2866 | Lữ Tuấn | Tài | 05 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 1866 | TOÁN | 2880 | Bùi Tiến | Tấn | 12 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gò Vấp | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1867 | TOÁN | 2902 | Nguyễn Như | Thảo | 24 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1868 | TOÁN | 2949 | Mai Trương Bảo | Thy | 10 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1869 | TOÁN | 3023 | Phạm Hoàng Anh | Tuấn | 01 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1870 | TOÁN | 3043 | Phạm Thị Lê | Uyên | 31 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1871 | TOÁN | 3062 | Phạm Thế | Vinh | 13 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Giồng Ông Tố | Ba |
| 1872 | TOÁN | 2417 | Nguyễn Đỗ Phương | Dung | 29 | 10 | 1995 | TP. HCM | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1873 | TOÁN | 2449 | Nguyễn Hà Mỹ | Duyên | 22 | 12 | 1996 | TP HCM | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1874 | TOÁN | 2562 | Trần Thịnh | Hưng | 16 | 4 | 1996 | TP HCM | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1875 | TOÁN | 2596 | Quách Đỗ Mai | Khanh | 19 | 12 | 1995 | Bạc Liêu | Gia Định | Ba |
| 1876 | TOÁN | 2654 | Nguyễn thị Thùy | Linh | 31 | 7 | 1995 | TP.HCM | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1877 | TOÁN | 2655 | Quách Thị Thùy | Linh | 19 | 2 | 1995 | Lâm Đồng | Võ Trường Toản | Ba |
| 1878 | TOÁN | 2740 | Đinh Lê Minh | Ngọc | 14 | 04 | 1995 | Đồng Nai | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1879 | TOÁN | 2776 | Lê Nguyễn Quỳnh | Như | 18 | 2 | 1995 | TP HCM | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1880 | TOÁN | 2811 | Huỳnh Trần Anh | Phương | 02 | 09 | 1995 | Trà Vinh | Gia Định | Ba |
| 1881 | TOÁN | 2907 | Trần Thanh | Thảo | 24 | 1 | 1995 | TP.HCM | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1882 | TOÁN | 4593 | Vũ Văn | Chung | 9 | 2 | 1994 | Lâm Đồng | Lam Sơn | Ba |
| 1883 | TOÁN | 2380 | Trần Phi | Bảo | 14 | 04 | 1995 | Tp HCM | Nguyễn Du | Ba |
| 1884 | TOÁN | 2381 | Trần Vĩnh Thái | Bảo | 09 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 1885 | TOÁN | 2382 | Lê Thị Thanh | Bình | 19 | 10 | 1995 | Ninh Thuận | Bà Điểm | Ba |
| 1886 | TOÁN | 2383 | Nguyễn Thanh | Bình | 17 | 4 | 1996 | Tp. HCM | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1887 | TOÁN | 2409 | Phan Thanh | Danh | 13 | 07 | 1995 | TP.HCM | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1888 | TOÁN | 2447 | Trịnh Ngọc | Duy | 26 | 12 | 1996 | Tp.HCM | Gia Định | Ba |
| 1889 | TOÁN | 2459 | Lê Tấn | Đạt | 1 | 1 | 1996 | Tp Hcm | Tạ Quang Bửu | Ba |
| 1890 | TOÁN | 2462 | Phạm Quang | Đạt | 2 | 11 | 1995 | TP.HCM | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1891 | TOÁN | 2489 | Tô Phương | Hà | 21 | 03 | 1995 | TP.Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 1892 | TOÁN | 2503 | Lê Thị | Hằng | 23 | 1 | 1995 | Thanh Hóa | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1893 | TOÁN | 2520 | Vũ Cao | Hiệp | 27 | 1 | 1996 | Tp. HCM | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1894 | TOÁN | 2525 | Lê Trung | Hiếu | 3 | 10 | 1996 | TP. HCM | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1895 | TOÁN | 2534 | Hà Thanh | Hoàng | 27 | 10 | 1995 | Tp HCM | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 1896 | TOÁN | 2552 | Phạm Đại | Hùng | 11 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 1897 | TOÁN | 2600 | Huỳnh Đỗ Duy | Khánh | 9 | 10 | 1996 | TP. HCM | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1898 | TOÁN | 2648 | Nguyễn Đức | Linh | 17 | 6 | 1996 | TP HCM | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1899 | TOÁN | 2664 | Trần Hữu | Lộc | 14 | 12 | 1996 | TP.HCM | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 1900 | TOÁN | 2672 | Lê Ngọc Hoàng | Long | 12 | 08 | 1996 | Tp.HCM | Gia Định | Ba |
| 1901 | TOÁN | 2693 | Lê Hoàng | Minh | 29 | 11 | 1995 | Tp HCM | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 1902 | TOÁN | 2726 | Đặng Thị Thục | Nghi | 10 | 01 | 1995 | TP.HCM | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1903 | TOÁN | 2773 | Trần Ngọc Yến | Nhi | 18 | 01 | 1996 | Tp.HCM | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1904 | TOÁN | 2808 | Võ Minh | Phụng | 6 | 10 | 1996 | Đồng nai | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 1905 | TOÁN | 2820 | Hồ Phú Minh | Quân | 1 | 1 | 1995 | TP.HCM | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1906 | TOÁN | 2821 | Ngũ Phúc Anh | Quân | 04 | 01 | 1996 | TP.HCM | Trung Học Thực Hành | Ba |
| 1907 | TOÁN | 2826 | Lê Nguyễn Trí | Quang | 31 | 7 | 1995 | TP. HCM | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1908 | TOÁN | 2843 | Lê Thị Như | Quỳnh | 27 | 11 | 1996 | Huế | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1909 | TOÁN | 2845 | Nguyễn Thị | Quỳnh | 26 | 9 | 1995 | Nam Hà | Võ Trường Toản | Ba |
| 1910 | TOÁN | 2860 | Lê Thị Lệ | Sương | 10 | 12 | 1995 | Quảng Trị | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1911 | TOÁN | 2882 | Nguyễn Hữu | Tấn | 18 | 10 | 1996 | TP.HCM | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1912 | TOÁN | 2885 | Phan Ngô Quang | Thạch | 09 | 11 | 1996 | Tp.HCM | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1913 | TOÁN | 2916 | Nguyễn Đoàn Phước | Thịnh | 12 | 2 | 1995 | TP.HCM | Nguyễn Hiền | Ba |
| 1914 | TOÁN | 2932 | Hồ Thị Anh | Thư | 15 | 4 | 1995 | Quảng Trị | Trường Chinh | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1915 | TOÁN | 2992 | Nguyễn Phúc | Trọng | 24 | 8 | 1995 | Cà Mau | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1916 | TOÁN | 2998 | Lê Thiên | Trung | 26 | 1 | 1995 | Lâm Đồng | Võ Trường Toản | Ba |
| 1917 | TOÁN | 3022 | Nguyễn Thanh | Tuấn | 23 | 06 | 1994 | DAKLAK | Phú Nhuận | Ba |
| 1918 | TOÁN | 3046 | Chu Thanh | Văn | 20 | 10 | 1995 | Hà Tây | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 1919 | TOÁN | 3065 | Chu Đức | Vĩnh | 23 | 4 | 1996 | TP. HCM | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1920 | TOÁN | 3069 | Lê Nguyên | Vũ | 20 | 10 | 1996 | TP. HCM | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 1921 | TOÁN | 3071 | Ngô Minh Hoàn | Vũ | 9 | 9 | 1996 | Tp. HCM | Lê Hồng Phong | Ba |
| 1922 | TOÁN | 3080 | Lê Phương | Vy | 17 | 03 | 1996 | Tp.HCM | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 1923 | TOÁN | 3084 | Võ Thị Tường | Vy | 15 | 01 | 1995 | Quảng Ngãi | Nguyễn Hữu Tiến | Ba |
| 1924 | VẬT LÝ | 139 | Trần Đình | Hoàng | 13 | 03 | 1995 | Quảng Ngãi | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1925 | VẬT LÝ | 197 | Nguyễn Nhật | Khương | 23 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1926 | VẬT LÝ | 89 | Nguyễn Minh | Đạt | 27 | 02 | 1995 | Thừa Thiên Huế | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1927 | VẬT LÝ | 264 | Nguyễn Hồ | Nghĩa | 20 | 08 | 1995 | Đồng Nai | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1928 | VẬT LÝ | 414 | Trần Anh | Thông | 13 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1929 | VẬT LÝ | 48 | Nguyễn Thị Minh | Châu | 15 | 01 | 1995 | Quảng Nam - Đà Nẵ | Gia Định | Nhất |
| 1930 | VẬT LÝ | 137 | Nguyễn Thiện Minh | Hoàng | 03 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1931 | VẬT LÝ | 199 | Võ Anh | Kiệt | 31 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 1932 | VẬT LÝ | 254 | Nguyễn Hoàng | Nam | 6 | 1 | 1995 | Nam Định | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1933 | VẬT LÝ | 406 | Lương Trường | Thịnh | 3 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1934 | VẬT LÝ | 153 | Nguyễn Hoàng Việt | Hưng | 23 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1935 | VẬT LÝ | 56 | Lê Minh | Cường | 04 | 03 | 1995 | Đồng Nai | Quốc Văn Sài Gòn | Nhất |
| 1936 | VẬT LÝ | 161 | Lương Vạn | Huy | 17 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhất |
| 1937 | VẬT LÝ | 229 | Thái Hoàng | Long | 21 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1938 | VẬT LÝ | 518 | Lê Hoàng Trang | Yến | 27 | 05 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1939 | VẬT LÝ | 64 | Nguyễn Tiến | Dũng | 04 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1940 | VẬT LÝ | 98 | Lê Anh | Đức | 01 | 03 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1941 | VẬT LÝ | 403 | Hoàng Đình | Thịnh | 24 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1942 | VẬT LÝ | 331 | Nguyễn Mai Bảo | Quân | 07 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 1943 | VẬT LÝ | 466 | Nguyễn Anh | Tú | 19 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Nhất |
| 1944 | VẬT LÝ | 448 | Nguyễn Đức | Trí | 29 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Nhất |
| 1945 | VẬT LÝ | 110 | Từ Triệu Quang | Hải | 08 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhất |
| 1946 | VẬT LÝ | 160 | Lê Trường Anh | Huy | 17 | 9 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1947 | VẬT LÝ | 165 | Nguyễn Khắc | Huy | 3 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhất |
| 1948 | VẬT LÝ | 286 | Nguyễn Lê Hoàng | Nhật | 13 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1949 | VẬT LÝ | 461 | Nguyễn Minh | Trường | 10 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 1950 | VẬT LÝ | 34 | Lâm Minh | Bảo | 31 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Long Trường | Nhất |
| 1951 | VẬT LÝ | 352 | Đinh Trường | Sơn | 31 | 5 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhất |
| 1952 | VẬT LÝ | 184 | Châu Anh | Khoa | 01 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1953 | VẬT LÝ | 386 | Hà Phương | Thảo | 23 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1954 | VẬT LÝ | 404 | Huỳnh Đỗ Hoàng | Thịnh | 08 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1955 | VẬT LÝ | 412 | Nguyễn Trần Quang | Thông | 27 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1956 | VẬT LÝ | 481 | Ngô Thanh | Tùng | 8 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1957 | VẬT LÝ | 12 | Lê Tuấn | Anh | 20 | 10 | 1995 | Ninh Bình | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 1958 | VẬT LÝ | 38 | Trương Thị Ngọc | Bích | 06 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Nhất |
| 1959 | VẬT LÝ | 66 | Trần Đình Tuấn | Dũng | 5 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 1960 | VẬT LÝ | 162 | Nguyễn Đặng Minh | Huy | 30 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 1961 | VẬT LÝ | 222 | Vũ Việt | Linh | 02 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhất |
| 1962 | VẬT LÝ | 284 | Đặng | Nhất | 12 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Công Trứ | Nhất |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1963 | VẬT LÝ | 350 | Lương Minh | Sang | 22 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhất |
| 1964 | VẬT LÝ | 411 | Hoàng Đức | Thông | 20 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhất |
| 1965 | VẬT LÝ | 446 | Trương Lê Thùy | Trang | 14 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhất |
| 1966 | VẬT LÝ | 478 | Nguyễn Mạnh | Tuấn | 19 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Nhất |
| 1967 | VẬT LÝ | 497 | Nguyễn Quang | Việt | 30 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhất |
| 1968 | VẬT LÝ | 40 | Kiều Trí Hòa | Bình | 25 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1969 | VẬT LÝ | 80 | Nguyễn Thành | Duy | 29 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Nhì |
| 1970 | VẬT LÝ | 293 | Trần Nguyễn Quỳnh | Như | 22 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 1971 | VẬT LÝ | 393 | Huỳnh Xuân | Thi | 16 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1972 | VẬT LÝ | 457 | Ngô Thế | Trung | 20 | 4 | 1995 | Hải Phòng | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1973 | VẬT LÝ | 460 | Nguyễn Khánh | Trường | 24 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1974 | VẬT LÝ | 265 | Đỗ Phạm Bảo | Ngọc | 21 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1975 | VẬT LÝ | 281 | Nguyễn Thành | Nhân | 11 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1976 | VẬT LÝ | 306 | Phạm Hoàng Thiên | Phú | 14 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1977 | VẬT LÝ | 363 | Lê Đỗ Minh | Tâm | 21 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 1978 | VẬT LÝ | 73 | Diệp Ngọc | Duy | 13 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hưng Đạo | Nhì |
| 1979 | VẬT LÝ | 115 | Lê Hồng | Hạnh | 9 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 1980 | VẬT LÝ | 238 | Hồ Hiếu | Minh | 28 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 1981 | VẬT LÝ | 239 | Lê Hoàng | Minh | 29 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Nhì |
| 1982 | VẬT LÝ | 258 | Huỳnh Ngọc Khánh | Ngân | 15 | 8 | 1995 | Đồng Nai | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1983 | VẬT LÝ | 299 | Phạm Ngọc | Phan | 20 | 07 | 1995 | Hải Dương | THTH ĐHSP | Nhì |
| 1984 | VẬT LÝ | 332 | Trần Hồng | Quân | 16 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Nhì |
| 1985 | VẬT LÝ | 428 | Lê Hoàng | Tiến | 21 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Quốc Văn Sài Gòn | Nhì |
| 1986 | VẬT LÝ | 147 | Đoàn Thanh | Hùng | 20 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đa Phước | Nhì |
| 1987 | VẬT LÝ | 415 | Nguyễn Thị Minh | Thu | 17 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1988 | VẬT LÝ | 6 | Trương Kim | Ấn | 30 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Nhì |
| 1989 | VẬT LÝ | 10 | Huỳnh Nguyễn Việt | Anh | 22 | 01 | 1995 | Đồng Nai | Quốc Văn Sài Gòn | Nhì |
| 1990 | VẬT LÝ | 74 | Đặng Vũ Thanh | Duy | 21 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 1991 | VẬT LÝ | 127 | Bùi Phú | Hiệp | 11 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1992 | VẬT LÝ | 166 | Nguyễn Trần Đức | Huy | 2 | 1 | 1995 | Lâm Đồng | Phan Đăng Lưu | Nhì |
| 1993 | VẬT LÝ | 179 | Cheng Gia | Khánh | 26 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 1994 | VẬT LÝ | 192 | Đặng Minh | Khôi | 26 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 1995 | VẬT LÝ | 225 | Trần Quang | Lộc | 09 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bùi Thị Xuân | Nhì |
| 1996 | VẬT LÝ | 226 | Lý Ngọc | Lợi | 7 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Đa Phước | Nhì |
| 1997 | VẬT LÝ | 251 | Đường Hải | Nam | 27 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 1998 | VẬT LÝ | 282 | Nguyễn Trọng | Nhân | 22 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 1999 | VẬT LÝ | 337 | Phạm Duy | Quang | 12 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 2000 | VẬT LÝ | 348 | Đinh Viết | Sang | 19 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 2001 | VẬT LÝ | 397 | Đào Xuân | Thiện | 14 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Nhì |
| 2002 | VẬT LÝ | 424 | Nguyễn Thị Sơn | Thủy | 15 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 2003 | VẬT LÝ | 429 | Phan Đình | Tiến | 28 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 2004 | VẬT LÝ | 477 | Lê Hà Anh | Tuấn | 12 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhì |
| 2005 | VẬT LÝ | 329 | Nguyễn Hà | Quân | 9 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 2006 | VẬT LÝ | 504 | Nguyễn Hoàng | Vũ | 5 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Công Trứ | Nhì |
| 2007 | VẬT LÝ | 4 | Phạm Hồng | Ân | 10 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 2008 | VẬT LÝ | 92 | Thái Chấn | Đạt | 24 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 2009 | VẬT LÝ | 169 | Trần Ngọc Từ | Huy | 18 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 2010 | VẬT LÝ | 227 | Lưu Hoàng | Long | 04 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2011 | VẬT LÝ | 279 | Nguyễn Thành | Nhân | 24 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Tiến | Nhì |
| 2012 | VẬT LÝ | 310 | Lương Hồng | Phúc | 19 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Nhì |
| 2013 | VẬT LÝ | 311 | Nguyễn Hoàng | Phúc | 08 | 11 | 1996 | Nha Trang | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 2014 | VẬT LÝ | 328 | Nguyễn Đình | Quân | 09 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Nhì |
| 2015 | VẬT LÝ | 421 | Lê Tôn Diệu | Thuỳ | 19 | 8 | 1995 | Gia Lai | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 2016 | VẬT LÝ | 473 | Phạm Bá | Tuân | 02 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Nhì |
| 2017 | VẬT LÝ | 496 | Hồ Sĩ | Viễn | 10 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 2018 | VẬT LÝ | 520 | Nguyễn Thị Kim | Yến | 09 | 04 | 1995 | Tây Ninh | Quốc Văn Sài Gòn | Nhì |
| 2019 | VẬT LÝ | 22 | Phạm Nguyễn Tuấn | Anh | 15 | 05 | 1996 | Lâm Đồng | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 2020 | VẬT LÝ | 502 | Huỳnh Văn | Vũ | 5 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Phú | Nhì |
| 2021 | VẬT LÝ | 49 | Phạm Ngọc Minh | Châu | 18 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 2022 | VẬT LÝ | 63 | Nguyễn Ngọc | Dũng | 28 | 12 | 1995 | Lâm Đồng | Ngô Quyền | Nhì |
| 2023 | VẬT LÝ | 75 | Huỳnh Phương Minh | Duy | 30 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 2024 | VẬT LÝ | 82 | Nguyễn Tường | Duy | 1 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Nhì |
| 2025 | VẬT LÝ | 101 | Trần Hữu | Đức | 28 | 06 | 1995 | Cà Mau | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 2026 | VẬT LÝ | 149 | Lê Văn | Hùng | 18 | 10 | 1995 | Hải Dương | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 2027 | VẬT LÝ | 159 | Bùi Quang | Huy | 26 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Quý Đôn | Nhì |
| 2028 | VẬT LÝ | 207 | Nguyễn Hạ | Lan | 22 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Nhì |
| 2029 | VẬT LÝ | 213 | Nguyễn Lữ Nhật | Linh | 1 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Nhì |
| 2030 | VẬT LÝ | 217 | Nguyễn thị Thùy | Linh | 31 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 2031 | VẬT LÝ | 244 | Nguyễn Quang | Minh | 25 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 2032 | VẬT LÝ | 266 | Đoàn Trần Hồng | Ngọc | 19 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Nhì |
| 2033 | VẬT LÝ | 276 | Nguyễn Lâm | Nhã | 21 | 6 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Nhì |
| 2034 | VẬT LÝ | 277 | Nguyễn Minh | Nhã | 03 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Thị Sáu | Nhì |
| 2035 | VẬT LÝ | 349 | Lê Vũ Duy | Sang | 19 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Nhì |
| 2036 | VẬT LÝ | 432 | Trần Vĩnh | Tiến | 15 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Nhì |
| 2037 | VẬT LÝ | 441 | Dương Thị Minh | Trang | 22 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Nhì |
| 2038 | VẬT LÝ | 465 | Đinh Minh | Tú | 2 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Trường Toản | Nhì |
| 2039 | VẬT LÝ | 516 | Lê Thị Kim | Xuân | 12 | 08 | 1996 | Bình Định | Phổ Thông Năng Khiếu | Nhì |
| 2040 | VẬT LÝ | 79 | Nguyễn Đỗ Khánh | Duy | 01 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 2041 | VẬT LÝ | 354 | Lê Ngọc Hoàng | Sơn | 20 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 2042 | VẬT LÝ | 15 | Nguyễn Hoàng Mai | Anh | 12 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lương Thế Vinh | Ba |
| 2043 | VẬT LÝ | 62 | Nguyễn Minh | Dũng | 23 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 2044 | VẬT LÝ | 97 | Phạm Vương Quý | Đôn | 20 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 2045 | VẬT LÝ | 124 | Nguyễn Xuân Thanh | Hiền | 16 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2046 | VẬT LÝ | 134 | Nguyễn Thị | Hoa | 13 | 10 | 1995 | Ngệ An | Long Trường | Ba |
| 2047 | VẬT LÝ | 232 | Ngô Công | Luận | 29 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 2048 | VẬT LÝ | 248 | Vũ Đình Gia | Minh | 23 | 02 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 2049 | VẬT LÝ | 255 | Nguyễn Thành | Nam | 25 | 1 | 1996 | Hà Nam | Mạc ĐĨnh Chi | Ba |
| 2050 | VẬT LÝ | 262 | Nguyễn Trọng | Nghĩa | 22 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 2051 | VẬT LÝ | 336 | Nguyễn Minh | Quang | 8 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2052 | VẬT LÝ | 340 | Nguyễn Huy | Quang | 10 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 2053 | VẬT LÝ | 362 | Võ Thành | Tài | 17 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 2054 | VẬT LÝ | 370 | Võ Hoàng | Tân | 19 | 05 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 2055 | VẬT LÝ | 430 | Trần Chí | Tiến | 23 | 5 | 1995 | Cà Mau | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 2056 | VẬT LÝ | 451 | Nguyễn Ngọc Phương | Trinh | 8 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2057 | VẬT LÝ | 500 | Huỳnh Nguyễn Hoàng | Vũ | 09 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Võ Thị Sáu | Ba |
| 2058 | VẬT LÝ | 131 | Nguyễn Trung | Hiếu | 2 | 7 | 1995 | Thanh Hóa | Nguyễn Huệ | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2059 | VẬT LÝ | 313 | Nguyễn Quang | Phúc | 27 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 2060 | VẬT LÝ | 398 | Nguyễn Hoàng | Thiện | 25 | 5 | 1995 | Quảng Ngãi | Nguyễn Huệ | Ba |
| 2061 | VẬT LÝ | 402 | Đoàn Ngọc | Thịnh | 13 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Phú | Ba |
| 2062 | VẬT LÝ | 420 | Bùi Công | Thuần | 22 | 10 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 2063 | VẬT LÝ | 13 | Nguyễn Châu | Anh | 17 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Củ Chi | Ba |
| 2064 | VẬT LÝ | 17 | Nguyễn Thị Quỳnh | Anh | 30 | 05 | 1996 | Lâm Đồng | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 2065 | VẬT LÝ | 36 | Nguyễn Quốc | Bảo | 4 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 2066 | VẬT LÝ | 76 | Lê Thái | Duy | 18 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 2067 | VẬT LÝ | 81 | Nguyễn Trọng | Duy | 19 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2068 | VẬT LÝ | 103 | Lê Hoàng | Giang | 2 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Ba |
| 2069 | VẬT LÝ | 119 | Nguyễn Thế Anh | Hào | 29 | 08 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 2070 | VẬT LÝ | 133 | Trần Văn Hà | Hiệu | 8 | 3 | 1995 | Thái Bình | Nguyễn Hiền | Ba |
| 2071 | VẬT LÝ | 178 | Cao Văn Tâm | Khánh | 29 | 03 | 1995 | TP. Vinh | Trần Phú | Ba |
| 2072 | VẬT LÝ | 228 | Nguyễn Công | Long | 5 | 10 | 1995 | Hà Nam | Nguyễn Công Trứ | Ba |
| 2073 | VẬT LÝ | 241 | Nguyễn Hoàng | Minh | 11 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 2074 | VẬT LÝ | 256 | Trịnh Lê Hải | Nam | 16 | 07 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 2075 | VẬT LÝ | 287 | Nguyễn Ngọc | Nhật | 05 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 2076 | VẬT LÝ | 289 | Đỗ Mạnh Phương | Nhi | 22 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2077 | VẬT LÝ | 318 | Phạm Hữu | Phước | 22 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 2078 | VẬT LÝ | 356 | Nguyễn Hữu | Sơn | 8 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Long Trường | Ba |
| 2079 | VẬT LÝ | 360 | Trần Dương Anh | Tài | 29 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 2080 | VẬT LÝ | 364 | Lê Thị Minh | Tâm | 27 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 2081 | VẬT LÝ | 382 | Hoàng Hữu | Thành | 08 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 2082 | VẬT LÝ | 394 | Nguyễn Đình | Thi | 15 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 2083 | VẬT LÝ | 399 | Nguyễn Hữu | Thiện | 05 | 04 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 2084 | VẬT LÝ | 450 | Nguyễn Ngọc Bảo | Trinh | 22 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 2085 | VẬT LÝ | 453 | Võ Hữu | Trọng | 17 | 11 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 2086 | VẬT LÝ | 459 | Huỳnh Xuân | Trường | 03 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Hưng Đạo | Ba |
| 2087 | VẬT LÝ | 23 | Trần Duy | Anh | 22 | 02 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 2088 | VẬT LÝ | 163 | Nguyễn Đỗ Đình | Huy | 01 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Gia Định | Ba |
| 2089 | VẬT LÝ | 180 | Hoàng Quốc | Khánh | 03 | 05 | 1996 | Hà Nội | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 2090 | VẬT LÝ | 435 | Nguyễn Tấn | Toàn | 5 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 2091 | VẬT LÝ | 445 | Trần Phương | Trang | 5 | 3 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 2092 | VẬT LÝ | 51 | Đỗ Thị Tuyết | Chinh | 10 | 1 | 1995 | Đồng Nai | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 2093 | VẬT LÝ | 112 | Nguyễn Thị Lệ | Hằng | 5 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 2094 | VẬT LÝ | 185 | Hồ Nguyễn Đăng | Khoa | 26 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 2095 | VẬT LÝ | 201 | Bùi Thị Mỹ | Kim | 20 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 2096 | VẬT LÝ | 334 | Lý Hớn | Quang | 07 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 2097 | VẬT LÝ | 343 | Huỳnh Lê Diễm | Quỳnh | 27 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 2098 | VẬT LÝ | 347 | Đinh Vĩnh | San | 22 | 01 | 1996 | Bình Định | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 2099 | VẬT LÝ | 357 | Trịnh Trần Thu | Sương | 4 | 8 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 2100 | VẬT LÝ | 379 | Phạm Hoài | Thanh | 10 | 12 | 1996 | Đồng Nai | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 2101 | VẬT LÝ | 443 | Nguyễn Thị Hồng | Trang | 24 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 2102 | VẬT LÝ | 454 | Lê Huỳnh Thủy | Trúc | 22 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thượng Hiền | Ba |
| 2103 | VẬT LÝ | 463 | Cao Nguyễn Linh | Tú | 09 | 08 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Hùng Vương | Ba |
| 2104 | VẬT LÝ | 498 | Phan Xuân | Việt | 07 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Khuyến | Ba |
| 2105 | VẬT LÝ | 190 | Trần Đăng | Khoa | 15 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2106 | VẬT LÝ | 14 | Nguyễn Đức Vũ | Anh | 24 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2107 | VẬT LÝ | 27 | Trần Tuấn | Anh | 14 | 1 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 2108 | VẬT LÝ | 33 | Đặng Quốc | Bảo | 06 | 05 | 1995 | Tiền Giang | An Lạc | Ba |
| 2109 | VẬT LÝ | 105 | Phạm Vân | Giang | 29 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2110 | VẬT LÝ | 111 | Lê Thị Thúy | Hằng | 21 | 10 | 1995 | Thanh Hóa | Trường Chinh | Ba |
| 2111 | VẬT LÝ | 113 | Nguyễn Thúy | Hằng | 19 | 10 | 1995 | Vĩnh Phú | Võ Trường Toản | Ba |
| 2112 | VẬT LÝ | 132 | Nguyễn Xuân | Hiếu | 16 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Minh Khai | Ba |
| 2113 | VẬT LÝ | 270 | Huỳnh Công | Nguyên | 02 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trung Phú | Ba |
| 2114 | VẬT LÝ | 322 | Trần Ngọc Hoàng | Phương | 2 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 2115 | VẬT LÝ | 388 | Lê Thị Thanh | Thảo | 7 | 2 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Cầu | Ba |
| 2116 | VẬT LÝ | 401 | Hồng Chí | Thiện | 8 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 2117 | VẬT LÝ | 405 | Lê Phú | Thịnh | 26 | 3 | 1995 | Kiên Giang | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2118 | VẬT LÝ | 501 | Huỳnh Quang | Vũ | 17 | 06 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Du | Ba |
| 2119 | VẬT LÝ | 521 | Lim Ly | Yin | 8 | 5 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2120 | VẬT LÝ | 120 | Tiết Chân | Hào | 19 | 03 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | THTH ĐHSP | Ba |
| 2121 | VẬT LÝ | 121 | Lê Thanh | Hậu | 5 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Khai Nguyên | Ba |
| 2122 | VẬT LÝ | 122 | Nguyễn | Hậu | 5 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 2123 | VẬT LÝ | 167 | Phạm Gia | Huy | 02 | 01 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 2124 | VẬT LÝ | 275 | Đặng | Nguyễn | 24 | 7 | 1995 | Kiên Giang | Hồng Đức | Ba |
| 2125 | VẬT LÝ | 315 | Nguyễn Đình | Phụng | 17 | 1 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Mạc Đĩnh Chi | Ba |
| 2126 | VẬT LÝ | 390 | Nguyễn Thị Hương | Thảo | 13 | 07 | 1995 | Khánh Hòa | Đông Dương | Ba |
| 2127 | VẬT LÝ | 439 | Nguyễn Hà Phương | Trâm | 21 | 01 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trưng Vương | Ba |
| 2128 | VẬT LÝ | 11 | Lê Kim | Anh | 02 | 01 | 1995 | Sông Bé | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 2129 | VẬT LÝ | 77 | Ngô Bảo | Duy | 4 | 7 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 2130 | VẬT LÝ | 86 | Vũ Hải | Đăng | 30 | 7 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 2131 | VẬT LÝ | 141 | Trần Minh | Hoàng | 2 | 9 | 1995 | Đăk Lăk | Hồng Đức | Ba |
| 2132 | VẬT LÝ | 173 | Bùi Trọng | Khang | 08 | 09 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Phổ Thông Năng Khiếu | Ba |
| 2133 | VẬT LÝ | 175 | Vũ Minh | Khang | 17 | 10 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2134 | VẬT LÝ | 176 | Nguyễn Ngọc Phương | Khanh | 16 | 11 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 2135 | VẬT LÝ | 218 | Phạm Diệu | Linh | 6 | 12 | 1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2136 | VẬT LÝ | 246 | Nguyễn Võ Khánh | Minh | 16 | 07 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Khuyến | Ba |
| 2137 | VẬT LÝ | 247 | Trần Lê | Minh | 29 | 09 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Phú Nhuận | Ba |
| 2138 | VẬT LÝ | 259 | Mai Thị Trà | Ngân | 16 | 3 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Tân Thông Hội | Ba |
| 2139 | VẬT LÝ | 269 | Nông Nguyễn Khánh | Ngọc | 11 | 4 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Lê Hồng Phong | Ba |
| 2140 | VẬT LÝ | 308 | Cao Thái | Phúc | 22 | 8 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hữu Huân | Ba |
| 2141 | VẬT LÝ | 339 | Trần Thanh | Quang | 23 | 10 | 1995 | Nam Định | Bà Điểm | Ba |
| 2142 | VẬT LÝ | 353 | Lê Hải | Sơn | 09 | 04 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Ngô Quyền | Ba |
| 2143 | VẬT LÝ | 378 | Phùng Đức | Thắng | 4 | 2 | 1995 | Hải Phòng | Lương Thế Vinh | Ba |
| 2144 | VẬT LÝ | 456 | Lưu Nhật | Trung | 10 | 9 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Trần Đại Nghĩa | Ba |
| 2145 | VẬT LÝ | 493 | Phạm Thanh | Vân | 28 | 12 | 1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Bình Phú | Ba |

**Tổng số học sinh đạt giải: 2145**

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hoài Chương**